

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH**

**ĐỀ ÁN**  
**ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**CHUYÊN NGÀNH MỸ THUẬT ỨNG DỤNG**  
**MÀ SỐ: 8210410**

TP.HỒ CHÍ MINH - 2021

## MỤC LỤC

Trang	
<b>Mục lục</b> .....	<b>1</b>
<b>Phần 1. Sự cần thiết phải xây dựng đề án</b> .....	<b>3</b>
1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.....	3
1.2. Nhu cầu thực tiễn xã hội về đào tạo thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng tại Việt Nam.....	9
1.3. Giới thiệu về Bộ phận Sau đại học - Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế.....	16
1.4. Lý do đề nghị mở mã ngành đào tạo sĩ.....	17
<b>Phần 2. Năng lực của cơ sở đào tạo</b> .....	<b>19</b>
2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo khoa Mỹ thuật ứng dụng.....	20
2.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu .....	20
2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo .....	27
2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học .....	40
2.5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.....	53
<b>Phần 3. Chương trình và kế hoạch đào tạo</b> .....	<b>57</b>
3.1. Chương trình đào tạo.....	57
3.2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo đảm bảo chất lượng .....	63
3.3. Đề cương chi tiết các học phần.....	71
3.4. Dự kiến kế hoạch đào tạo.....	138
<b>Kết luận</b> .....	<b>139</b>
<b>Phần 4. Phụ lục</b> .....	<b>140</b>

**ĐỀ ÁN**  
**MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ MỸ THUẬT ỨNG DỤNG**

- Tên ngành đào tạo: Mỹ thuật ứng dụng
- Mã số: 8210410
- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

**PHẦN I**  
**SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1.1. Giới thiệu sơ lược về cơ sở đào tạo**

***1.1.1 Lịch sử phát triển***

Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh đã có bề dày lịch sử hơn 100 năm, bắt đầu từ Trường Vẽ Gia Định (École de Dessin) được thành lập năm 1913, sau đổi tên thành Trường Trang trí Mỹ thuật Gia Định năm 1917, Trường Mỹ nghệ Thực hành Gia Định năm 1940, Trường Quốc gia Trang trí Mỹ thuật Gia Định năm 1970. Năm 1954 Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn được thành lập bên cạnh Trường Mỹ nghệ Thực hành Gia Định (sau đổi thành Trường Quốc gia Trang trí Mỹ thuật Gia Định năm 1970).

Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh được thành lập theo quyết định số 175/CT ngày 29/9/1981 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, mà tiền thân là Trường Cao đẳng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập năm 1976 trên cơ sở sáp nhập từ hai trường: Trường Vẽ Gia Định (École de Dessin) được thành lập năm 1913 và Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn thành lập năm 1954. Đây là một trong những cơ sở đào tạo về lĩnh vực mỹ thuật có uy tín và chất lượng cho các tỉnh phía Nam và cả nước.

***1.1.2 Những giai đoạn phát triển từ Trường Vẽ Gia Định đến Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh***

*Giai đoạn thứ nhất (1913-1975):*

Trường dạy vẽ (École de Dessin), thường gọi là Trường Vẽ Gia Định

được thành lập năm 1913 là tiền thân của Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay. Năm 1917, Trường Vẽ Gia Định là trường mỹ thuật duy nhất được xếp vào loại “trường học đệ nhất cấp” và được nhận là hội viên của “Hiệp hội Trung ương Trang trí Mỹ thuật Paris”. Đây là một cột mốc quan trọng vì lần đầu tiên học sinh của trường được tiếp xúc với hội họa phương Tây. Trường bắt đầu đào tạo có hệ thống, có phương pháp khoa học thay cho cách đào tạo truyền nghề.

Năm 1940, Trường Vẽ Gia Định đổi tên thành Trường Mỹ nghệ thực hành Gia Định. Từ đây, chương trình đào tạo của Trường dần được cải thiện, thêm môn trang trí tổng quát, luật viễn cận, kí họa... Chương trình học của trường đã giúp sinh viên thâm nhập thực tế cuộc sống, phản ánh cuộc sống của nhân dân lao động trong những tác phẩm nghệ thuật.

Tháng 10 năm 1954, sau khi thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ, đất nước tạm thời chia làm hai miền. Theo nguyện vọng của giới họa sĩ, chính quyền Sài Gòn lúc bấy giờ đã chấp thuận việc thành lập Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn. Năm 1971, Trường Trung học Trang trí Mỹ thuật Gia Định đổi tên thành Trường Quốc gia Trang trí Mỹ thuật.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng miền Nam toàn thắng, cùng với đoàn quân tiến vào Sài Gòn, tổ Quân quản trực thuộc Phòng Mỹ thuật Trung ương Cục miền Nam vào tiếp quản Trường Quốc gia Trang trí Mỹ thuật Gia Định và Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn.

Được sự chỉ viện tích cực từ miền Bắc, các họa sĩ thuộc Phòng Mỹ thuật Giải phóng miền Nam cùng lực lượng tại chỗ tuy còn bỡ ngỡ, lo âu nhưng trong không khí chung của toàn dân tộc, vui mừng vì chiến tranh đã chấm dứt, đất nước hoàn toàn độc lập, tự do, đã cùng nhau hợp tác, chuyển cơ sở đào tạo của hai trường cũ thành một trung tâm đào tạo mỹ thuật của cách mạng.

#### *Giai đoạn thứ hai (1975-1981):*

Ngày 26 tháng 6 năm 1975, Bộ Thông tin Văn hóa của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ra quyết định bổ nhiệm Ban lãnh đạo nhà trường và giao nhiệm vụ soạn thảo chương trình để khai giảng năm học mới. Ngày 8 tháng 11 năm 1975, nhà trường khai giảng niên học đầu tiên.

Trong giai đoạn này, trường mang tên Trường Cao đẳng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh và hoàn thành nhiệm vụ quan trọng là đào tạo lực lượng cán bộ mỹ thuật có trình độ trung cấp và đại học cho các tỉnh thành và đặc khu ở phía Nam, đồng thời từng bước thực hiện phương châm đào tạo toàn diện và tập

trung đào tạo hai nội dung quan trọng nhất là cơ bản tạo hình và mối quan hệ của nghệ thuật tạo hình với cuộc sống.

Các phương thức và thời gian đào tạo trong giai đoạn từ 1975-1981:

- Đào tạo Cao đẳng chính quy 6 năm;
- Đào tạo Cao đẳng tại chức 5 năm;
- Đào tạo Trung cấp 5 năm;
- Đào tạo các lớp ngắn hạn: 6 tháng, 01 năm, 03 năm/khóa;

Nhằm nâng cao hiệu quả quá trình đào tạo, Trường Cao đẳng Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh đã mở các chuyên đề hình họa nghiên cứu (02/1976), tổ chức đi thực tế (4/1976), mở xưởng kỹ thuật chất liệu (1975), mở Khoa Đồ họa Cao đẳng (1976), mở các lớp mỹ thuật ngắn hạn ở các địa phương (1976-1980), mở hệ Cao đẳng tại chức (1978), mở các khóa đào tạo Thiết kế Mỹ thuật điện ảnh (1979). mở Khoa Trung học Mỹ thuật tại Trường Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Sóc Trăng (nay là Trường Trung học Văn hóa Nghệ thuật), xây dựng Khoa Mỹ thuật tại Trường Nghệ thuật Phnôm Pênh (1980), ký giao ước kết nghĩa với Trường Cao đẳng Mỹ thuật Dresden (1979)...

*Giai đoạn thứ ba (1981-1986):*

Ngày 29 tháng 9 năm 1981, Hội đồng Bộ trưởng đã ra quyết định đổi tên Trường Cao đẳng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Để phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường tiến hành bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho tất cả giảng viên, cán bộ quản lý thông qua hệ thống phương pháp luận đào tạo:

- Thế giới quan và phương pháp luận Mác - Lênin;
- Phương pháp nghệ thuật;
- Phương pháp sáng tác và quy trình sáng tác mỹ thuật;
- Phương pháp dạy và phương pháp học.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng tăng cường nghiên cứu khoa học, hoàn thành hệ thống giáo án, phân công viết giáo trình, dịch tư liệu giảng dạy, mở hội nghị chuyên đề giáo dục chính trị và công tác tư tưởng, nghiên cứu lý luận học thuật của nước ngoài, nghiên cứu khoa học và sáng tác. Tổ chức các chuyên đề chuyên môn như hình họa, trang trí, bố cục góp phần giữ vững cơ bản tạo hình và tiến hành sưu tập, bổ sung tài liệu trực quan cho giảng dạy trang trí, bố cục. Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Hội Nghệ sĩ

Tạo hình ở phía Nam bồi dưỡng sáng tác và tổ chức hoạt động nghề nghiệp cho các học viên đã tốt nghiệp hiện đang công tác ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, phối hợp với Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội, Cao đẳng Mỹ thuật Huế biên soạn toàn bộ chương trình đào tạo của các khoa hệ Đại học và Trung cấp Mỹ thuật.

*Giai đoạn thứ tư (1986 đến nay):*

Đây là giai đoạn thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, cũng là giai đoạn nhà trường đổi mới toàn diện và đồng bộ từ quy trình đào tạo, phương pháp tổ chức quản lý, đổi mới chế độ giảng dạy và học tập, thực hiện chương trình đào tạo. Bên cạnh việc tăng cường đội ngũ giảng dạy thích hợp với quy trình đào tạo mới, trường mở rộng quy mô đào tạo ngoài hệ chuẩn, mở ra những ngành đào tạo mới đáp ứng được nhu cầu của xã hội hiện tại, vừa tạo được nguồn thu nhập cho nhà trường, cán bộ công nhân viên.

Giai đoạn này, nhà trường đã mở thêm các ngành đào tạo:

- Chuyên khoa Tranh hoành tráng (1989);
- Khoa Mỹ thuật ứng dụng (1990);
- Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Mỹ thuật tạo hình, Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật (1995);
- Thành lập Khoa Sư phạm Mỹ thuật (1998).
- Mở các lớp liên kết đào tạo tại chức ở các địa phương như: Lâm Đồng, Cần Thơ, Sóc Trăng, Cà Mau, Bạc Liêu, Bến Tre, Tiền Giang, Trà Vinh, Bình Dương... So với trước đây, hiện nay số lượng sinh viên tuyển vào trường tăng lên khoảng gấp bốn lần. Nhà trường luôn chú trọng bổ sung hoàn thiện chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy và học tập cho các ngành đào tạo dựa trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tổ chức biên soạn tài liệu, sách giáo trình thuộc hệ chính thống và xuất bản các tài liệu, sách tham khảo theo từng thể loại do nhà trường biên tập và in tại xưởng in của trường như: vụng tập giới thiệu các khoa đào tạo, giới thiệu tác giả, tác phẩm, triển lãm ký họa, tranh cổ động...

Với phương châm đa dạng hóa phương thức đào tạo, vừa đào tạo tại trường vừa kết hợp liên kết đào tạo tại các địa phương, giai đoạn vừa qua nhà trường đã đào tạo được hơn 3000 cán bộ đáp ứng cho xã hội một đội ngũ cán bộ mỹ thuật đông đảo, trong số đó nhiều họa sĩ thành đạt đã trở thành lực lượng giảng dạy nòng cốt của nhà trường. Từ năm 1993, nhà trường đã mở đào tạo hệ

Cao học, đến nay được 23 khóa với số lượng 712 học viên. Đến năm 2015, nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật, đến nay đã tuyển sinh được 5 khóa với số lượng 25 học viên với mục tiêu cốt yếu nhằm nâng cao trình độ cho giảng viên các trường Mỹ thuật khu vực phía Nam và Thành phố Hồ Chí Minh. Quy chế kiểm tra, thi cử, đánh giá công nhận tốt nghiệp được thực hiện nghiêm túc, văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được cấp đúng quy định.

Phải khẳng định rằng, dù ở thời kỳ nào, Ban giám hiệu Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh vẫn luôn luôn quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên, có kế hoạch tuyển dụng, quy hoạch bổ nhiệm cán bộ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình cụ thể của nhà trường. Đội ngũ giảng viên cơ bản đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng, không ngừng được trẻ hóa, đang tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những trường mỹ thuật đầu tiên tại Đông Dương, có bề dày lịch sử và là nơi đào tạo mỹ thuật có tính học thuật uy tín tại khu vực phía Nam. Trên cơ sở bề dày này, nhà trường đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng một nền mỹ thuật mang tính bác học, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và trở thành một trung tâm đào tạo lớn về mỹ thuật phù hợp với quy mô của thành phố, của cả nước và trong khu vực.

### ***1.2.3 Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi***

**Sứ mạng:** Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh có sứ mệnh đào tạo những chuyên gia về mỹ thuật như: họa sĩ, nhà điêu khắc, nhà thiết kế, nhà sư phạm mỹ thuật, nhà lý luận và phê bình mỹ thuật có tri thức, phẩm chất đạo đức và có khả năng sáng tác, thiết kế, nghiên cứu, giảng dạy, đáp ứng mọi hoạt động mỹ thuật theo yêu cầu của xã hội.

**Tầm nhìn:** Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh sẽ trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực có uy tín về mỹ thuật hàn lâm, mỹ thuật ứng dụng ở khu vực phía Nam và trong cả nước. Phấn đấu đến năm 2025, công tác đào tạo của Nhà trường sẽ ngang tầm khu vực Đông Nam Á và có chỗ đứng uy tín trong khu vực và thế giới trong lĩnh vực mỹ thuật.

### **Giá trị cốt lõi: BẢN SẮC- SÁNG TẠO- HỘI NHẬP**

Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh luôn hướng đến việc bảo tồn giá trị bản sắc văn hoá của dân tộc; phát huy tính sáng tạo, niềm đam mê

của người nghệ sĩ; hướng tới hội nhập sâu rộng với nền mỹ thuật khu vực và thế giới.

#### ***1.2.4 Tóm tắt các thành tích nổi bật của trường theo các giai đoạn phát triển***

- Năm 1993 được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III.
- Năm 2002 được Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng II.
- Năm 2003 được tặng cờ Thi đua xuất sắc của Chính phủ.
- Trong 5 năm (2004, 2005, 2006, 2007, 2008) được tặng cờ Thi đua xuất sắc của Bộ Văn hóa Thông tin trước đây và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Năm 2008 được Hội đồng Nhà nước Cuba tặng thưởng “Huân chương đoàn kết” của nước Cộng hòa Cuba.
- Năm 2008 được Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương độc lập hạng III.
- Năm 2013, 2016, 2018, 2020 được tặng cờ Thi đua xuất sắc của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Năm 2020, được tặng cờ Thi đua xuất sắc của Chính phủ

#### ***1.2.5 Cơ cấu tổ chức***

1. Hội đồng Trường
2. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng
3. Hội đồng khoa học và đào tạo; và các Hội đồng chuyên môn khác
4. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:
  - a) Phòng Hành chính, Tổng hợp;
  - b) Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế;
  - c) Phòng Công tác sinh viên;
  - d) Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục;
5. Các khoa:
  - a) Khoa Mỹ thuật tạo hình;



b) Khoa Mỹ thuật ứng dụng;

c) Khoa Sư phạm Mỹ thuật;

d) Khoa Kiến thức cơ bản.

6. Các Trung tâm trực thuộc:

a) Trung tâm Thông tin, Thư viện;

b) Trung tâm Mỹ thuật ứng dụng, Tin học và Ngoại ngữ;

7. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam.

8. Các đoàn thể và tổ chức xã hội.

## **1.2 Nhu cầu thực tiễn xã hội về đào tạo thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng tại Việt Nam**

### ***1.2.1. Nhu cầu đào tạo thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng***

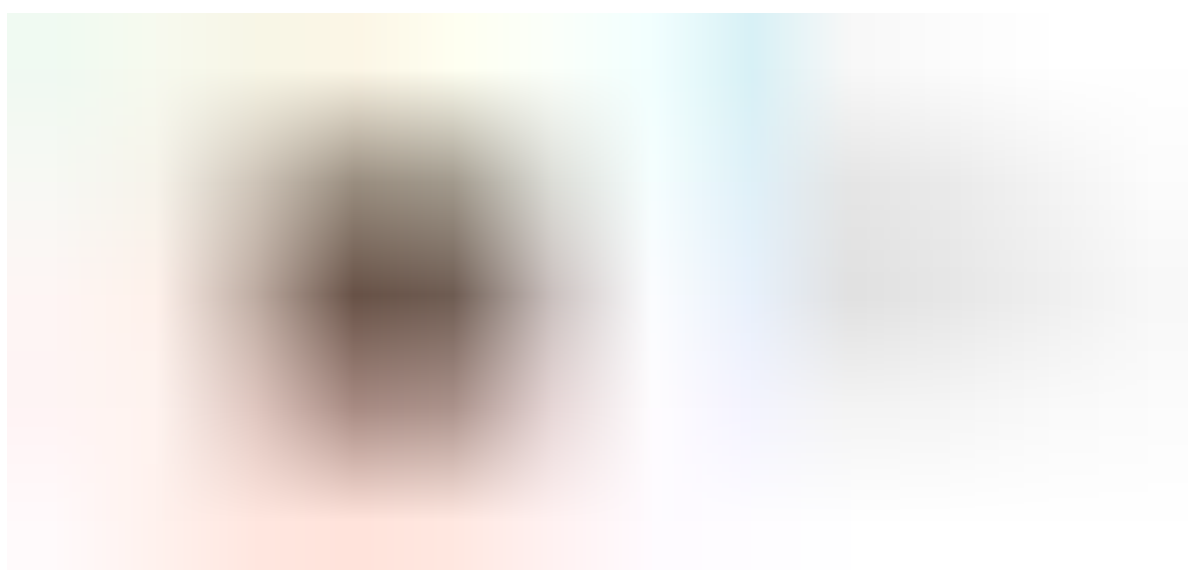
Từ năm 1990 đến nay, Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thành lập khoa Mỹ thuật ứng dụng đào tạo cử nhân ngành thiết kế đồ họa, đào tạo các họa sĩ có trình độ chuyên môn về thiết kế đồ họa, có khả năng tư duy thị giác, phát triển ý tưởng, sử dụng ngôn ngữ thị giác để thực hành sáng tạo các sản phẩm thiết kế đồ họa truyền thông như: Nghệ thuật chữ (Typo graphy), Thiết kế nhận diện thương hiệu (logo, biểu tượng, catalogue, lịch treo tường, lịch để bàn...), Thiết kế đồ họa sách báo và minh họa, Thiết kế đồ họa quảng cáo, Thiết kế bao bì sản phẩm, Thiết kế truyền thông đa phương tiện... Trong những năm gần đây, để đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của xã hội, nhiều trường và trung tâm đã mở các khóa đào tạo đội ngũ thiết kế mỹ thuật ứng dụng ngắn hạn và dài hạn. Tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện có 15 trường đại học, cao đẳng đào tạo chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng như Trường Đại học Mỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh, Đại học Kiến trúc Tp. Hồ Chí Minh, Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Quốc tế Hồng Bàng, Đại học Dân lập Văn Lang, Đại học RMIT, FPT Arena, Arena Multimedia... Trong đó, chỉ có Đại học Mỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh và Đại học Kiến trúc Tp. Hồ Chí Minh là hai cơ sở đào tạo công lập chủ lực đào tạo về ngành này suốt nhiều năm qua.

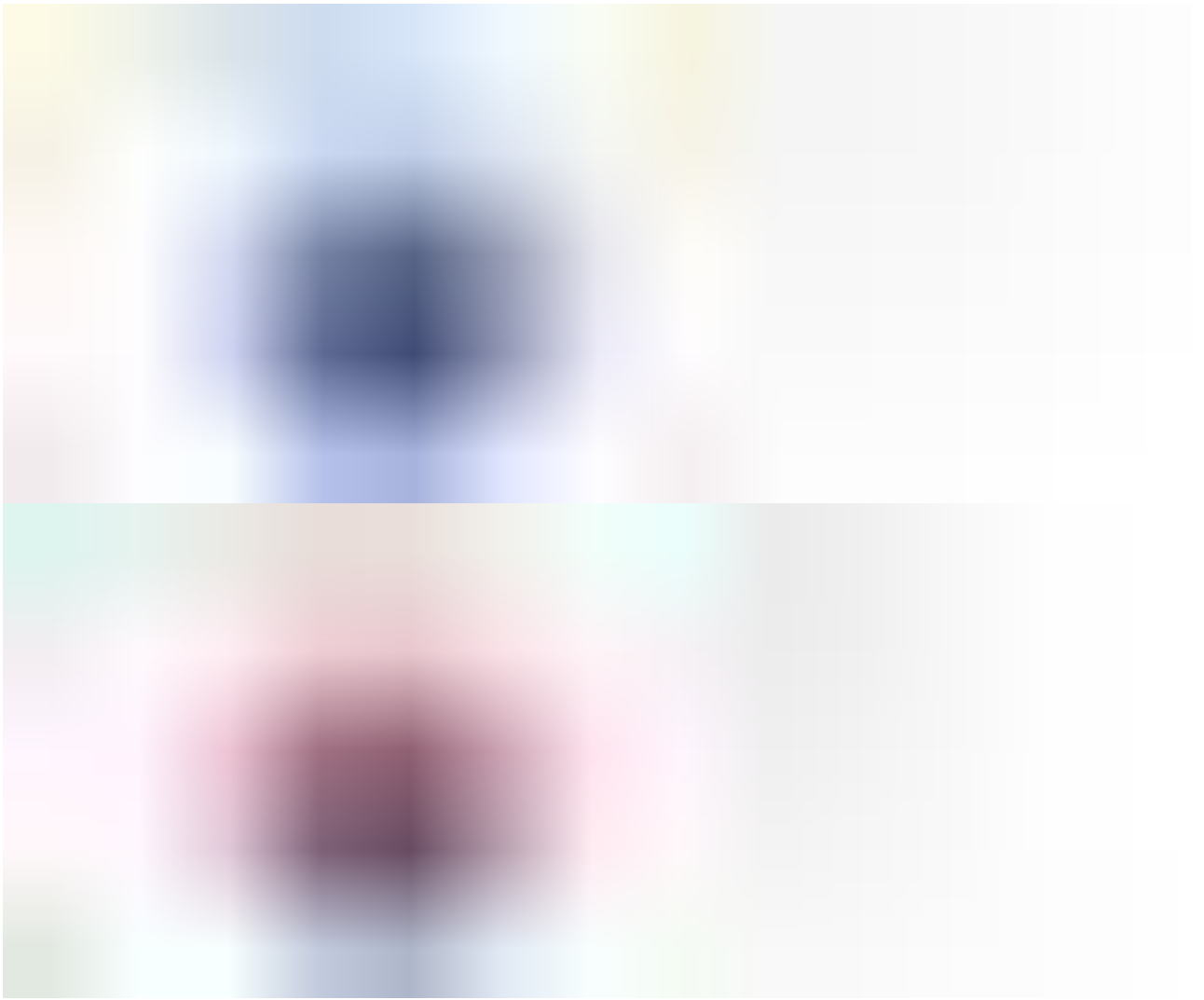
Đa số sinh viên đã tốt nghiệp các chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng có nhu cầu học tiếp ở bậc thạc sĩ để nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ cho công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo tại khu vực phía Nam và cả nước. Tuy nhiên, họ phải lựa chọn hoặc phải ra Hà Nội học thạc sĩ chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng tại trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội, hoặc phải học chuyển đổi để thi đầu vào bậc học thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và Lịch sử Mỹ

thuật hay chuyên ngành Mỹ thuật Tạo hình của trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là một bất cập cần phải được khắc phục kịp thời. Chính vì vậy, nhu cầu đào tạo chuyên sâu cho trình độ thạc sĩ chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng là thật sự cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách của xã hội.

### **1.2.1 Kết quả khảo sát nhu cầu thực tế của xã hội**

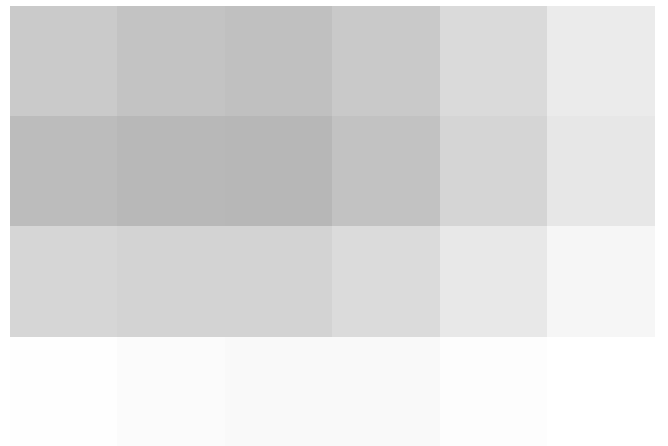
#### **A. Nhóm chuyên gia**



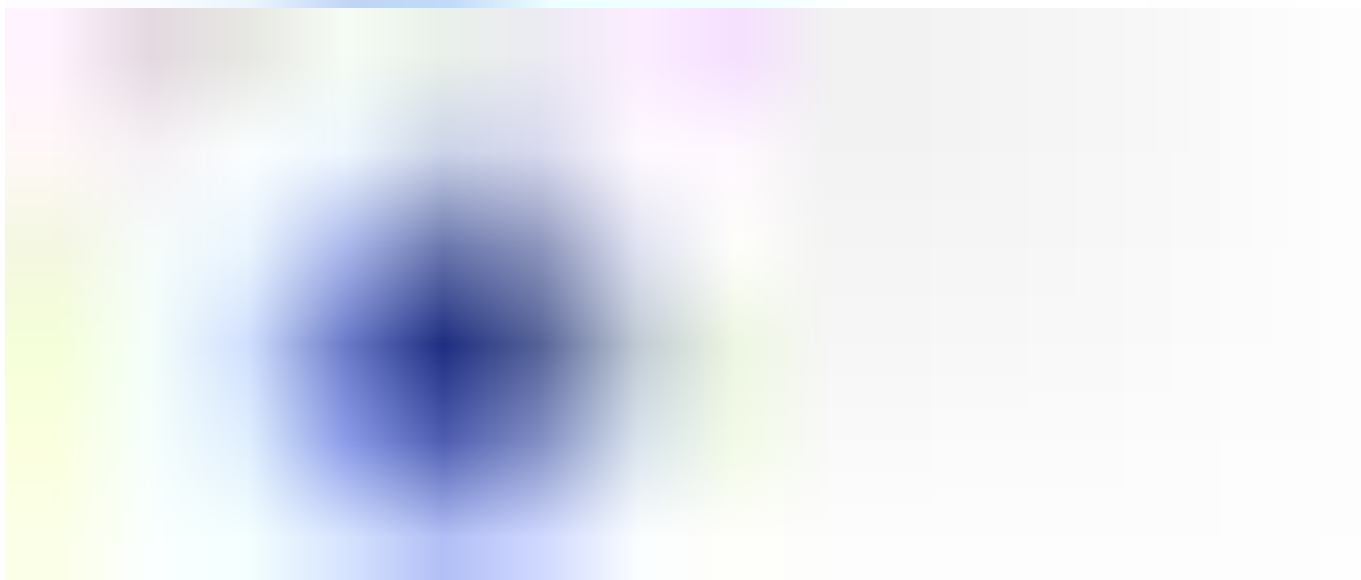
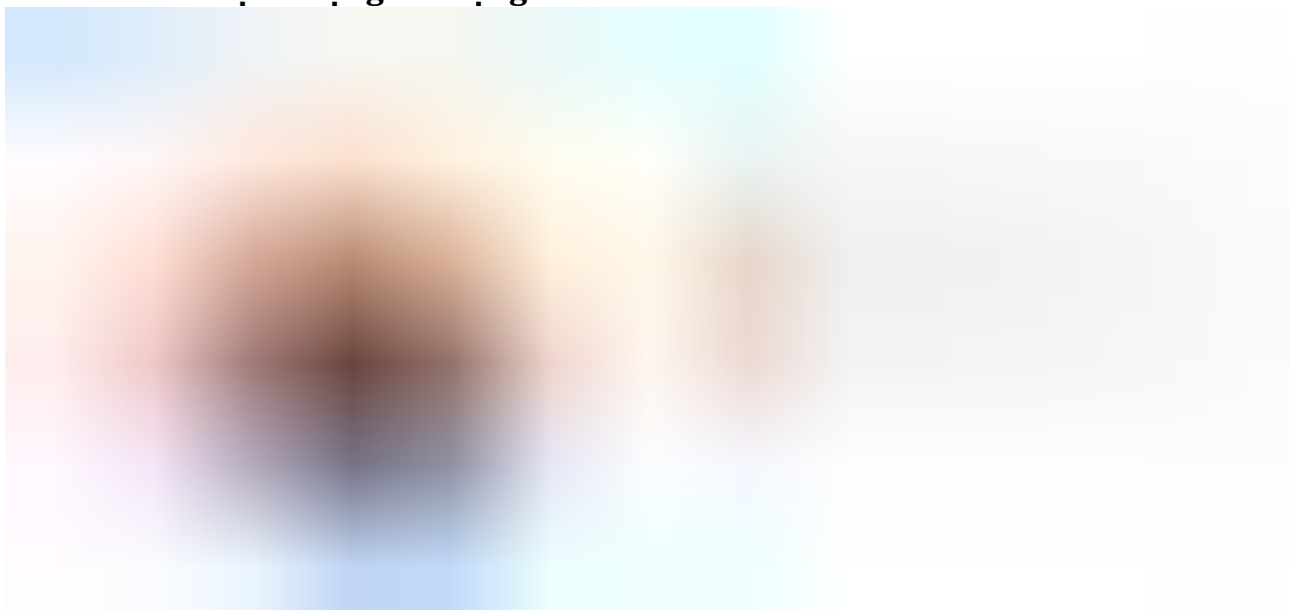


**1. Chuẩn mực về kỹ thuật ứng dụng trong các lĩnh vực thiết kế và nghệ thuật**

- Cập nhật và ứng dụng các phương pháp sáng tạo nghệ thuật vào các dự án nghệ thuật, nghiên cứu, quản lý, đáp ứng yêu cầu về thiết kế Mỹ thuật ứng dụng trong đời sống xã hội.
- Am hiểu về xu hướng nghệ thuật thị giác trong lĩnh vực liên ngành thiết kế và nghệ thuật.
- Có phương pháp luận tốt khi trình bày các vấn đề nghệ thuật và giảng dạy chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng tại các cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học.
- Có năng lực, trình độ chuyên sâu về chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng để có thể tiếp tục sự nghiệp học tập, nghiên cứu ở bậc học cao hơn trong nước và quốc tế.
- Xây dựng kỹ năng quản trị, triển khai các dự án thiết kế và về thiết kế mỹ thuật trong và ngoài nước.
- Khác: 6 ý kiến



## B. Nhóm đơn vị sử dụng lao động



## B. Chuẩn đầu ra đối với sinh viên Mỹ thuật ứng dụng (sau thời chọn nhiều loại chuyên)

( 08/2016 - 2019 )

- Cập nhật và ứng dụng các phương pháp sáng tạo nghệ thuật vào các dự án nghệ thuật, nghiên cứu, quản lý, đáp ứng yêu cầu về thiết kế Mỹ thuật ứng dụng trong đời sống xã hội.
- Am hiểu về xu hướng nghệ thuật thị giác trong lĩnh vực liên ngành thiết kế và nghệ thuật.
- Có phương pháp luận tốt khi trình bày các vấn đề nghệ thuật và giảng dạy chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng tại các cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học.
- Có năng lực, trình độ chuyên sâu về chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng để có thể tiếp tục sự nghiệp học tập, nghiên cứu ở bậc học cao hơn trong nước và quốc tế.
- Xây dựng kỹ năng quản trị, triển khai các dự án thiết kế và về thiết kế mỹ thuật trong và ngoài nước.
- Khác: Có kiến thức về các lĩnh vực xã hội khác như : văn hoá học, dân tộc học, lịch sử,...



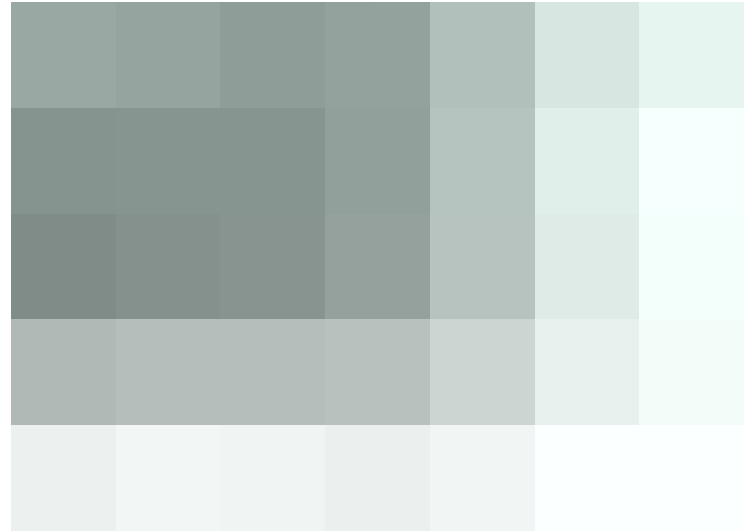
## C. Nhóm sinh viên năm cuối và cựu sinh viên





## 4. Điều kiện và nội dung đào tạo Mỹ thuật ứng dụng (bậc thạc sĩ) (Khoa Mỹ thuật)

- Cập nhật và ứng dụng các phương pháp sáng tạo nghệ thuật vào các dự án nghệ thuật, nghiên cứu, quản lý, đáp ứng yêu cầu về thiết kế Mỹ thuật ứng dụng trong đời sống xã hội.
- Am hiểu về xu hướng nghệ thuật thị giác trong lĩnh vực liên ngành thiết kế và nghệ thuật.
- Có phương pháp luận tốt khi trình bày các vấn đề nghệ thuật và giảng dạy chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng tại các cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học.
- Có năng lực, trình độ chuyên sâu về chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng để có thể tiếp tục sự nghiệp học tập, nghiên cứu ở bậc học cao hơn trong nước và quốc tế.
- Xây dựng kỹ năng quản trị, triển khai các dự án thiết kế và về thiết kế mỹ thuật trong và ngoài nước.
- Khác: Có kiến thức về các lĩnh vực xã hội khác như : văn hoá học, dân tộc học, lịch sử,...



Kết quả phân tích số liệu thu thập từ khảo sát nhu cầu học tập đối với ngành Mỹ thuật ứng dụng bậc thạc sĩ cho thấy:

Phần lớn các đối tượng được khảo sát gồm có các chuyên gia trong lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng và những ngành gần như Mỹ thuật, Văn hoá - Nghệ thuật, Giáo dục - Nghiên cứu, Kiến trúc - Nội thất, Game...; cựu sinh viên và sinh viên năm cuối ngành Mỹ thuật ứng dụng; các đơn vị và các cá nhân đang hoạt động trong đơn vị nhà nước, tư nhân, công ty cổ phần hoặc hoạt động tự do... đều đánh giá có nhu cầu cao học tập (chiếm trung bình hơn 80%) đối với ngành Mỹ thuật ứng dụng bậc học thạc sĩ.

Các đối tượng được khảo sát thể hiện mức độ rất quan tâm và quan tâm đến ngành đào tạo Mỹ thuật ứng dụng bậc học thạc sĩ chiếm tỉ lệ cao (87,2%) và hầu hết tham gia ý kiến đóng góp xây dựng chuẩn đầu ra của ngành học. Phần lớn các ý kiến đều đồng tình với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo của Nhà trường, phù hợp với các yêu cầu thực tiễn xã hội ngày nay.

Các đối tượng khảo sát là người có nhu cầu học tập ngành Mỹ thuật ứng dụng bậc học thạc sĩ đều đánh giá cao và mong muốn được học tập tại cơ sở Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (chiếm 74,1% so với các cơ sở đào tạo khác trong nước là 2,4%). Điều này chứng tỏ uy tín, kinh nghiệm đào

tạo, chất lượng đội ngũ cũng như cơ sở vật chất của Nhà trường đáp ứng được tốt nhu cầu học tập của người học.

### **1.3. Giới thiệu về Bộ phận đào tạo Sau đại học phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (Trước đây là Khoa Sau Đại học)**

#### ***1.3.1. Lược sử hình thành, phát triển các ngành đào tạo***

Trong xu thế phát triển toàn diện về đào tạo, Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh được giao nhiệm vụ đào tạo Sau đại học theo Quyết định số 1942/QĐ-SĐH ngày 16 tháng 9 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Để triển khai nhiệm vụ này, Khoa Sau Đại học được thành lập có sứ mệnh tổ chức đào tạo nguồn nhân lực có năng lực và trình độ cao trong lĩnh vực chuyên môn Mỹ thuật tạo hình, Lý luận và Lịch sử mỹ thuật. Điều này đã đặt ra nhiều thách thức cho Khoa trong việc phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo Sau đại học tại Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Để có thể đạt được mục tiêu trên, khoa đã có những nỗ lực không ngừng thông qua việc rà soát, đổi mới nội dung chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo mới cũng như tăng cường đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy, hướng dẫn học viên cao học và hướng tới phát triển đội ngũ nghiên cứu sinh. Kế thừa danh tiếng, uy tín đào tạo trong suốt hơn 100 năm qua của Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động đào tạo Sau Đại học của nhà trường liên tục được đổi mới nhằm phù hợp với những chuẩn mực đào tạo sau đại học trong khu vực và trên thế giới, đáp ứng được yêu cầu của xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 1743/QĐ-BVHTTDL ngày 14/5/2018 về việc sáp nhập phòng Đào tạo, Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Khoa Sau Đại học, Khoa Tại chức thành Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế.

#### ***1.3.2. Chương trình đào tạo***

Cho đến nay, Nhà trường đã và đang tổ chức 23 khóa đào tạo cao học với tổng số 712 học viên cho cả hai chuyên ngành Mỹ thuật tạo hình, Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật. Các chương trình đào tạo sau đại học hiện nay của Nhà



trường bao gồm:

- Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Lịch sử mỹ thuật, Mã số: 9 21 01 01

- Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và Lịch sử mỹ thuật, Mã số: 8 21 01 01.

- Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Mỹ thuật Tạo hình, Mã số: 8 21 01 02.

### ***1.3.3. Giảng viên tham gia giảng dạy sau đại học***

- Tham gia giảng dạy các khóa sau đại học bao gồm 12 giảng viên cơ hữu (có học vị TS, chức danh PGS.TS) trong đó có giảng viên được đào tạo (thạc sĩ, tiến sĩ) ở nước ngoài, có kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu trong môi trường quốc tế. Ngoài ra, tham gia vào hoạt động đào tạo sau đại học còn có 27 giảng viên thỉnh giảng là các nhà khoa học có uy tín (GS, PGS.TS, TS) từ các cơ sở nghiên cứu và đào tạo uy tín khác ở trong và ngoài nước.

### ***1.3.4 Giới thiệu về khoa Mỹ thuật ứng dụng***

Chương trình đào tạo ngành Mỹ thuật ứng dụng được đưa vào giảng dạy từ năm 1981 và trực thuộc Khoa Hội họa. Đến năm 1990, Khoa Mỹ thuật ứng dụng được thành lập và phát triển song song cả ba lĩnh vực: Nghệ thuật trang trí, nghệ thuật thủ công và nghệ thuật thiết kế.

Khoa Mỹ thuật ứng dụng đào tạo ngành Thiết kế đồ họa và chuyên ngành Mỹ thuật truyền thông đa phương tiện với mục tiêu trang bị cho người học những kỹ năng, kiến thức cần thiết giúp cho người học có những khả năng và phẩm chất của một nhà thiết kế. Bên cạnh việc trang bị kiến thức nghề nghiệp và các kỹ năng cụ thể, họa sĩ thiết kế còn phải có những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và ý thức tổ chức kỷ luật.

## **1.4 Lý do đề nghị mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ**

- Căn cứ vào lịch sử hình thành và phát triển trên 100 năm của Trường vẽ Gia Định - Trường Đại học Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh (1913 - 2021).

- Căn cứ vào Nghị quyết số 01-NQ/HĐT của Hội đồng Trường Trường Đại học Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ vào Đề án phát triển Trường Đại học Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2021 và tầm nhìn 2030.

- Căn cứ vào sự phân tích đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực học thạc sĩ mỹ

thuật ứng dụng, nhu cầu thực tế của xã hội.

- Căn cứ vào tình hình đội ngũ giảng viên giảng dạy trình độ sau Đại học của nhà trường.

Trên cơ sở những căn cứ trên, Trường Đại học Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh kính đề nghị Bộ giáo dục và Đào tạo cho phép Nhà trường đào tạo trình độ thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng.

## Phần II

### NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

#### 2.1. Khái quát về quá trình đào tạo khoa Mỹ thuật ứng dụng

Khoa Mỹ thuật ứng dụng được thành lập theo quyết định số 55/2004/QĐ-BVHTT ngày 14 tháng 7 năm 2004 của Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch. Khoa hiện nay được giao nhiệm vụ đào tạo cử nhân ngành Thiết kế đồ họa (Graphic Design) và chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật truyền thông đa phương tiện (Multimedia Art Design). Quy mô đào tạo gần 600 sinh viên với Đội ngũ 14 giảng viên cơ hữu, trong đó có 01 PGS.TS, 01 tiến sĩ và 12 thạc sĩ.

Sinh viên tốt nghiệp Thiết kế đồ họa (Graphic Design) có khả năng thiết kế, sáng tác những tác phẩm đồ họa hai chiều (Graphic Design) và thiết kế quảng cáo (Advertising Design) như: Thiết kế Logo, thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu (Corporate Identity), thiết kế bao bì (Packaging Design), thiết kế sách, báo, tạp chí, Poster, Catalogue, Brochure, Lịch, Web, thiết kế hệ thống nhận diện sản phẩm (Brand Identity), hoặc có thể giảng dạy thiết kế đồ họa.

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật truyền thông đa phương tiện (Multimedia Art Design) có thể thực hiện các dự án thiết kế độc lập hoặc làm việc nhóm quản lý và triển khai các dự án về mỹ thuật truyền thông như sản xuất phim ngắn, phim quảng cáo, web, Video Art, ... thực hiện tốt các công việc thiết kế, nghiên cứu, triển khai và quản lý các dự án chuyên ngành mỹ thuật truyền thông đa phương tiện tại các công ty ...

Qua kết quả khảo sát của Nhà trường về tình hình sinh viên Khoa mỹ thuật ứng dụng tốt nghiệp có việc làm cho thấy 98% sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường đúng chuyên ngành đào tạo.

*Bảng thống kê số lượng sinh viên khoa Mỹ thuật ứng dụng đang theo học trong 05 năm qua:*

<b>KHOA MỸ THUẬT ỨNG DỤNG</b>						
<b>Năm học</b>	<b>Năm học 2014 - 2015</b>	<b>Năm học 2015 - 2016</b>	<b>Năm học 2016 - 2017</b>	<b>Năm học 2017 - 2018</b>	<b>Năm học 2018 - 2019</b>	<b>Năm học 2019 - 2020</b>
Tổng số SV	393	455	530	574	603	591

## 2.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu

Để đáp ứng được nội dung chương trình đào tạo sau đại học, ngoài các giảng viên cơ hữu của trường gồm 10 giảng viên, Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh mời các giảng viên tham gia thỉnh giảng (21 giảng viên) trong chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ đến từ các cơ sở đào tạo lớn trong nước như: Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam (Vicas), Trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Nghệ thuật Huế, Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Văn Lang, Trường Đại học Sài Gòn, Đại học Bạc Liêu, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam, Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội, Đại học Kiến trúc Hà Nội, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội và các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, bảo tàng, các cơ quan quản lý về văn hóa nghệ thuật ở Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Với đội ngũ nhân lực như vậy, Bộ phận Đào tạo Sau đại học - Phòng Đào tạo, QLKH&HTQT có thể đảm nhiệm tốt nhiệm vụ giảng dạy bậc Sau đại học chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng và các chuyên ngành khác.

Thông tin chi tiết về đội ngũ cán bộ khoa học, giảng dạy của Bộ phận đào tạo Sau đại học - Phòng Đào tạo, QLKH&HTQT, Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh được thể hiện cụ thể ở các bảng sau:

**Bảng 2.2.1 Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ, ngành Mỹ thuật ứng dụng của Trường ĐH Mỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh**

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài)	Tham gia giảng dạy học phần
----	---------------------------------------	--------------------	------------------------------	---------------------	----------------------------------	--	-----------------------------

						<b>báo)</b>	
1	<b>Nguyễn Văn Minh,</b> 1965, Hiệu trưởng Trường ĐH Mỹ thuật Tp.HCM	PGS 2018	Tiến sĩ Viện Văn hóa Nghệ thuật QGVN, 2013	Lý luận và Lịch sử mỹ thuật	2012	5 giáo trình, 1 sách, 13 bài báo, 4 đề tài	Phương pháp nghiên cứu khoa học; Mỹ thuật truyền thống Việt Nam; Văn hoá dân tộc học nghệ thuật, Mỹ thuật học; Các loại hình nghệ thuật thị giác mới
2	<b>Cung Dương Hằng,</b> 1968, Trưởng khoa Mỹ thuật Ứng dụng	PGS 2015	Tiến sĩ Viện Văn hóa Nghệ thuật QGVN, 2012	Lý luận và Lịch sử mỹ thuật	2012	1 đề tài cấp Bộ, 6 đề tài cấp trường, 12 bài báo, 14 tham luận	Cơ sở Design thị giác; Tư duy thiết kế; Cơ sở lý luận design; Đồ án chuyên ngành; Mỹ thuật môi trường đô thị
3	<b>Trương Phi Đức,</b> 1957, Giảng viên		Tiến sĩ, Viện Văn hóa Nghệ thuật QGVN, 2012	Lý luận và Lịch sử mỹ thuật	2004	3 bài báo, 3 tham luận, 1 sách	Văn hoá dân tộc học nghệ thuật
4	<b>Nguyễn Hồng Ngọc,</b> 1976, Phó Trưởng Phòng Đào tạo, QLKH&HTQT		Tiến sĩ Viện Văn hóa Nghệ thuật QGVN, 2017	Lý luận và Lịch sử mỹ thuật	2018	3 sách, 26 bài báo, 6 tham luận 3 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài cấp	Lịch sử Design; Cơ sở Design thị giác; Tư duy thiết kế; Mỹ thuật truyền thống Việt Nam; Mỹ thuật học;

						trường	Cơ sở lý luận design; Đồ án chuyên ngành; Mỹ thuật môi trường đô thị
5	<b>Đỗ Văn Dũng</b> , 1980, Phó Hiệu trưởng		Tiến sĩ, Đại học Mỹ thuật TP.HCM, 2021	Lý luận và Lịch sử mỹ thuật	2017	1 đề tài cơ sở, 1 đề tài cấp Bộ, 3 tham luận, 2 bài báo	Cơ sở Design thi giác; Tư duy thiết kế; Đồ án chuyên ngành; Thiết kế đồ họa đa phương tiện; Thiết kế bền vững
6	<b>Nguyễn Minh Quang</b> , 1972, Giảng viên Khoa Sư Phạm		Tiến sĩ, Đại học Thượng Hải Trung Quốc, 2016	Mỹ thuật học	2018	12 bài báo, 3 tham luận; 9 sách và giáo trình	Xã hội học nghệ thuật; Mỹ thuật học; Nhân học nghệ thuật
7	<b>Đoàn Minh Ngọc</b> , 1976, Giảng viên, Phó Trưởng Khoa Sư phạm		Tiến sĩ, Viện Văn hóa Nghệ thuật QGVN, 2019	Lý luận và Lịch sử mỹ thuật	2021	5 bài báo, 4 tham luận	Xã hội học VHNT; Mỹ thuật học; Nhân học nghệ thuật
8	<b>Lê Văn Dẫn</b> , 1978, Phó Hiệu trưởng		Thạc sĩ, ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn Tp.HCM, 2008	Triết học	2017	2 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài cấp trường, 1 bài báo	Triết học
9	<b>Trần Thị Hải</b> , 1973, Giảng viên Khoa		Thạc sĩ Đại học Victoria	Tiếng Anh	2013	3 đề tài, 2	Tiếng Anh

	Kiến thức cơ bản		Australia, 2013			tham luận, 1 giáo trình	
10	<b>Huỳnh Thanh Trang</b> , 1987, Giảng viên Khoa Sư phạm		Tiến sĩ Viện Văn hóa Nghệ thuật QGVN, 2021	Lý luận và Lịch sử mỹ thuật	2021	2 bài báo	Mỹ thuật truyền thống Việt Nam; Văn hoá dân tộc học nghệ thuật

**Bảng 2.2.2. Danh sách các giảng viên thỉnh giảng tham gia đào tạo ngành đăng kí đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo**

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Ghi chú
1	<b>Nguyễn Xuân Tiên</b> , 1958, Chủ tịch Hội Mỹ thuật Tp.HCM	GS 2018	Tiến sĩ Viện Văn hóa Nghệ thuật QGVN, 2009	Lý luận và Lịch sử mỹ thuật	ĐH Mỹ thuật Tp.HCM 2008, ĐH Nguyễn Tất Thành 2020, ĐH Văn hóa Tp.HCM	2 sách chủ biên, 01 đề tài cấp nhà nước, 06 đề tài cấp Bộ, 21 bài báo, 7 giải thưởng, 35 công trình	

2	<b>Huỳnh Quốc Thắng,</b> 1952, GV Trường ĐH Khoa học, Xã hội & NV	PGS 2012	Tiến sĩ, ĐH Khoa học, Xã hội & NV, 1999	Dân tộc học	ĐH Mỹ thuật Tp.HCM, 2007, ĐH Văn hóa Tp.HCM	8 đề tài 69 bài báo	
3	<b>Bùi Hoài Sơn,</b> 1975, Viện trưởng Viện Văn hóa Nghệ thuật QGVN	PGS 2013	Tiến sĩ, Viện Văn hóa Nghệ thuật QGVN, 2007	Xã hội học	ĐH Mỹ thuật Tp.HCM 2008, ĐH Văn hóa Tp.HCM	2 đề tài, 20 bài tham luận, 11 sách	
4	<b>Đỗ Lệnh Hùng Tú,</b> 1957, Trưởng Khoa Design ĐH Công nghệ SG	PGS 2019	Tiến sĩ, Viện Văn hóa Nghệ thuật QGVN, 2015	Lý luận và Lịch sử mỹ thuật	ĐH Mỹ thuật Tp.HCM 2015, ĐH Văn hóa Tp.HCM, ĐHQT Hồng Bàng 2017	01 đề án, 01 đề tài cấp Bộ, 02 đề tài cấp cơ sở, 12 bài báo	
5	<b>Đinh Ngọc Thạch,</b> 1958, GV Trường ĐH Khoa học, XH&NV	PGS 2004	Tiến sĩ, Leningrad-Saint-Petersburg, Nga, 1993	Triết học	ĐH Mỹ thuật Tp.HCM 1993, ĐH Văn hóa Tp.HCM	6 đề tài, 12 bài báo	
6	<b>Nguyễn Thế Dũng,</b> 1962, Hiệu trưởng ĐH Văn hóa TPHCM	PGS	Tiến sĩ, Đại học Tổng hợp QG Văn hóa nghệ thuật Mat-xơ-va, 2011	Giáo dục học	2019	4 đề tài 12 bài báo	



7	<b>Nguyễn Đức Sơn,</b> 1977, Giảng viên Trường ĐH Sài Gòn		Tiến sĩ, Viện Văn hóa Nghệ thuật QGVN, 2016	Lý luận và Lịch sử mỹ thuật	ĐH Mỹ thuật Tp.HCM 2019, ĐH Bách khoa Tp.HCM	6 bài báo, 4 bài tham luận, 2 giáo trình	
8	<b>Nguyễn Thị Việt Hà,</b> 1979, Giảng viên Trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM		Tiến sĩ, Viện Văn hóa Nghệ thuật QGVN, 2017	Lý luận và Lịch sử mỹ thuật	ĐH Mỹ thuật Tp.HCM, ĐH Kiến trúc Tp.HCM	6 bài báo	
9	<b>Trang Thanh Hiền,</b> 1974, Giảng viên Trường ĐH Mỹ thuật VN		Tiến sĩ Học viện khoa học xã hội VN, 2014	Văn hóa học	ĐH Mỹ thuật Tp.HCM	6 đề tài 50 bài báo	
10	<b>Ngô Minh Hùng,</b> 1975, Giảng viên ĐH Văn lang TP.HCM		Tiến sĩ, ĐH Quốc gia Singapor, 2010	Lý luận Kiến trúc	ĐH Mỹ thuật Tp.HCM, ĐH Kiến trúc Tp.HCM	1 sách 14 bài báo 7 tham luận	
11	<b>Hồ Nam,</b> 1969, Trường ĐH Mỹ thuật Công nghiệp HN		Tiến sĩ, ĐH Mỹ thuật Tp.HCM, 2020	Lý luận và Lịch sử mỹ thuật	ĐH Mỹ thuật Tp.HCM	6 đề tài 20 bài báo	
12	<b>Phạm Hữu Công,</b>		Tiến sĩ, Viện VHXH	Khảo cổ học	ĐH Mỹ thuật Tp.HCM	2 đề tài 4 bài báo	

	1955, Giảng viên ĐH Công nghệ SG		Tp.HCM				
13	<b>Lê Trần Hậu Anh,</b> 1981, Giảng viên ĐH Mỹ thuật Việt Nam		Tiến sĩ, Viện Văn hóa Nghệ thuật QGVN, 2016	Lý luận & LSMT	ĐH Mỹ thuật Tp.HCM	5 bài báo 1 đề tài	
14	<b>Nguyễn Thị Lan Hương,</b> 1973, Giảng viên ĐH Xây dựng		Tiến sĩ, Viện Văn hóa Nghệ thuật QGVN, 2016	Lý luận & LSMT	ĐH Mỹ thuật Tp.HCM	15 bài báo 2 giáo trình 2 đề tài	
15	<b>Dương Thị Kim Đức,</b> 1975, Giảng viên Trường ĐH Bách Khoa HN		Tiến sĩ, ĐH Đông Hoa Thượng Hải, 2013	Thiết kế thời trang	ĐH Mỹ thuật Tp.HCM	5 bài báo 1 đề Tài	
16	<b>Nguyễn Thị Kim Hương,</b> 1968, Giảng viên ĐH Kiến trúc Hà Nội		Tiến sĩ, Viện Khoa học Xã hội, 2015	Văn hóa dân gian	2010	2 đề tài 5 bài báo 3 hội thảo	
17	<b>Võ Thị Thu Thủy,</b> 1963, Giảng viên ĐH Kiến trúc Tp.HCM	PGS 2020	Tiến sĩ, Đại học Quốc gia TP HCM	Văn hóa học	Tp.HCM, ĐH Kiến trúc Tp.HCM	4 đề tài 4 bài báo	
18	<b>Nguyễn Văn</b>	PGS 2014	Tiến sĩ, Viện Văn	Lý luận và Lịch	2010	4 đề tài 15 bài báo	

	<b>Dương,</b> 1962, Giảng viên Phó Viện trưởng Viện QHKT-Hà Nội		hóa Nghệ thuật QGVN, 2009	sử mỹ thuật			
19	<b>Đinh Hồng Hải,</b> 1970, Giảng viên Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn Hà Nội	PGS 2016	Tiến sĩ, Viện Văn hóa Nghệ thuật QGVN, 2011	Lý luận và Lịch sử mỹ thuật	2011	48 bài báo 35 tham luận 18 sách 5 đề tài	
20	<b>Trương Thu Trang,</b> 1981, Giảng viên Đại học Bạc Liêu		Tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội, 2017	Văn hóa học	2019	5 đề tài cấp cơ sở, 2 sách, 31 bài báo	
21	<b>Ngô Thị Thu Trang,</b> 1978, Trưởng khoa Mỹ thuật ứng dụng, Đại học Kiến trúc Tp.HCM	PGS.TS	Tiến sĩ, Đại học Chiba – Nhật bản, 2010	Lý luận thiết kế	2018	1 đề tài cấp bộ, 9 bài báo	

### 2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

- Tổng diện tích đất của trường: 5.851,9 m<sup>2</sup>
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một sinh viên chính quy: 11.627 m<sup>2</sup>

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 48 phòng (*mỗi phòng 4 sinh viên*).
- Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị:

<b>TT</b>	<b>Tên</b>	<b>Các trang thiết bị chính</b>
1	Phòng thực hành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xưởng Điều khắc chất liệu: Máy điều khắc gỗ CNC 3D, Máy cưa xích công suất 4.9KW, Máy cưa xích 740W, Máy chà nhám rung cầm tay loại chữ nhật, Máy đánh bóng cầm tay, Máy nén khí, Xe cầu tự hành 7 tấn, Cầu trục đẩy tay 15 tấn, máy cắt đá cầm tay chạy điện, máy cắt đá cầm tay chạy điện, Máy mài đá chi tiết đa năng, Máy khoa đá cầm tay chạy điện, Búa đục đá sử dụng khí nén, Máy mài đầu trụ khí nén, máy nén khí, Thiết bị phụ trợ máy nén, Bộ máy hàn chuyên dụng, Lò nung gốm sử dụng điện, Bộ máy tính thiết kế, máy hút bụi công nghiệp, SWITCH 24 PORT.</li> <li>- Hệ thống Audio</li> <li>+ Hệ thống Camera và phụ kiện: Silid – State Memory Camcorder with Three 1/3 – inch – type Full –HD Exmor tm, SxS-1 Memory Card, SxS Memory Card, SxS Memory USD Reader/Writer, Li-Ion Battery Pack, Monaural Microphone, Solt carryinh case, Túi che mưa cho camera, Chân máy quay-Tripod, Chân máy quay-Tripod, Điều khiển ống kính, Dây nối dài cho điều khiển, Đèn led cho camera, Phụ kiện cho camera (khung đặt mát quay lên</li> </ul>

		<p>vai, Khung tay cầm, Chống rung, Bảng phân cảnh, dù xuyên trắng, Dù phản đen bạc, Tấm phản quang).</p> <p>+ Hệ thống Video: Multiformat Compact Switcher, LCD cho hiển thị multiview 40 inch, Màn hình, Đầu ghi phát (dùng thẻ nhớ cùng loại với Camera), SxS-1 Memory Card, Bộ Phân phối tín hiệu, Bộ chuyển đổi tín hiệu SDI-HDMI, Bộ dựng hình (máy tính dựng hình, làm hậu kỳ; Phần mềm dựng hình; Màn hình cho máy tính dựng &gt;20; Card capture cho máy tính</p> <p>+ Hệ thống thiết bị phòng thu âm: Audio Mixer, Bộ xử lý âm thanh kỹ thuật số, Bộ chia âm thanh, Máy thu âm, Micro thu âm, Chân đế bàn cho micro thu âm, Micro thu âm không dây cài áo (Micro loại cài áo, Bộ phát đeo lưng, Bộ thu Dual, Loa kiểm tra, Tai nghe phòng thu).</p> <p>+ Hệ thống liên lạc: Wired Intercon/Tally System for 5 Camera</p> <p>+ Hệ thống cần cầu, trượt, ray:</p> <p>* Hệ thống cần cầu: Cần cầu cho camera, Balance weight, đường ray cho cần cầu Camera.</p> <p>* Hệ thống bàn trượt: Bàn trượt đặt hệ thống camera và chân, Đường ray cho bàn trượt ở trên.</p> <p>* Khung quay vòng cung đặt máy quay để</p>
--	--	---

		<p>lia.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống đèn và trang âm</li> <li>+ Hệ thống đèn: Đèn tụ công nghệ LED 80W, Đèn tỏa chiếu phong LED 120W RGBW, Đèn ánh sáng trắng công nghệ LED 200W, Bộ đèn thu ngoại cảnh, Tay treo đèn kiểu lò xo, Bộ chia tín hiệu DMX 1 In 6 Out, Hệ thống điều khiển DMX, Phụ kiện điều khiển.</li> <li>+ Hệ thống phong: Khung treo phong, Phong Choromakey, Phong màn Background, Khung dầm treo đèn, Tủ điện, cáp nguồn cho hệ thống, CB, Bàn đặt thiết bị và phụ kiện lắp đặt hệ thống</li> <li>+ Hệ thống trang âm: Tấm trần cách âm, Tấm tường phản âm và tấm tường tiêu âm, Tấm chân tường cách âm, Trải thảm sàn cho phòng, cửa đi cho phòng control, Cửa đi cho phòng thu âm, 2 lớp, Vách kính cho phòng control, Vách kính cho phòng thu âm, vật tư phụ.</li> </ul>
2	Xưởng sơn mài	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hệ thống mài : 60m<sup>2</sup></li> <li>+ Phòng ủ: 60m<sup>2</sup></li> <li>+ Phòng kỹ thuật chất liệu: 60m<sup>2</sup></li> </ul>

#### 4.1.3. Thống kê phòng học

<b>TT</b>	<b>Loại phòng</b>	<b>Số lượng</b>
1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	0
2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	08
3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	06

4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	63
5.	Số phòng học đa phương tiện	02

4.1.4. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện:

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành I	- Sách: 19.432 bản - Tạp chí: 8357 bài trích - Hình ảnh: 12.053 ảnh - LVLA: 2681 bản
2	Nhóm ngành II	

**- Danh mục sách, tạp chí phục vụ công tác đào tạo sau đại học**

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Ghi chú
1	Phát huy bản sắc dân tộc trong nghệ thuật thiết kế đồ họa ở Việt Nam hiện nay	Việt Nam	2017	01		
2	Hình tượng Bác Hồ trong tranh cổ động của họa sĩ Trần Mai	Việt Nam	2016	01		
3	Giáo trình thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu	Việt Nam	2016	01		
4	Đổi mới phương pháp hoạt động giảng dạy và học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành thiết kế đồ họa của khoa Mỹ thuật ứng dụng tại Trường ĐH.Mỹ thuật TP.Hồ Chí Minh	Việt Nam	2015	01		
5	Giáo trình thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu	Việt Nam	2016	02		
6	Giáo trình thiết kế bao bì	Việt Nam	2016	02		

7	Nguyên lý thiết kế công trình kiến trúc công cộng	Việt Nam	2012	02		
8	Thiết kế hoa để bàn	Việt Nam	2010	02		
9	Sách thiết kế Trung Quốc	Việt Nam	2002	01		
10	Tạo hình thiết kế mỹ thuật phim truyện	Việt Nam	2009	02		
11	Những ý tưởng sáng tạo trong nghệ thuật thiết kế: Vận dụng hình ảnh dân gian nước ngoài	Việt Nam	2008	02		
12	Những ý tưởng sáng tạo trong nghệ thuật thiết kế : Vận dụng hình ảnh truyền thống nước ngoài	Việt Nam	2008	02		
13	Những ý tưởng sáng tạo trong nghệ thuật thiết kế : Vận dụng hình ảnh hiện đại	Việt Nam	2008	02		
14	Giáo trình kết cấu lập thể và thiết kế hiện đại	Trung Quốc	2006	01		
15	Giáo trình thiết kế VI	Trung Quốc	2005	01		
16	Thiết kế trang bìa tranh truyện thiếu nhi	Trung Quốc	2003	01		
17	Sổ tay thiết kế kết cấu đường nét, dành cho sinh viên	Trung Quốc	2004	01		
18	Giáo trình dạy thiết kế không gian	Trung Quốc	2005	01		
19	Giáo trình thiết kế màu sắc phong cảnh	Trung Quốc	2005	01		
20	Sách tham khảo thiết kế đồ gốm	Trung Quốc	2003	01		
21	Tài liệu về thiết kế cảnh quan: Dành cho sinh viên ĐHMT	Trung Quốc	2007	01		
22	Đối chiếu màu sắc trong thiết kế	Trung Quốc	2003	01		
23	Taunton's kidspace idea book: Ý tưởng thiết kế không gian trẻ em	New York	2001	01		
24	Thiết kế logo	Trung Quốc	2001	01		
25	Nghệ thuật thiết kế - phối cảnh	Trung Quốc	2003	01		



26	Thiết kế trang trí	Trung Quốc	2003	01		
27	Nghệ thuật thiết kế môi trường	Trung Quốc	2005	01		
28	Thiết kế maquette trang in	Trung Quốc	2005	01		
29	Màu sắc thiết kế của Pháp	Trung Quốc	1999	01		
30	Phân tích thiết kế sản phẩm. T1	Trung Quốc	2006	01		
31	Thiết kế thời trang - Thiết kế hiện đại cơ bản	Trung Quốc	2003	01		
32	Thiết kế đồ dùng gia đình	Trung Quốc	2007	01		
33	Phác họa thiết kế	Trung Quốc	2005	01		
34	Thiết kế maquette trang in	Trung Quốc	2005	01		
35	Thiết kế bao bì sản phẩm	Trung Quốc	2005	01		
36	Tạo hình hoạt hình và thiết kế hiện đại	Trung Quốc	2007	01		
37	Trang trí thiết kế nội thất	Trung Quốc	2004	01		
38	Kết cấu màu sắc và thiết kế hiện đại	Trung Quốc	2006	01		
39	Các đề thi thiết kế trang phục	Trung Quốc	2002	01		
40	2000 mẫu logo của những nhà thiết kế hàng đầu	Trung Quốc	2006	01		
41	Thiết kế thời trang	Trung Quốc	2005	01		
42	Thiết kế quảng cáo của Trung Quốc	Trung Quốc	2005	01		
43	Thiết kế trang phục	Trung Quốc	2004	01		
44	Các yếu tố thiết kế cảnh quan	Trung Quốc	2007	01		
45	Phân tích thiết kế sản phẩm. T2	Trung Quốc	2006	01		
46	Mẫu thiết kế trang sách	Trung Quốc	2005	01		
47	Các mẫu sản phẩm thiết kế bao bì	Trung Quốc	2007	01		
48	Thiết kế bao bì	Trung Quốc	2007	01		

49	Nghệ thuật thể hiện màu sắc trong thiết kế phong cảnh	Trung Quốc	2002	01		
50	Thiết kế trang trí	Trung Quốc	2004	01		
51	Ý tưởng nghệ thuật thiết kế và vẽ các loài thực vật	Trung Quốc	2007	01		
52	Từ ý đến hình trong thiết kế cảnh quan	Việt Nam	2006	02		
53	Ý tưởng nghệ thuật thiết kế và vẽ phong cảnh	Việt Nam	2007	02		
54	Sách thiết kế Trung Quốc	Trung Quốc	2003	01		
55	Ý tưởng nghệ thuật thiết kế và vẽ các loài động vật	Việt Nam	2007	02		
56	Ý tưởng nghệ thuật thiết kế và vẽ chân dung	Việt Nam	2007	02		
57	Thiết kế bao bì	Trung Quốc	2005	02		
58	Tuyển tập thiết kế đồ họa - Xianming Graphic Design	Trung Quốc	2003	01		
59	Thiết kế bao bì	Trung Quốc	2005	01		
60	Vẽ hình động (Thiết kế thời trang)	Trung Quốc	2003	01		
61	Nguyên lý thiết kế bảo tàng	Việt Nam	2002	02		
62	Thiết kế Và chế tạo vật liệu sợi	Trung Quốc	2001	01		
63	Đề thưởng thức các tác phẩm tạo hình kho tàng thiết kế mỹ thuật các nhân vật	Việt Nam	2005	02		
64	Các mẫu thiết kế thời trang	Trung Quốc	2002	01		
65	Vẽ truyện tranh hoạt hình	Việt Nam	2006	02		
66	Thiết kế dùng trong trường học hiện đại	Trung Quốc	2004	01		
67	Các mẫu thiết kế quảng cáo - Brochure design that works	Trung Quốc	2003	01		
68	Các mẫu thiết kế đồng dạng	Trung Quốc	2003	01		

69	Đề thưởng thức các tác phẩm tạo hình kho tàng thiết kế mỹ thuật các nhân vật	Việt Nam	2005	02		
70	Các mẫu thiết kế thời trang	Trung Quốc	2004	01		
71	Một trăm ví dụ kinh điển thiết kế quảng cáo (Âu - Mỹ)	Trung Quốc	2004	01		
72	Tuyển tập các thiết kế trang trí bằng gỗ. Tập 3 - The best collection of wood designs	Việt Nam	2004	01		
73	Tuyển tập các thiết kế trang trí bằng gỗ. Tập 2 - The best collection of wood designs	Việt Nam	2004	01		
74	Tuyển tập các thiết kế trang trí bằng gỗ. Tập 1 - The best collection of wood designs	Việt Nam	2004	01		
75	Thiết kế túi ví cao cấp cho mọi người	Việt Nam	2004	01		
76	The NewLook Design in the Fifties. Cái nhìn mới. Các thiết kế của thập niên 50)	London	1998	01		
77	Nguyên tắc bố cục màu, hình đường nét trong thiết kế mỹ thuật ứng dụng	Trung Quốc	1995	01		
78	Tư liệu thiết kế trang trí nội thất Trung Quốc. Tập 12	Trung Quốc	1992	01		
79	Tư liệu thiết kế trang trí nội thất Trung Quốc. Tập 11	Trung Quốc	1992	01		
80	Tư liệu thiết kế trang trí nội thất Trung Quốc. Tập 10	Trung Quốc	1992	01		
81	Tư liệu thiết kế trang trí nội thất Trung Quốc. Tập 9	Trung Quốc	1992	01		
82	Trang trí cách điệu hoa lá - thiết kế nhuộm dệt	Trung Quốc	2000	01		
83	Trang trí cách điệu biến hóa động vật	Việt Nam	1995	01		
84	Thiết kế đồ án trong trang trí cách điệu hoa - động vật	Việt Nam	2002	01		

85	Bộ tác phẩm hình ảnh dạy học của khoa thiết kế học viện Mỹ thuật Trung Quốc	Trung Quốc	1997	01		
86	Nghệ thuật điêu khắc Paris : Nghệ thuật và thiết kế đương đại Paris	Trung Quốc	2003	01		
87	Trang trí thiết kế mỹ thuật công nghiệp	Trung Quốc	2000	01		
88	Thiết kế hiện đại quốc tế - International design update	Trung Quốc	2002	01		
89	Sự biểu đạt và tư duy thiết kế nội thất và ngoài trời - The thought and expression of interior and exterior	Trung Quốc	2002	01		
90	Một trăm ví dụ kinh điển thiết kế quảng cáo (Âu - Mỹ)	Trung Quốc	2003	01		
91	Một trăm ví dụ kinh điển thiết kế tranh minh họa (Âu - Mỹ)	Trung Quốc	2003	01		
92	Thiết kế bao bì	Trung Quốc	2003	01		
93	Thiết kế cổ động	Việt Nam	2002	01		
94	Thiết kế tiêu chí	Việt Nam	2002	01		
95	Thiết kế trang trí	Việt Nam	2000	01		
96	Thiết kế hình ảnh hiện đại	Việt Nam	2000	01		
97	Thiết kế trang phục	Việt Nam	2001	01		
98	Sách chuyên về hội họa, đồ họa, thiết kế, trang trí nhà hát - Painting, graphic art stage design	Matscova	1982	02		
99	Design & layout : Thiết kế tạo mẫu và dàn trang	Việt Nam	2003	03		
100	Họa màu mỹ thuật trong thiết kế và kiến trúc nội thất	Việt Nam	2000	02		
101	Phương pháp vẽ người mẫu trong thiết kế thời trang	Việt Nam	2002	02		
102	Thiết kế nhãn hiệu hàng hóa bằng mẫu tự Alphabet	Việt Nam	2001	02		
103	Thiết kế mô hình động trong quảng cáo và giảng dạy với Coreldraw 10 và Flash 5	Việt Nam	2003	02		
104	Thiết kế logo, nhãn hiệu và bảng hiệu theo thuật phong thủy	Việt Nam	2003	02		

105	Kỹ thuật vẽ, thiết kế đồ họa và in ấn trong Word	Việt Nam	2002	02		
106	Thiết kế tạo hình	Việt Nam	2011	02		
107	Hướng dẫn tính toán và thiết kế âm thanh kiến trúc	Việt Nam	2009	02		
108	Thiết kế nội thất có minh họa	New York	2013	02		
109	Thiết kế kiến trúc công nghiệp	Việt Nam	2011	02		
110	Thiết kế trưng bày di sản	Việt Nam	2012	01		
111	Những ý tưởng sáng tạo trong nghệ thuật thiết kế	Việt Nam	2008	04		
112	Thiết kế logo, nhãn hiệu và bảng hiệu theo tập quán Việt Nam và	Việt Nam	1998	02		
113	100 cách trang trí ứng dụng trong thiết kế nội thất	Việt Nam	1998	02		
114	Sizes May Vary	London	2008	03		
115	Bold Design	Singapore	2009	01		
116	Green graphic design	New York	2008	01		
117	Graphic design that works	New York	2004	01		
118	The look of maps	Madison	1952	01		
119	Typography Workbook	New York	2004	01		
120	World wide graphic design	Germany	2009	01		
121	World wide graphic design	Germany	2009	01		
122	World wide graphic design	Singapore	2009	01		
123	World wide graphic design	Germany	2009	03		
124	Latin American Graphic Design	Koln	2008	01		
125	Maximalism	Switzerland	2007	03		
126	The anatomy of design	New York	2007	01		
127	Contemporary graphic design	Koln	2007	01		
128	Atlas of graphic designers	America	2009	03		
129	Xianming Graphic Design works collection	Trung Quốc	2003	01		
130	What is graphic design?	Singapore	2006	01		

131	What is graphic design?	Singapore	2007	01		
131	The big book graphic design	New York	2007	01		
132	Color management for logos	Singapore	2006	02		
133	Graphic Design	Singapore	2007	01		
134	The elements of graphic design	New York	2002	01		
135	American Graphic Design Awards No. 2	New York	2001	01		
136	American Graphic Design Awards. No. 4	New York	2004	01		
137	American Graphic Design Awards. No. 1	New York	2001	01		
138	Teaching graphic design	New York	2003	01		
139	Tuyển tập thiết kế đồ họa	Trung Quốc	2003	01		
140	Dialogue	London	2005	01		
141	Fash icon	Singapore	2003	01		
142	Graphic design now	Gecmany	2005	01		
143	Graphic Design	London	2004	01		
144	Graphic Design school	London	2004	01		
145	Print : America's graphic design magazine, may / june	Canada	1997	01		
146	Print : America's graphic design magazine	Canada	1998	01		
147	Print : America's graphic design magazine, january/february	Canada	1997	01		
148	Graphic design USA 07.04	New York	2004	01		
149	Graphic design USA 06.04	New York	2004	01		
150	Graphic design USA 04.04	New York	2004	01		
151	Graphic design USA 17	New York	1997	01		
152	New design London	Edward M. Gomez	2001	01		

153	Graphic design basic	Australia	2003	01		
154	The Thames and Hudson dictionary of graphic design and designers	London	2003	01		
155	Print : America's graphic design magazin	Canada	2003	01		
156	A history of graphic design	New York	1998	01		
157	Drawing for graphic design	New York	2012	02		
158	The sourcebook of contemporary graphic design	New York	2009	01		
159	This way please	Singapore	2009	02		
160	Diagrams Innovative solutions for graphic designer	Switzerland	2009	01		
161	Graphic Design in China 07		2007	02		
162	Real Dutch Design 0607	Netherlands	2006	01		
163	Graphic Design	Trung Quốc	2008	01		
164	Complete Graphic Design Materials Dictionary 2	Trung Quốc	2007	02		
165	100% Europaen Graphic Design Portfolio	Singapore	2008	01		
166	The anatomy of sedign	Singapore	2007	01		
167	Branding by color	Japan	2009	01		
168	Top spatial and graphic design for avent ant exhibition	Shenzhen	2009	01		
169	Japan & Korea Graphic Design Material Thesaurus	Korea	2008	02		
170	Spark Inspirational Graphic Design	Singapore	2009	01		
171	2009: Graphic Design	Trung Quốc	2009	02		
172	Space idea	Milan	1989	01		
173	Holland design	Trung Quốc	2009	02		
174	Graphic design referenced	New York	2009	01		

## 2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

### 2.4.1 Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên liên quan đến ngành đăng ký đào tạo, do cơ sở đào tạo thực hiện.

(Kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
1	<i>Giáo trình điện tử môn thiết kế qua CorelDraw X5 của Bạch Huyền Linh</i>	Cấp cơ sở	Số 50/HĐ-ĐHMTHCM ngày 01/02/2010 Số 75/QĐ-ĐHMTHCM ngày 22/7/2011	11/8/2011	Đồng ý nghiệm thu
2	<i>Hệ thống hình ảnh minh họa phục vụ bài giảng môn hình họa của Đỗ Thị Khang Thành, Khoa Mỹ thuật ứng dụng</i>	Cấp cơ sở	Số: 206/QĐ-ĐHMTHCM ngày 17/12/2012	24/12/2012	Xếp loại Tốt
3	<i>Giáo trình Sơn mài của Nguyễn Văn Minh</i>	Cấp cơ sở	Số: 14/QĐ-ĐHMTHCM ngày 20/1/2013	27/3/2013	xếp loại Tốt
4	<i>Giáo trình điện tử Adobe Photoshop CS6 của Bạch Huyền Linh</i>	Cấp cơ sở	Số: 78/QĐ-ĐHMTHCM ngày 22/7/2013	2013	xếp loại Tốt
5	<i>Nghệ thuật kiến trúc - trang trí - điêu khắc chùa Phonoroka tỉnh Sóc Trăng của Huỳnh Thanh Trang</i>	Cấp cơ sở	Số: 04/QĐ-ĐHMTHCM ngày 20/5/2013	20/5/2013	xếp loại Tốt
6	<i>Giáo trình môn Tin học chuyên ngành - Hướng</i>	Cấp Bộ	Số: 1872/QĐ-ĐHMTHCM	17/6/2014	xếp loại Tốt



	<i>dẫn sử dụng phần mềm Adobe Photoshop CS6 của Bạch Huyền Linh</i>		ngày 17/6/2014		
7	<i>Giáo trình Kỹ thuật chất liệu sơn dầu của Nguyễn Trung Tín và Nguyễn Quang Cảnh.</i>	Cấp Bộ	/	22/8/2014	Đã nghiệm thu
8	<i>Giáo trình Sơn mài - dành cho sinh viên hệ Cao đẳng của Nguyễn Văn Minh và Nguyễn Dũng An Hòa</i>	Cấp Bộ	Số: 1870/QĐ-ĐHMTHCM ngày 17/6/2014	17/6/2014	xếp loại Tốt
9	<i>Ứng dụng Công 19 nghệ - Thông tin trong quản lý các tranh và hiện vật đang được lưu giữ tại Trường ĐH Mỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh của Đỗ Văn Dũng</i>	Cấp cơ sở	/	23/12/2014	Xếp loại Tốt
10	<i>Đánh giá hiệu quả Nhóm học - Thuyết trình bản tin tiếng Anh trong dạy kỹ năng nói (English Speaking) cho lớp đông học sinh tại Trường Đại học Mỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh của Trần Thị Hải</i>	Cấp cơ sở	Số: 387/QĐ-ĐHMTHCM ngày 16/12/2014	22/12/2014	Đã nghiệm thu

11	<i>Hoa văn trang trí dây leo (Phnites) trong các chùa Khmer Sóc Trăng của Huỳnh Thanh Trang</i>	Cấp cơ sở	Số: 378/QĐ-ĐHMTHCM ngày 18/12/2014	23/12/2014	xếp loại Tốt
12	<i>Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng các đề tài NCKH tại Trường ĐH Mỹ thuật Tp.HCM của Nguyễn Văn Minh</i>	Cấp cơ sở	Số: 709/QĐ-ĐHMTHCM ngày 22/12/2015	23/12/2015	Xếp loại Tốt
13	<i>Đổi mới phương pháp, hoạt động giảng dạy và học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành thiết kế đồ họa, khoa Mỹ thuật ứng dụng ở Trường ĐH Mỹ thuật Tp.HCM của Cung Dương Hằng</i>	Cấp cơ sở	Số:711/QĐ-ĐHMTHCM ngày 22/12/2015	23/12/2015	Đã nghiệm thu
14	<i>Giáo trình “Hình họa chuyên ngành Điêu khắc” của Nguyễn Xuân Tiên , Trần Tuấn Nghĩa</i>	Cấp cơ sở	Số: 796/QĐ-ĐHMTHCM, ngày 10/5/2016	4/8/2016	Đã nghiệm thu
15	<i>Giáo trình “Tượng tròn Nghiên cứu chuyên sâu” của Nguyễn Xuân Tiên, Phạm Đình Tiến</i>	Cấp cơ sở	Số:797/QĐ-ĐHMTHCM, ngày 10/5/2016	4/8/2016	Đã nghiệm thu

16	Giáo trình “3D Maya cơ bản cho chuyên ngành Điêu khắc” của Nguyễn Hoàng Ánh ,Phạm Đình Tiến	Cấp cơ sở	Số:798/QĐ-ĐHMTHCM, ngày 10/5/2016	4/8/2016	Đã nghiệm thu
17	Giáo trình “Thực tế chuyên ngành Hội họa” của Trần Hữu Tri-Lâm Chí Trung	Cấp cơ sở	Số: 666/QĐ-ĐHMTHCM, ngày 4/11/2015	25/01/2016	Đã nghiệm thu
18	Tài liệu giảng dạy đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam của Nguyễn Văn Bùng	Cấp cơ sở	302/QĐ-ĐHMTHCM,	ngày 13/12/2017	Đã nghiệm thu
19	Chuyên ngành truyền thông đa phương tiện-hướng phát triển mới của Khoa Mỹ thuật ứng dụng Trường ĐH Mỹ thuật TP.HCM của Cung Dương Hằng	Cấp cơ sở	298/QĐ-ĐHMTHCM, 13/7/2017	18/12/2017	Đã nghiệm thu
20	Đào tạo Thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng - Hướng đi mới của Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh của Nguyễn Hồng Ngọc	Cấp cơ sở	299/QĐ-ĐHMTHCM, 13/7/2017	18/12/2017	18/12/2017
21	Nghệ thuật sắp đặt - Bản sắc và xu thế phát triển của Đỗ Văn Dũng	Cấp Bộ	4476/ 5/12/2018	17/12/2018	Xuất sắc

22	Giáo trình “ <i>Thiết kế và trang trí mỹ thuật cửa hàng sách (Dành cho sinh viên ngành xuất bản phẩm)</i> ” của Nguyễn Văn Minh	Cấp cơ sở	886/QĐ-ĐHVHTPHCM, 201/12/2018	4/1/2019	Khá
23	<i>Ngân hàng đề thi tiếng Anh trình độ B1 của Trần Thị Hải</i>	Cấp cơ sở	139/QĐ-ĐHVHTPHCM, 13/11/2020	7/10/2020	Đã nghiệm thu
24	<i>Phương pháp luận sáng tác nghệ thuật (Trình độ Sau đại học)</i> của Nguyễn Văn Minh	Cấp cơ sở	163/QĐ-ĐHVHTPHCM, 13/11/2020	30/11/2020	Đã nghiệm thu
25	<i>Thực trạng và giải pháp về công tác đảm bảo chất lượng đào tạo Trường ĐH mỹ thuật Tp.HCM</i> của Nguyễn Duy Du	Cấp cơ sở	161/QĐ-ĐHVHTPHCM, 13/11/2020	24/11/2020	Đã nghiệm thu
26	<i>Phát triển Xưởng Đồ họa tranh in tại Trường ĐH Mỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh</i> của Đoàn Minh Ngọc	Cấp cơ sở	162/QĐ-ĐHVHTPHCM, 13/11/2020	24/11/2020	Đã nghiệm thu
27	<i>Mỹ thuật Khmer Cổ - Tóm tắt qua thuật ngữ và hình ảnh đối chiếu</i> của Hà Việt Hùng	Cấp cơ sở	160/QĐ-ĐHVHTPHCM, 13/11/2020	24/11/2020	Đã nghiệm thu

28	<i>Kỹ thuật mới trong Đồ họa tranh in lụa tại Tp.Hồ Chí Minh từ năm 2010 đến nay của Nguyễn Ngọc Vinh</i>	Cấp cơ sở	159/QĐ-ĐHVHTPHCM, 13/11/2020	24/11/2020	Đã nghiệm thu
29	<i>Thực trạng và giải pháp phát triển đội ngũ giám tuyển mỹ thuật Việt Nam của Hoàng Minh Phúc</i>	Cấp Bộ	265/QĐ-ĐHVHTPHCM, 28/12/2020	29/12/2020	Đã nghiệm thu

**2.4.2 Các công trình nghiên cứu công bố của giảng viên cơ hữu thuộc ngành đăng ký đào tạo của cơ sở đào tạo trong 5 năm trở lại đây**

*(kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)*

<b>Số TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nguồn công bố</b>
	<b>Năm 2014</b>		
1	Giáo trình “Tranh Sơn mài” phục vụ đào tạo hệ Cao Đẳng trong các trường Mỹ thuật	Nguyễn Văn Minh	Đề tài cấp Bộ năm 2014
2	Giáo trình “Sơn mài - dành cho sinh viên hệ Cao đẳng”	Nguyễn Văn Minh Nguyễn Dũng An Hòa	Đề tài cấp Bộ năm 2014
3	Mỹ thuật ứng dụng, từ quan niệm đến thực trạng đào tạo	Cung Dương Hằng	Hội thảo Khoa học “Đào tạo nghiên cứu văn hóa ứng dụng với thực tiễn hoạt động văn hóa khu vực phía Nam” ĐH Quốc gia Tp.HCM. tr.259

4	Mỹ thuật ứng dụng, từ quan niệm đến thực trạng đào tạo thời kỳ hội nhập trên đường tìm về bản sắc Việt	Cung Dương Hằng	Hội thảo Khoa học “Mỹ thuật ứng dụng trên đường tìm về bản sắc Việt” ĐH Dân lập Văn Lang, tr.191
5	Ứng dụng Công nghệ - Thông tin trong quản lý các tranh và hiện vật đang được lưu giữ tại Trường ĐH Mỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh	Đỗ Văn Dũng	Đề tài cơ sở năm 2014
6	Đánh giá hiệu quả Nhóm học - Thuyết trình bản tin tiếng Anh trong dạy kỹ năng nói (English Speaking) cho lớp đông học sinh tại Trường Đại học Mỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh	Trần Thị Hải	Đề tài cơ sở năm 2014
7	Bản sắc trong sự sáng tạo của các nhà thiết kế trẻ Tp.HCM trên con đường hội nhập và phát triển	Phạm Như Linh	Kỷ yếu Hội thảo Bản sắc dân tộc trong đời sống văn hóa - nghệ thuật Tp.HCM quá trình hội nhập quốc tế hiện nay. Tổ chức tại Hội trường lầu 2. số 272 Võ Thị Sáu, Q3. Tp.HCM. Nxb Văn hóa - Văn nghệ 2014, tr.263-267
<b>Năm 2015</b>			
8	Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Mỹ thuật Tp.H Chí Minh	Nguyễn Văn Minh	Đề tài cơ sở năm 2015

9	Đổi mới phương pháp, hoạt động giảng dạy và học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành thiết kế đồ họa, khoa Mỹ thuật ứng dụng ở Trường ĐH Mỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh	Cung Dương Hằng	Đề tài cơ sở năm 2015
10	Gốm Việt Nam - Thăng trầm và giá trị	Cung Dương Hằng	Hội thảo Khoa học ngày 25.4.2015 “Gốm Đồng Nai và các vùng phụ cận từ truyền thống đến hiện đại”, tr, 153-161
11	Mỹ thuật phật giáo Khmer ở miền Tây Nam Bộ - điểm nhấn trong phát triển tiểu vùng sông Mekong	Cung Dương Hằng	“Phát triển nguồn lực du lịch tiểu vùng sông mekong”
12	Victor Tardieu và sự khởi đầu của hội họa hiện đại Việt Nam	Nguyễn Minh Quang	Tạp chí Lý luận và phê bình văn học nghệ thuật. ISSN 0866-7349 - số 37 (9/2015), tr.63-66
13	Biếm họa - nghệ thuật mang thông điệp phản biện xã hội	Nguyễn Minh Quang	Tạp chí Văn hóa dân gian, ISSN 0866-7284, số 5(161)2015, 17-22
<b>Năm 2016</b>			
14	Communications and Arts	Nguyễn Minh Quang	Advances in Computer Science Research - ISSN 2352-538X, 339-341
15	Aesthetic Taste	Nguyễn Minh Quang	Advances in Computer Science Research
16	Hội họa Việt Nam Đổi mới từ năm 1986 đến 2015	Nguyễn Minh Quang	Art Science and Technology Số T3, 5T, ISSN: 1104-9436-3-2016-223-224

17	Hội họa Đương đại Việt Nam	Nguyễn Minh Quang	Art Science and Technology Số T4, 3T, ISSN :1104-9436-4-2016
18	Tính dân tộc và tính toàn cầu trong nghệ thuật thiết kế Đồ họa	Nguyễn Hồng Ngọc	Tham luận in trong Kỷ yếu Hội thảo Mỹ thuật ứng dụng toàn quốc, trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, ISSN: 2354 - 0567
<b>Năm 2017</b>			
19	Tín ngưỡng trong các sáng tác mỹ thuật hiện nay.	Ngô Việt Hùng	Hội Mỹ thuật Việt Nam 291&292, 95-99
20	Chuyên ngành truyền thông đa phương tiện- hướng phát triển mới của Khoa Mỹ thuật ứng dụng Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	Cung Dương Hằng	Đề tài cơ sở năm 2017
21	Đào tạo Thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng – Hướng đi mới của Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hồng Ngọc	Đề tài cơ sở năm 2017
22	Bàn về mục đích và tiêu chí trại sáng tác điêu khắc ở Việt Nam hiện nay”	Nguyễn Hồng Ngọc	Tham luận in trong Kỷ yếu Hội thảo Thực trạng và giải pháp trại điêu khắc thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, tháng 4/2017.17. 16.
23	Tranh chân dung từ nghiên cứu cơ bản đến sáng tác thể nghiệm	Nguyễn Duy Du	Đề tài cơ sở năm 2017
<b>Năm 2018</b>			
24	Ảnh hưởng tranh Sơn mài Việt Nam đến tranh sơn mài Trung Quốc	Nguyễn Minh Quang	- ISSN , Tạp chí Lý luận phê bình Văn học nghệ thuật, số T4, trang 5



25	Một số quan điểm cơ bản của krishnamuti về nhận thức	Nguyễn Văn Bùng	Tạp chí Khoa học công nghệ giao thông vận tải. ISSN: 1859-4263, Số 27+28-5/2018
26	Nghệ thuật sắp đặt - Bản sắc và xu thế phát triển	Đỗ Văn Dũng	Đề tài Bộ năm 2018
27	Đồ hoạ báo chí thời Pháp thuộc/Les graphiques de la presse Vietnamienne dans la période colonials Francaise”	Nguyễn Hồng Ngọc	Bài báo Hội thảo Khoa học Quốc tế, In trong Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Pháp - Việt, ĐH Sư Phạm Hà Nội.
28	Đào tạo hoạ sĩ thiết kế đồ hoạ Việt Nam trong thời đại số	Nguyễn Hồng Ngọc	”, Bài báo in trên Tạp chí Khoa học ISSN 2304-0567 chuyên đề Mỹ thuật ứng dụng - Tham luận in Kỷ yếu Hội thảo ĐH Công nghệ Sài Gòn.
29	Từ thực trạng đến giải pháp đào tạo các ngành thiết kế mỹ thuật thời đại 4.0 ở các trường đại học, cao đẳng ở miền nam nước ta hiện nay	Cung Dương Hằng	Hội thảo toàn quốc “ Mỹ thuật ứng dụng ở VN trước những thách thức” tại Trường ĐH Công nghệ SG
<b>Năm 2019</b>			
30	Giáo trình “ Thiết kế và trang trí mỹ thuật cửa hàng sách (Dành cho sinh viên ngành xuất bản phẩm)”	Nguyễn Văn Minh	Đề tài cơ sở năm 2019
31	Thiết kế đồ họa và xã hội đương đại Việt Nam” (“Contemporary Graphic Design and Vietnamese Society”),	Nguyễn Hồng Ngọc	Tham luận Quốc tế, In Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Thiết kế xã hội - Thiết kế Việt Nam tầm nhìn 2025 - Đại học Văn Lang.

32	Sự hợp tác giữa doanh nghiệp và họa sĩ thiết kế tại Việt Nam hiện nay”	Nguyễn Hồng Ngọc	Tham luận Hội thảo Đào tạo Đại học, Cao đẳng ngành Mỹ thuật ứng dụng gắn với thực tiễn xã hội đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp – Đại học Mở Hà Nội.
33	“Cultural evolution in Vietnam’s early 20th century: a Bayesian networks analysis of Franco-Chinese house designs”,	Nguyễn Hồng Ngọc	Working Paper No. PKA-1901, Centre for Interdisciplinary Social Research; Phenikaa University. Social Sciences & Humanities Open, Volume 1, Issue 1, 2019, 100001.
34	Ngành Thiết kế đồ họa tại Tp.Hồ Chí Minh sau đổi mới	Đỗ Văn Dũng	Tạp chí Văn hóa và Nguồn lực, Trường ĐH Văn hóa Tp.HCM, ISSN: 2354-0907
35	Ảnh hưởng từ thực trạng đến thương hiệu đào tạo các ngành nghề thiết kế mỹ thuật ứng dụng hiện nay	Cung Dương Hằng	Hội thảo khoa học “Đào tạo đại học, cao đẳng ngành MTUD” Tại Trường Đh Mở HN
36	Tư tưởng sáng tác Mỹ thuật những vấn đề bản sắc trong thời kỳ hội nhập hiện nay	Cung Dương Hằng	Hội thảo khoa học “ Bản sắc và hội nhập trong mỹ thuật VN” Tại Trường ĐH Mỹ thuật
37	Từ thực trạng giải pháp xây dựng thương hiệu đào tạo mỹ thuật ứng dụng khu vực Đông Nam Bộ	Cung Dương Hằng	Hội thảo khoa học “ Đào tạo Mỹ thuật ứng dụng – thực trạng và giải pháp” của Trường Cao đẳng MT Trang trí Đồng Nai
<b>Năm 2020</b>			
38	Design Graphic in Vietnam in the era of technology 4.0”,	Nguyễn Hồng Ngọc	ICAD - International Conference on Art & Design 2020 -Van Lang University.

39	Ao dài nữ phục truyền thống từ thực tiễn đến cảm hứng thiết kế áo dài nữ phục Việt trong đời sống công nghệ hiện nay	Cung Dương Hằng	Hội thảo khoa học quốc gia “Áo dài VN nhận diện, tập quán, giá trị bản sắc”
40	Phát triển Xưởng Đồ họa tranh in tại Trường ĐH Mỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh	Đoàn Minh Ngọc	Đề tài cơ sở năm 2020
41	Thực trạng và giải pháp về công tác đảm bảo chất lượng đào tạo Trường ĐH Mỹ thuật Tp.HCM	Nguyễn Duy Du	Đề tài cơ sở năm 2020
42	Ngân hàng đề thi tiếng Anh trình độ	Trần Thị Hải	Đề tài cơ sở năm 2020
43	Phương pháp luận sáng tác nghệ thuật (Trình độ Sau đại học)	Nguyễn Văn Minh	Đề tài cơ sở năm 2020
44	Mỹ thuật Khmer Cổ - Tóm tắt qua thuật ngữ và hình ảnh đối chiếu	Hà Việt Hùng	Đề tài cơ sở năm 2020
45	Kỹ thuật mới trong Đồ họa tranh in lụa tại Tp.Hồ Chí Minh từ năm 2010	Nguyễn Ngọc Vinh	Đề tài cơ sở năm 2020

#### 2.4.3 Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và dự kiến người hướng dẫn kèm theo

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên cao học	Họ tên, học vị, học hàm người có thể hướng dẫn học viên	Số lượng học viên có thể tiếp nhận
1	Hướng nghiên cứu về lịch sử các loại hình văn hóa - nghệ thuật, hướng đến bản sắc dân tộc	TS Trương Phi Đức PGS.TS Huỳnh Quốc Thắng	12
2	Hướng nghiên cứu về lý luận, lịch sử mỹ thuật ứng dụng trên	PGS.TS Nguyễn Xuân Nghị	12

	thế giới và VN	PGS.TS Hoàng Minh Phúc TS. Ngô Anh Cơ	
3	Nghiên cứu các đề tài xuất phát từ yêu cầu thực tế trong việc nâng cao tính thẩm mỹ, thẩm mỹ công nghiệp, nghệ thuật, văn hóa, cộng đồng trên thế giới, Việt Nam, Tp.Hồ Chí Minh	TS Nguyễn Hồng Ngọc TS Mã Thanh Cao PGS.TS Cung Dương Hằng TS Trần Thanh Nam PGS.TS Nguyễn Xuân Nghị	12
4	Hướng nghiên cứu mang tính ứng dụng trực tiếp cho các đơn vị, tổ chức ngoài quốc doanh và cá nhân trong lĩnh vực thiết kế nội thất, thiết kế thời trang, đồ họa, công nghiệp...	PGS.TS Cung Dương Hằng TS Võ Thị Thu Thủy TS Trần Đình Quả	12
5	Nghiên cứu về thiết kế xã hội, thế giới, thực trạng, định hướng thiết kế ở Việt Nam hướng đến sự bền vững của môi trường và xã hội	PGS.TS Nguyễn Lan Hương PGS.TS Cung Dương Hằng PGS.TS Huỳnh Quốc Thắng	12
6	Nghiên cứu về những thay đổi về môi trường sống trên thế giới, cùng thực trạng định hướng thẩm mỹ và công năng đối với nhà ở Việt Nam	PGS.TS Võ Thị Thu Thủy TS Mã Thanh Cao TS Ngô Minh Hùng	12
7	Nghiên cứu về xu hướng trên thế giới trong việc đa dạng hóa sản phẩm, xuất nhập khẩu sản phẩm mỹ thuật ứng dụng và ứng dụng chất liệu phù hợp với môi trường	TS Ngô Anh Cơ TS Nguyễn Đức Sơn TS Trần Đình Quả	12
8	Nghiên cứu về ngành thiết kế công nghiệp trên thế giới, thực trạng, định hướng ngành thiết kế công nghiệp ở Việt Nam	GS.TS Nguyễn Xuân Nghị PGS.TS Huỳnh Quốc Thắng	12

	thời kỳ công nghệ 4.0		
9	Nghiên cứu về đồ họa tương tác, xu hướng công nghệ hóa sản phẩm, đề tài áp dụng trên thông tương tác để tạo ra sản phẩm mang tính thẩm mỹ cao của các đơn vị, tổ chức, cá nhân, định hướng ngày nay tại VN	TS Nguyễn Hồng Ngọc PGS.TS Đỗ Lệnh Hùng Tú TS Nguyễn Đức Sơn PGS.TS Nguyễn Xuân Nghị	12
10	Nghiên cứu về nguyên tắc, quy trình, giải pháp quản lý các đề án, công trình nghệ thuật công trình có hạng mục về mỹ thuật	GS.TS Nguyễn Xuân Tiên TS Ngô Minh Hùng	12

## 2.5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

### 2.5.1 Số lượng đoàn vào trong 5 năm gần đây

Stt	Năm	Nội dung	Ghi chú		
1		Tiếp đoàn cán bộ - giảng viên Khoa Hội họa, Đồ họa và Điêu khắc Trường Đại học Silpakorn (Thái Lan) đến dàn dựng triển lãm mỹ thuật giao lưu tại Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	09/3 đến 13/3		
2	2015	Tiếp đoàn giảng viên và doanh nghiệp Đan Mạch đến trao đổi hợp tác về chương trình “Đào tạo họa sĩ thiết kế đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp quốc tế tại Việt Nam” do Bộ Giáo dục và đào tạo phối hợp với Tổ chức giáo dục ĐSQ Đan Mạch triển khai	20/4		
3		Tiếp đoàn 12 cán bộ khoa Mỹ thuật và Mỹ thuật ứng dụng trường đại học Khon Kaen Thái Lan sang thăm và giao lưu triển lãm với Trường	04/- 06/09/2015	2687/QĐ- BVHTTDL ngày 11/08/2015	

1	2016	Đoàn Trường Teknologi Mara, Malaysia sang thăm và trao đổi nội dung liên kết đào tạo	10 đến 13/1/2016	77/QĐ- BVHTTDL ngày 11/01/2016	
2		Đoàn Bảo tàng Mỹ thuật Quan Độ- Đại học Mỹ thuật Quốc tế Đài Bắc (Đài Loan) sang thảo luận kế hoạch hợp tác triển lãm 2017	11/3/2016	Đoàn đi tự túc, có kế hoạch	
3		Hỗ trợ bộ tượng mẫu (24 tượng bằng composite) cho Trường Cao đẳng Mỹ thuật Luang Pra Bang	04/05/2016	1610/QĐ- BVHTTDL ngày 04/05/2016	
4		Đón đoàn 07 cán bộ Học viện Mỹ thuật quốc gia Lào	29/06- 02/07/2016	2243/QĐ- BVHTTDL ngày 27/06/2016	
5		Đoàn nghệ nhân các quốc gia ASEAN sang khảo sát thực trạng thiết kế thủ công mỹ nghệ tại Việt Nam	06 đến 09/6/2016	Kế hoạch tiếp đoàn	
6		Ban Giám hiệu Nhà trường cùng các cán bộ chủ chốt của các Phòng, Ban, Khoa đã tiếp đón đoàn đại biểu Học viện Mỹ thuật Quốc gia Lào sang thăm trường và ký kết hợp tác	21/7		
7		Đón tiếp Ngài Rudy Demotte, Bộ trưởng- Thủ hiến Chính phủ Cộng Đồng người Bỉ nói tiếng Pháp (Wallonie- Bruxelles)	16/9	Công văn 1109/CV- HTQT của Cục hợp tác Quốc tế ngày 07/09/2016	
1	2017	Đón tiếp đoàn Trường Đại học nghệ thuật Tokyo	13 đến 17/6/2017	Kế hoạch tiếp đoàn, Thư thông báo, kế hoạch làm việc	
2		Đón tiếp đoàn Trường Đại học	26/6/2017	Kế hoạch tiếp	

		nghệ thuật Tokyo		đoàn	
3		Đón tiếp ông Marchesi Laélie Giám đốc phát triển và Hợp tác quốc tế Trường Nghệ thuật Autograf Design của Pháp	5/10/2017	Thư lãnh sự quán Pháp 27- 9-2017	
1	2018	Đoàn giảng viên và sinh viên đại học Chosun, Hàn Quốc sang thực tập tại Trường	04/01 đến 05/02	Đoàn đi tự túc, kế hoạch tiếp đoàn	
2		Tiếp ông Berndt Tilp, trưởng trung tâm DAAD (cơ quan trao đổi Hàn lâm Đức)	29/01	Đi tự túc, Lãnh sự quán	
3		Đoàn Trường ĐH Gloucestershire, Anh Quốc đến thăm và làm việc	19/04	Email gửi BP.HTQT	
4		Đón đoàn tổ chức workshop giữa Trường Đại học Nghệ thuật Tokyo và Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	17 đến 18/9/2018	Đoàn đi tự túc Thư ngõ của đoàn	
5		Đoàn học viện Mỹ thuật Quốc gia Lào đến thăm và làm việc	10 đến 13/10	Thư ngõ của đoàn	
1	2019	Ký kết văn bản hợp tác giữa Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Nghệ thuật Tokyo	25/5/2019		

**2.5.2 Hội thảo, triển lãm quốc tế trong và ngoài trường đã thực hiện trong 5 năm gần đây**

<b>T</b>	<b>T</b>	<b>Năm</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Ghi chú</b>
1		2014	Tổ chức Triển lãm Giao điểm với nghệ sĩ Hà Lan	Từ 14/4 đến 4/5
2			Tổ chức Trại sáng tác, giao lưu, triển lãm và trao đổi mỹ thuật giữa 5 nước trong khu vực châu Á: Campuchia, Lào, Thái Lan, Nhật Bản và Việt Nam và Hội thảo với chủ đề: “Đào tạo Mỹ thuật trong giai đoạn hiện nay”	Từ 17/8 đến 26/8/

3		Tổ chức Triển lãm “ <i>Từ Cần Thơ đến TP. Hồ Chí Minh</i> ” của họa sĩ Manoel Pillard (Pháp) tại Phòng Triển lãm của Nhà trường	Từ 03/11 đến 12/11
4		Trại sáng tác tại Thái Lan giữa 05 trường tại Đại học Silpakorn, Thái Lan	01/5-10/5
5	2015	TS. Trương Phi Đức tham dự Hội thảo “ <i>Sơn mài châu Á</i> ” do Quỹ Văn hóa- Giáo dục Thành phố Phúc Châu (Phúc Kiến- Trung Quốc) tổ chức	Từ 30/5 đến 6/6
6		Triển lãm với Trường Khon Kaen Thái Lan	04/9 đến 6/9
7		TS. Trương Phi Đức tham dự Hội thảo “ <i>Cải thiện tình trạng thiết kế hàng thủ công ASEAN (ASEAN-COCI)</i> ” tổ chức tại Philippines	Tháng 11
8	2016-2017	Phòng QLKH&HTQT phối hợp cùng Viện Văn hóa Pháp tổ chức Hội thảo “ <i>Quyển sách vỡ lòng về sự giao thoa đô thị Thành phố Hồ Chí Minh</i> ” của đoàn nghệ thuật Pháp- B.i.t.r.a.n.s.i.t.s.c.a.p.e, workshop và triển lãm tại Trường Colettet	Từ 20/3 đến 20/5; 14/10/2017
9		Phòng QLKH&HTQT phối hợp cùng Lãnh sự quán Đức tổ chức chương trình Triển lãm và sáng tạo nghệ thuật mang tên “ <i>Tape Art Around The World- Vietnam</i> ”	15/12
10		workshop Typography in Graphic Design của Trường với Đại học Gloucestershire, Anh Quốc	19/4/2018
11	2018	Tổ chức Triển lãm sơn mài “ <i>Tâm hồn Việt (The Soul of Vietnam's lacquer)</i> ” giữa họa sĩ Trường Đại học Mỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh và các họa sĩ Pháp	Tổ chức 14/7/2019 (Kế hoạch do HT ký 10/7/2018)
12		Đón đoàn tổ chức workshop giữa Trường Đại học Nghệ thuật Tokyo và Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	17 đến 18/9/2018
1	2019	Triển lãm, workshop truyện tranh của họa sĩ Dany và đêm hội nhạc Jazz của Wallonie- Bruxelles tại Trường ĐH Mỹ thuật Tp.HCM	22/4/2019 đến 24/4/2019
1	2021	Triển lãm mỹ thuật kết thúc trại sáng tác gây quỹ từ thiện do TLSQ Ấn Độ và Trường ĐH Mỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh tổ chức	25/01/2021 đến 28/02/2021



## PHẦN III

### CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

#### **3.1. Chương trình đào tạo**

##### ***3.1.1 Ngành đăng ký đào tạo: Mỹ thuật ứng dụng***

- Mã ngành: 8210410
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ
- Tổng số tín chỉ đào tạo:
- Thời gian đào tạo: 24 tháng (chia thành 4 học kỳ)

##### ***3.1.2 Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo***

- Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009.
- Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.
- Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.
- Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường ĐH.
- Căn cứ Quyết định số 1982/2016/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Căn cứ Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành ngày 27 tháng 04 năm 2010 về việc Ban hành Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV - trình độ Cao đẳng, Đại học.
- Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ giáo dục và đào tạo về Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, Trình độ Tiến sĩ.

- Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành ngày 08 tháng 03 năm 2013 về việc Ban hành Chương trình môn Triết học khối không chuyên ngành Triết học trình độ đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ.
- Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT do Thứ trưởng Bộ GDĐT ký ngày 24/01/2014 về Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- Căn cứ Thông tư số 16/VBHN-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành ngày 08 tháng 05 năm 2014 về việc ban hành thông tư hợp nhất danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ.
- Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ Giáo dục và đào tạo về Ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ.
- Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ giáo dục và đào tạo về Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục ĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ ĐH, Thạc sĩ, Tiến sĩ.
- Căn cứ thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT, ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ giáo dục và đào tạo về Ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ.
- Quyết định số 5819/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15 tháng 12 năm 2010 chuyển đổi tên ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học theo Thông tư số 14/2000/TT-BGDĐT, (Kèm Danh sách ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học của Trường Đại học Mỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh).
- Quyết định số 55/2004/QĐ-BVHTT ngày 14 tháng 7 năm 2004 về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trường Đại học Mỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.
- Quyết định số 1942/QĐ-SĐH, ngày 16 tháng 9 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo cao học.
- Quyết định số 5942/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH, ngày 27 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuyển đổi các chuyên ngành đào tạo sau đại học.
- Quyết định số 3053/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2012 về việc Chuyển đổi tên chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.
- Quyết định số 470/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 2 năm 2015 về việc cho phép Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Lịch sử mỹ thuật trình độ tiến sĩ.

- Quyết định số 938/TC-QĐ ngày 08 tháng 5 năm 1996 về việc Thành lập Trung tâm Mỹ thuật ứng dụng của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

- Quyết định số 56/2005/QĐ-BVHTT ngày 30 tháng 9 năm 2005 về việc Quy định vị trí, chức năng và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Tin học - Thư viện thuộc Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

### ***3.1.3 Mục tiêu của Chương trình đào tạo Thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng***

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành, tăng cường kiến thức liên ngành. Có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực khoa học chuyên ngành thuộc Mỹ thuật ứng dụng, hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo. Cụ thể như sau:

#### *Về kiến thức*

Chương trình đào tạo nhằm hoàn thiện, bổ sung, cập nhật kiến thức nền tảng, cơ sở lý luận của chuyên ngành.

Bồi dưỡng, nâng cao cho học viên những kiến thức chuyên sâu về Mỹ thuật ứng dụng, cũng như tăng cường một số kiến thức liên ngành khác. Từ đó, giúp học viên cao học có đủ năng lực, bản lĩnh để giải quyết những vấn đề trong chuyên môn.

#### *Về kỹ năng*

Chương trình đào tạo nhằm trang bị cho học viên các kỹ năng vận dụng những kiến thức ngành, chuyên ngành và liên ngành vào thực tế thiết kế, tạo ra những sản phẩm thiết kế Mỹ thuật ứng dụng có tính thiết thực trong đời sống xã hội.

Có trình độ lý luận, sự phạm và kỹ năng thực hành chắc chắn, chuyên sâu, để giảng dạy, hướng dẫn sinh viên sáng tác thiết kế chuyên ngành.

#### *Về năng lực*

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng, học viên có thể thực hiện tốt, chuyên nghiệp những sáng tác thiết kế tại các công ty, cơ quan, đoàn thể, đáp ứng yêu cầu thực tế về thiết kế Mỹ thuật ứng dụng trong đời sống xã hội. Có khả năng giảng dạy chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng tại các cơ sở đào tạo Cao đẳng, Đại học ở khu vực phía Nam và trong cả nước. Có năng lực, trình độ lý luận chuyên sâu về chuyên ngành Mỹ thuật

ứng dụng để có thể tiếp tục sự nghiệp học tập, nghiên cứu ở bậc học cao hơn tại các trường, học viện và các cơ sở đào tạo nghiên cứu sinh trong nước và quốc tế.

Tham gia thiết kế, triển khai và quản lý các dự án về thiết kế mỹ thuật tại các địa phương, bảo tàng, các đơn vị hoạt động văn hóa nghệ thuật trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc các bộ ngành khác nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước.

Phương pháp đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo phương pháp hỗ trợ, nâng cao khả năng tự học, chủ động học tập, nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của các nhà giáo và các nhà khoa học; coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu, khả năng phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng gồm các phần thiết yếu: học phần bổ sung (bổ sung, cập nhật kiến thức chuyên ngành ở trình độ đại học); các học phần ở trình độ thạc sĩ (mở rộng, nâng cao và chuyên sâu kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, thực tế ngành ở trình độ trên đại học); các học phần kiến thức liên ngành (mở rộng kiến thức liên ngành liên quan đến lý luận và thực tế sáng tác Mỹ thuật ứng dụng).

### ***3.1.4 Chương trình đào tạo***

#### ***3.1.4.1 Khái quát chương trình***

Chương trình đào tạo bao gồm 60 tín chỉ, phần kiến thức chung (trong đó có môn triết học và môn tiếng Anh), môn Triết học có thời lượng 3 tín chỉ (chiếm 5%), được quy định tại thông tư 08/2013/TT-BGDĐT, ban hành ngày 08 tháng 03 năm 2013. Riêng đối với môn Anh Văn không được tính vào khối lượng chương trình đào tạo.

Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành gồm 42 tín chỉ, chiếm 70% khối lượng chương trình đào tạo, bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Trong đó, các học phần tự chọn chiếm tối thiểu 30% khối lượng chương trình đào tạo.

Luận văn Thạc sĩ và đồ án tốt nghiệp có 15 tín chỉ, chiếm 25% khối lượng chương trình đào tạo.

#### ***Phần kiến thức chung: 3 tín chỉ***

- Môn triết học: Có khối lượng 3 tín chỉ;
- Môn tiếng Anh: Do Hiệu Trưởng Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh quyết định khối lượng học tập, nhằm hỗ trợ để học viên khi tốt nghiệp phải đạt trình độ bằng, hoặc cao hơn mức quy định.

***Phần kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: 42 tín chỉ***

Trong đó: - Phần kiến thức cơ sở ngành: 27 TC

+ Nhóm bắt buộc: 15 TC

+ Nhóm tự chọn: 12 TC

- Phần kiến thức chuyên ngành: 15 TC

+ Nhóm bắt buộc: 6 TC

+ Phần tự chọn: 9 TC

***Luận văn thạc sĩ và đồ án tốt nghiệp: 15 tín chỉ***

Đề tài luận văn thạc sĩ là một chuyên đề nghiên cứu khoa học cụ thể trong lĩnh vực Thiết kế và Mỹ thuật ứng dụng, hoặc do tự học viên đề xuất, thực hiện một đồ án sản phẩm ứng dụng phù hợp với chuyên ngành đào tạo được cán bộ hướng dẫn đồng ý và được Hội đồng khoa học và đào tạo chấp thuận.

***3.1.4.2 Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo Mỹ thuật ứng dụng***

<b>Mã số học phần</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Tín chỉ</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>
<b>I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG</b>				
1	Triết học <i>(Philosophy)</i>	3	3	
<b>II. KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH</b>				
<b>2.1 Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>27</b>		
<b>* Các học phần bắt buộc</b>		<b>15</b>		
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Scientific research methods</i>	3	3	0
3	Lịch sử Design <i>History of Design</i>	3	3	0
4	Cơ sở Design thị giác <i>The basics of visual design</i>	4	3	1

5	Tư duy thiết kế <i>Design thinking</i>	2	1	1
6	Mỹ thuật truyền thống Việt Nam <i>Vietnam traditional fine art</i>	3	3	0
<b>* Các học phần tự chọn</b>		<b>12</b>		
7	Văn hoá dân tộc học nghệ thuật <i>Ethnology for culture</i>	3	3	0
8	Xã hội học nghệ thuật <i>Art sociology</i>	3	3	0
9	Mỹ thuật học <i>Aesthetics</i>	3	3	0
10	Nhân học nghệ thuật <i>Artistic anthropology</i>	3	3	0
11	Quản lý dự án thiết kế <i>Design project management</i>	3	2	1
<b>2.2 Kiến thức chuyên ngành</b>		<b>15</b>		
<b>* Các học phần bắt buộc</b>		<b>6</b>		
12	Cơ sở lý luận design <i>Basic Reasoning Design</i>	3	3	0
13	Đồ án chuyên ngành <i>Specialized projects</i>	3	1	2
<b>* Các học phần tự chọn</b>		<b>9</b>		
14	Mỹ thuật môi trường đô thị <i>Urban environmental arts</i>	3	2	1
15	Công nghệ - chất liệu <i>Materials - Technology in design</i>	3	2	1

16	Các loại hình nghệ thuật thị giác mới <i>The Visual Art Form New</i>	3	2	1
17	Thiết kế đồ họa đa phương tiện <i>Designing Multimedia</i>	3	2	1
18	Thiết kế bền vững <i>Sustainable design</i>	3	2	1
<b>III. LUẬN VĂN</b>				
19	Luận văn thạc sĩ và đề án tốt nghiệp <i>(Master's thesis and Graduation project)</i>	<b>15</b>	<b>5</b>	<b>10</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>60</b>		

### **3.2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo**

#### **3.2.1 Kế hoạch tuyển sinh**

**\* Phương án tuyển sinh ngành đào tạo kèm theo chỉ tiêu đào tạo dự kiến 5 năm đầu:**

- Năm 2020-2021: Xây dựng Đề án đăng ký đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng, Mã số: 8210410

- Năm 2021-2022: Tổ chức thi tuyển Khóa 1, dự kiến số lượng tuyển; 15-20 học viên.

- Năm 2022-2023: Tổ chức thi tuyển Khóa 2, dự kiến số lượng tuyển: 20 học viên.

- Năm 2023-2024: Tổ chức thi tuyển Khóa 3, dự kiến số lượng tuyển: 25 học viên.

**\* Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển**

**Các môn thi tuyển bao gồm:**

**- Môn thi cơ sở:** - Tư duy thiết kế

- Thời gian làm bài: tối đa 120 phút.

- Hình thức thi: Tự luận.

**Môn thi CN** : - Bài luận về thiết kế chuyên ngành.  
 - Thời gian làm bài: tối đa 120 phút.  
 - Hình thức thi: Tự luận.

**Môn Ngoại ngữ:** - (Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Pháp, Tiếng Nga...)  
 - Bài thi đọc hiểu: Thời gian làm bài tối đa 120 phút.  
 - Hình thức thi: Trắc nghiệm và tự luận.  
 - Bài thi vấn đáp: Thời gian làm bài tối đa 10 phút.

**\* Đối tượng tuyển sinh**

- Là các cán bộ giảng dạy chuyên ngành mỹ thuật tại các Trường Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng và Đại học, các cử nhân chuyên ngành mỹ thuật ứng dụng có nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn, các cận bộ mỹ thuật đang công tác tại các cơ quan mỹ thuật, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các ban ngành... đã có bằng cử nhân mỹ thuật.

- Cử nhân các chuyên ngành: Mỹ thuật ứng dụng, Mỹ thuật tạo hình, Lý luận và lịch sử mỹ thuật và các chuyên ngành gần khác.

**\* Danh mục ngành gần, ngành phù hợp với chuyên ngành đào tạo**

11	Mã số	Chuyên ngành	Mã số
<b>I</b>	<b>Ngành đúng</b>		
	Mỹ thuật ứng dụng 522104	Thiết kế công nghiệp (Tạo dáng)	52210402
		Thiết kế đồ họa	52210403
		Thiết kế thời trang	52210404
		Thiết kế nội thất	52210405
		Thiết kế mỹ thuật sân khấu-điện ảnh	52210406
<b>II</b>	<b>Ngành gần</b>		
	Mỹ thuật 522101	Lý luận và Lịch sử mỹ thuật, Mỹ thuật tạo hình, Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc, Gốm, Mỹ thuật đô thị,	52210103 52210104 52210107
	Kiến trúc	Kiến trúc	9580101
	Đào tạo giáo viên 521402	Sư phạm Mỹ thuật	52140222
<b>III</b>	<b>Ngành khác</b>	Là những ngành không có tên trong mục I (Ngành đúng) & II (Ngành gần)	



**\* Danh mục các môn học bổ sung kiến thức**

- Lịch sử Design (Việt Nam và Thế giới): 45 tiết
- Cơ sở Design thị giác: 45 tiết
- Phương pháp luận Design: 30 tiết

**\* Phát hành và nhận hồ sơ thi tuyển**

- Phát hành và nhận hồ sơ thi tuyển: Một đợt theo quy định của Nhà trường
- Lệ phí thi tuyển: Theo quy định chung của Nhà trường.

**\* Thời gian đào tạo**

- Thời gian đào tạo: 2 năm (24 tháng), 18 tháng học các học phần và 06 tháng thực hiện luận văn thạc sĩ và đồ án tốt nghiệp.
- Lịch học dự kiến: Các ngày trong tuần (từ thứ hai đến thứ bảy).

**\* Dự kiến mức học phí/người học/năm**

Mức học phí hàng năm căn cứ vào Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 02/10/2015 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm 2020-2021. Theo quy định của Chính phủ mức thu học phí bậc đại học và sau đại học của Trường Đại học Mỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh từ năm 2016-2021 như sau:

Năm học	Đại học	Thạc sĩ
2016-2017	7.900.000đ	11.850.000đ
2017-2018	8.700.000đ	13.050.000đ
2018-2019	9.600.000đ	14.400.000đ
2019-2020	10.600.000đ	15.900.000đ
2020-2021	11.700.000đ	17.550.000đ

**\* Điều kiện tốt nghiệp**

Áp dụng theo Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014, Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn quy định như sau:

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm c trở lên (theo thang điểm chữ).

b) Đạt trình độ ngoại ngữ do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương quy định như sau:

**Tiếng Anh**

<b>Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam</b>	<b>IELTS</b>	<b>TOEFL</b>	<b>TOEIC</b>	<b>Cambridge Exam</b>	<b>BEC</b>	<b>BULATS</b>	<b>Khung Châu Âu</b>
<b>Cấp độ 3</b>	4.5	450 PBT 133 CBT 45iBT	450	PET	Preliminary	40	B1

c) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định như sau:

+ Luận văn của chương trình theo định hướng nghiên cứu là một báo cáo khoa học, có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo;

+ Luận văn của chương trình theo định hướng ứng dụng là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế;

+ Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

+ Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

+ Luận văn được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa.

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập.

đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

2. Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên.

3. Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định.

Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của cơ sở đào tạo.

**\* Tên văn bằng:**

- **Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng**

- **Tên tiếng Anh: Master of Design**

### **3.2.2 Kế hoạch đào tạo**

Chương trình đào tạo 2 năm, chia thành 4 học kỳ, học viên tham dự 3 học kỳ học chính và 1 kỳ thực hiện luận văn và đồ án tốt nghiệp. Mỗi học kỳ tương ứng với 8 tuần học và 1 tuần thi. Học viên được phép gia hạn thêm thời gian thực hiện luận văn và đồ án tốt nghiệp, nhưng tối đa không quá 2 năm.

Dự kiến các đợt học như sau:

<b>STT</b>	<b>HỌC PHẦN</b>	<b>SỐ TÍN CHỈ</b>
<b>ĐỢT HỌC 1</b>		
1	Triết học	3
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3
3	Lịch sử Design	3
4	Cơ sở Design thị giác	4
5	Tư duy thiết kế	2
<b>ĐỢT HỌC 2</b>		
6	Mỹ thuật truyền thống Việt Nam	3
<i>Phần tự chọn: chọn 3 trong 5 học phần</i>		
7	Văn hoá dân tộc học nghệ thuật	3

8	Xã hội học nghệ thuật	3
9	Mỹ thuật học	3
10	Nhân học nghệ thuật	3
11	Quản lý dự án thiết kế	3
<b>ĐỢT HỌC 3</b>		
12	Cơ sở lý luận design	3
13	Đồ án chuyên ngành	3
<i>Phần tự chọn: chọn 3 trong 5 học phần</i>		
14	Mỹ thuật môi trường đô thị	3
15	Công nghệ - chất liệu	3
16	Các loại hình nghệ thuật thị giác mới	3
17	Thiết kế đồ họa đa phương tiện	3
18	Thiết kế bền vững	3
<b>ĐỢT HỌC 4</b>		
19	Thực hiện Luận văn thạc sĩ và đồ án tốt nghiệp	15

### **3.2.3 Kế hoạch đảm bảo chất lượng**

#### **- Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý**

Hiện nay nhà trường đang có nhiều chính sách ưu tiên, đãi ngộ, trong việc tuyển dụng nhân sự, đặc biệt đối với những giảng viên có kinh nghiệm, có năng lực và trình độ chuyên môn cao, có học hàm, học vị từ Thạc sĩ, Tiến sĩ trở lên. Do vậy nguồn lực giảng viên, chuyên viên cao cấp sẽ được bổ xung cho Nhà trường, để nâng cao chất lượng đào tạo.

Trường Đại học Mỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh thường xuyên liên kết, hợp

tác và trao đổi học thuật với các nước như: Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan, ... Đó là những nước có chương trình đào tạo tốt về lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng, có uy tín trong khu vực và trên thế giới, bằng nhiều hình thức và cấp độ khác nhau như: Hội thảo khoa học, trao đổi chương trình, hỗ trợ giảng viên, hợp tác dự án, tổ chức chương trình Workshop, trải nghiệm thực tiễn.

Hằng năm, Nhà trường vẫn đang tiếp tục tuyển dụng những cựu sinh viên ưu tú, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có khả năng sư phạm, có năng lực chuyên môn trình độ cao, mong muốn trở thành giảng viên, có nguyện vọng về công tác tại Trường. Trường Đại học Mỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh thường xuyên kết hợp với các tổ chức hiệp hội nghề nghiệp, các trường đã từng giao lưu, hợp tác và là đối tác của Trường, tìm kiếm những học bổng tốt nhất, đề cử cán bộ Giảng viên có đủ trình độ chuyên môn, ngoại ngữ phù hợp, đi đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ, nhằm bổ sung và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn.

Dự kiến từ nay đến năm 2025 Trường Đại học Mỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh sẽ cử 02 Giảng viên đi đào tạo Tiến sĩ, mời thêm từ 03 đến 05 giảng viên là TS, PGS.TS, hoặc chuyên gia nước ngoài, có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao, phục vụ công tác giảng dạy đại học và sau đại học. Từ năm 2025 đến năm 2030 Trường Đại học Mỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh đào tạo thêm từ 03 đến 05 Tiến sĩ, nhằm chủ động nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu giảng dạy đại học và sau đại học.

#### **- Kế hoạch đào tạo và hợp tác quốc tế**

Hằng năm Trường Đại học Mỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh đã gửi nhiều giảng viên đi nghiên cứu, học tập và trao đổi chuyên môn nghề nghiệp, ở một số nước có nền Design phát triển như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan... Khi trở về trường công tác, đội ngũ giảng viên trẻ, đã có những đóng góp thiết thực, trong lĩnh vực hoạt động chuyên môn, cũng như quản lý đơn vị. Góp phần tạo nên sự cộng hưởng, lan tỏa và chia sẻ, những phương pháp nghiên cứu, giảng dạy mới, giúp cho giảng viên tự tin hơn, từng bước thay đổi tư duy và

phát huy được khả năng sáng tạo. Họ đã có nhiều đóng góp cho việc xây dựng, và phát triển chương trình, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn hiện nay của khoa để phục vụ nhu cầu xã hội.

Ngoài ra, đội ngũ giảng viên trẻ được đào tạo bài bản từ nước ngoài, không chỉ giỏi về trình độ chuyên môn, họ còn có khả năng tốt về ngoại ngữ, giúp cho việc tiếp cận với nhiều nguồn thông tin mới, không chỉ có giá trị về về mặt học thuật, mà còn góp phần tạo nên phong trào học tập ngoại ngữ, trong giảng viên và sinh viên. Qua đó, góp phần quan trọng cho mục tiêu giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Nhà trường.

### **3.3 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC MÔN HỌC**

# PHẦN I: KIẾN THỨC CHUNG

## Học phần bắt buộc 1

**Tên học phần: Triết học**

**Subject name: Philosophy**

### 1. Các yêu cầu của môn học:

Số tín chỉ: 3	<b>Số tiết (Lý thuyết, Bài tập &amp; thực hành, Tự học)</b>					
Số tiết: 45		<b>LT</b>	<b>BT</b>	<b>TL</b>	<b>ĐA</b>	<b>BTL/TL</b>
		45	0		0	30
Đánh giá môn học:	<b>TT</b>	<b>Phương pháp đánh giá</b>			<b>Số lần</b>	<b>Trong số (%)</b>
	1	Chuyên cần				10
	2	Kiểm tra giữa môn học				
	3	Thực hành, thí nghiệm				
	4	Thuyết trình, thảo luận			1	20
	5	Tiểu luận cuối môn học			1	70
Thang điểm đánh giá	10/10					
Môn học tiên quyết	Không					
Môn học trước	Không					
Môn học song hành	Không					

Ghi chú: LT: lý thuyết, BT: bài tập, TL: thảo luận, ĐA: đề án, BTL: bài tập lớn, TL: tiểu luận

### 2. Phòng phụ trách giảng dạy:

Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự kiến giảng viên:

- Ths Lê Văn Duẩn
- PGS.TS Đinh Ngọc Thạch

### 3. Mô tả môn học:

Học phần bao gồm 3 tín chỉ, cung cấp những kiến thức cơ bản về bộ môn Triết học, khái lược lịch sử triết học thế giới từ cổ đại đến triết học Mác - Lênin. Cuối học phần, học viên cùng thảo luận và thực hiện 1 bài thi tự luận kết thúc môn học, thời gian 120 phút tại lớp.

### 4. Mục tiêu của môn học:



*Về kiến thức:* Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về bộ môn triết học. Những hệ tư tưởng chính từ triết học thời cổ đại đến triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin, giúp mở rộng thế giới quan và phương pháp luận Idioa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

*Về kỹ năng:* Học tập, nghiên cứu môn Triết học giúp cho các học viên cao học khả năng tư duy logic, hình thành những phương pháp học tập hợp lý. khoa học, dễ dàng tiếp cận với các ngành khoa học khác, khả năng bao quát rộng, khả năng nhìn nhận, đánh giá, giải quyết vấn đề nhạy bén, sâu sắc; có tư duy liên ngành, có kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết sâu sắc vào lĩnh vực thực hành sáng tạo mỹ thuật và mỹ thuật ứng dụng khi thiết kế mỹ thuật, chế tác sản phẩm...

### 5. Nội dung môn học:

Phân bổ thời gian học phần:

STT	Tên chương, bài	Tổng số tiết	Số tiết giảng	Số tiết thảo luận	Số tiết học viên tự nghiên cứu tài liệu và viết tiểu luận
1	Khái luận về triết học	5	5		
2	Khái lược lịch sử triết học thế giới từ cổ đại đến triết học Mác - Lê Nin; khái lược các vấn đề của lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam	10	10		
3	Triết học Mác - Lê Nin (Bản thể luận, phép biện chứng, nhận thức luận, học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, triết học chính trị, ý thức xã hội, triết học về con người)	30	30		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>		

### Nội dung chi tiết học phần

#### Khái lược về Triết học:

- Triết học và vấn đề cơ bản của triết học
- Sự hình thành, phát triển và một số đặc điểm của lịch sử tư tưởng triết học
- Các thời đại của lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam

- Một số vấn đề của lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam

### **Phần I: Lịch sử triết học**

Chương 1: Khái lược lịch sử triết học phương Đông cổ đại, Trung đại - Một số vấn đề của lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam

Chương 2: Khái lược lịch sử phương Tây trước Mác

Chương 3: Lịch sử triết học Mác - Lênin

### **Phần II: Các vấn đề của triết học Mác - Lênin**

Chương 4: Bản thể luận

Chương 5: Phép biện chứng

Chương 6: Nhận thức luận

Chương 7: Học thuyết hình thái kinh tế xã hội

Chương 8: Triết học chính trị

Chương 9: Ý thức xã hội

Chương 10: Triết học về con người

### **6. Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Giáo trình Triết học Mác- Lênin (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và đào tạo (2009), Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
4. Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dùng cho các khối ngành không chuyên Kinh tế - Quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb Chính trị Quốc gia.
6. Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), Giáo trình Chính trị (Dùng trong các trường trung cấp chuyên nghiệp hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Nguyễn Quang Ngọc (2001), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI
9. Các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, khóa X
10. Văn kiện Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần IX, các nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố trong nhiệm kỳ IX.
11. Các Mác- Ăng ghen (2004), Bàn về Thanh niên, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

**7. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Tự học, đọc và nghiên cứu tài liệu.
- Chọn đề tài thuyết trình, thảo luận và viết thu hoạch
- Các yêu cầu khác:
  - + Chuyên cần: Trọng số 10%
  - + Thảo luận: 20%
  - + Tiểu luận cuối kỳ: Trọng số 70%

## PHẦN II: KIẾN THỨC CƠ SỞ

### Học phần bắt buộc 1

**Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học**

**Subject name: Scientific research methods**

#### 1. Các yêu cầu của môn học:

Số tín chỉ: 3	<b>ĐVHT ( Lý thuyết, Bài tập &amp; thực hành, Tự học)</b>					
Số tiết: 45		<b>LT</b>	<b>BT</b>	<b>TL</b>	<b>ĐA</b>	<b>BTL/TL</b>
		45	0	0	0	15
Đánh giá môn học:	<b>TT</b>	<b>Phương pháp đánh giá</b>			<b>Số lần</b>	<b>Trong số (%)</b>
	1	Chuyên cần				10
	2	Kiểm tra giữa môn học				
	3	Thực hành, thí nghiệm				
	4	Thuyết trình, thảo luận			1	20
	5	Tiểu luận cuối môn học			1	70
Thang điểm đánh giá	10/10					
Môn học tiên quyết	Không					
Môn học trước	Không					
Môn học song hành	Không					

Ghi chú: LT: lý thuyết, BT: bài tập, TL: thảo luận, ĐA: đề án, BTL: bài tập lớn, TL: tiểu luận

#### 2. Phòng phụ trách giảng dạy:

Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự kiến giảng viên;

- PGS.TS Nguyễn Văn Minh
- PGS.TS Cung Dương Hằng
- TS Nguyễn Hồng Ngọc
- GS.TS Nguyễn Xuân Tiên

#### 3. Mô tả môn học:

Môn học dùng để giảng dạy, hướng dẫn phương pháp nghiên cứu khoa học cho học viên, Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh và làm tài liệu tham khảo cho các trường có các môn học liên quan như Trường Đại học

Văn hóa, Trường Đại học Kiến trúc và các trường Văn hóa nghệ thuật... ở khu vực phía Nam.

#### 4. Mục tiêu của môn học:

Giới thiệu cho học viên những kiến thức lý luận tổng hợp, có tính hệ thống về phương pháp nghiên cứu khoa học; Những quy định, yêu cầu khi thực hiện viết bài báo, tham luận khoa học và viết tiểu luận, luận văn, luận án trong lĩnh vực mỹ thuật; Phương pháp thực hiện công trình nghiên cứu khoa học và viết giáo trình giảng dạy trong lĩnh vực mỹ thuật.

Hướng dẫn cho học viên phân biệt được rõ các dạng đề tài nghiên cứu, lưu lượng, thông tin khi viết, đồng thời nắm vững cách bố cục, những quy định cần thiết cho mỗi dạng công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực mỹ thuật. Giúp cho học viên biết vận dụng những kiến thức chuyên môn đã học để nghiên cứu khoa học, thực hiện tiểu luận, luận văn, luận án và xây dựng đề án, quản lý, tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật tại các đơn vị cơ sở hay phục vụ công tác giảng dạy các bộ môn có liên quan đến mỹ thuật ở các trường cao đẳng và đại học.

#### 5. Nội dung môn học:

STT	Tên chương, bài	Tổng số tiết	SỐ tiết giảng	SỐ tiết thảo luận	Số tiết học viên tự nghiên cứu tài liệu và viết tiểu luận
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	15	10	5	5
2	Những quy định, yêu cầu khi thực hiện viết bài báo, tham luận khoa học và viết tiểu luận, luận văn, luận án trong lĩnh vực mỹ thuật.	15	10	5	5
3	Phương pháp thực hiện công trình nghiên cứu khoa học và viết giáo trình giảng dạy trong lĩnh vực mỹ thuật.	15	10	5	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>20</b>	<b>15</b>	<b>10</b>

**Nội dung môn học:** gồm 3 phần chính:

Chương 1: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Chương 2: Những quy định, yêu cầu khi thực hiện viết bài báo, tham luận khoa học và viết tiểu luận, luận văn, luận án trong lĩnh vực mỹ thuật

Chương 3: Phương pháp thực hiện công trình nghiên cứu khoa học và viết giáo trình giảng dạy trong lĩnh vực mỹ thuật.

### **6. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2000), *Quy chế đào tạo Sau đại học*, Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2000/QĐ - BGD-ĐT ngày 08/6/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002), *Các văn bản pháp luật về đào tạo Sau đại học*, Hà Nội.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ*, Ban hành theo Quyết định số 45/2008/QĐ - BGD-ĐT ngày 05/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ*, Ban hành theo Thông tư số: 10/2008/TT - BGD-ĐT ngày 07/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Hoàng Văn Châu (2007), “Làm thế nào để thực hiện tốt một luận văn khoa học”, *Diễn đàn khoa học*, Viện đào tạo Quốc tế và Khoa học vật liệu - Đại học Bách khoa Hà Nội.

6. Nguyễn Bảo Vệ, ThS Nguyễn Huy Tài (2007), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học*, Đại học Cần Thơ.

### **7. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Tự học, đọc và dịch tài liệu trên cơ sở hướng dẫn, phân công.
- Chọn đề tài thuyết trình, thảo luận và viết thu hoạch phù hợp với đề tài luận văn.

Các yêu cầu khác:

+ Chuyên cần: Trọng số 10%

+ Thuyết trình nhóm: Trọng số 20%

+ Tiểu luận cuối kỳ: Trọng số 70%

## Học phần bắt buộc 2

**Tên học phần: Lịch sử design**

**Subject name: History of Design**

### 1. Các yêu cầu của môn học:

Số tín chỉ: 3	<b>Số tiết ( Lý thuyết, Bài tập &amp; thực hành, Tự học)</b>					
Số tiết: 45		<b>LT</b>	<b>BT</b>	<b>TL</b>	<b>ĐA</b>	<b>BTL/TL</b>
		30	0	5	0	10
Đánh giá môn học:	<b>TT</b>	<b>Phương pháp đánh giá</b>			<b>Số lần</b>	<b>Trong số (%)</b>
	1	Chuyên cần				20
	2	Kiểm tra giữa môn học				
	3	Thực hành, thí nghiệm				
	4	Thuyết trình, thảo luận			1	30
	5	Tiểu luận cuối môn học			1	30
Thang điểm đánh giá	10/10					
Môn học tiên quyết	Không					
Môn học trước	Không					
Môn học song hành	Không					

Ghi chú: LT; lý thuyết, BT: bài tập, TL: thảo luận, ĐA: đồ án, BTL: bài tập lớn, TL: tiểu luận

### 2. Phòng phụ trách giảng dạy:

Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự kiến giảng viên:

- PGS.TS Cung Dương Hằng
- TS Nguyễn Hồng Ngọc
- TS Huỳnh Thanh Trang

### 3. Mô tả môn học:

Đây là môn học thuộc học phần lý thuyết cho chương trình đào tạo mã ngành Mỹ thuật ứng dụng với nội dung chuyên sâu và yêu cầu cao hơn ở bậc đại học

### 4. Mục tiêu của môn học:

*Về kiến thức:* Môn học Lịch sử Design nhằm giúp cho học viên nắm được những kiến thức, hiểu biết về sự hình thành, phát triển của design từ thời kỳ

nguyên thủy tới nay, đặc biệt từ thời cách mạng công nghiệp đầu thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XX thông qua các phân kỳ lịch sử đặc trưng bởi các phong cách, trường phái và những trào lưu nghệ thuật design qua đó có thể vận dụng xây dựng và phát triển ý tưởng thiết kế cho các tình huống và ngữ cảnh thích hợp. Giúp học viên nắm được phương pháp tiếp cận, nghiên cứu lịch sử và thu hoạch những kiến thức ngành thông qua đề tài nghiên cứu và thảo luận thuyết trình (seminar) trên lớp.

*Về kỹ năng:* Củng cố, nâng cao những kỹ năng soạn thảo văn bản, báo cáo và thuyết trình. Kỹ năng thu thập tư liệu, xử lý thông tin.

*Về thái độ:* Trân trọng lịch sử ngành design với ý nghĩa và thành tựu design mang lại cho nền sản xuất công nghiệp và sự phát triển của xã hội con người, qua đó xây dựng thái độ, động cơ học tập đúng đắn, chủ động trong học tập, nghiên cứu.

### 5. Nội dung môn học:

STT	Tên chương, bài	Tổng số tiết	Số tiết giảng	Số tiết thảo luận	Số tiết học viên tự nghiên cứu tài liệu và viết tiểu luận
1	Các quan điểm về lịch sử design	5	5		
2	Một số phương pháp tiếp cận lịch sử design	10	5	5	
3	Đối tượng nghiên cứu của lịch sử design qua hình dạng sản phẩm, tác phẩm từ các thời kỳ tiền văn minh công nghiệp	15	10	5	5
4	Các phong cách design tiêu biểu qua các thời kỳ Design thủ công từ trước thế kỷ XVIII và Design công nghiệp từ thế kỷ XIX qua 4 phân kỳ	15	10	5	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>20</b>	<b>15</b>	<b>10</b>

#### Nội dung chi tiết học phần:

##### Mở đầu

- Lịch sử Design - Khái niệm và một số cách tiếp cận.
- Design thủ công và Design công nghiệp
- Phong cách và phong cách design



## **I. Design thời nguyên thủy - công cụ đồ đá, kiến trúc đá và sự khởi đầu của mỹ thuật/nghệ thuật**

## **II. Design văn minh cổ đại**

Ai Cập (Egypt) - Tặng vật của sông Nile

Luống Hà (Mesopotamia) - Nền văn minh từ đất sét

## **III. Design phương Đông truyền thống**

1. Trung Quốc (China): Đế chế phong kiến phương Đông
2. Ấn Độ (India): Xứ sở tâm linh và tôn giáo
3. Nhật Bản (Japan): Zen Thiền xứ hoa Anh Đào
4. Việt Nam: Văn minh vật chất vùng sông nước.

## **IV. Design phương Đông giao thoa phương Tây - Vùng địa văn hóa Á-Âu-Phi**

1. Bizantin (Byzantine)
2. Hồi giáo (Islamic)

## **V. Design phương Tây từ cổ đại đến hiện đại**

1. Hy Lạp - La Mã (Greco-Roman): Tư tưởng Hy Lạp và kiến trúc, mỹ thuật cổ điển đẳng cấp, nền tảng văn minh văn hoá phương Tây
2. Roman (Romanesque)
3. Gô tích (Gothic)
4. Phục Hưng (Renaissance)
5. Ba rốc và Rốc cô cô (Baroque & Rococo)

## **VI. Cách mạng Công nghiệp và thời kỳ quá độ thế kỷ 18-19**

1. Tân cổ điển (Neo Classical)
2. Phong trào Mỹ thuật Mỹ nghệ (Arts & Craft Movement)
3. Trào lưu Nghệ thuật mới (Art Nouveau)

## **VII. Design hiện đại thế kỷ 20**

1. Chủ nghĩa kết cấu Nga (Constructivism), De Stijl Hà Lan và Bauhaus Đức
2. Nghệ thuật trang trí (Art Déco) Pháp và Mỹ
3. Thiết kế tiếp thị (Design marketing) Mỹ với các phong cách Dòng chảy và Hữu cơ (Streamlining và Organic style)
4. Hình dáng tốt (Good Form) Đức, Thiết kế tốt (Bel Design) Italia
5. Nghệ thuật Pop (Pop Art) và Thiết kế cấp tiến, cực đoan (Radical Design)
6. Chủ nghĩa Tối giản (Minimalism)
7. Phong cách Bắc Âu (Scandinavian Style)
8. Chủ nghĩa Hậu hiện đại (Postmodernism)
9. Design Công nghệ cao (Hi-tech Design)
10. Design mới (New Design) - Design Nghệ thuật (Art Design)
11. Thời đại Thiết kế Kỹ thuật số (Digital Design)

## **VIII. Design thế kỷ 21 - Thế hệ sản phẩm thông minh**

### **Lời kết**

#### **6. Tài liệu tham khảo**

1. Lê Huy Văn, Trần Văn Bình (2001), *Lịch sử Design*, Nxb Xây dựng, Hà Nội,
2. David Raizman (2010), *History of Modern Design - Graphics and Products since the Industrial Revolution*, Laurence King Publishing, UK.

#### **7. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Tự học, đọc và dịch tài liệu trên cơ sở hướng dẫn, phân công.
- Chọn đề tài thuyết trình, thảo luận và viết thu hoạch phù hợp với đề tài luận văn.

Các yêu cầu khác:

- + Chuyên cần: Trọng số 20%
- + Thuyết trình nhóm: Trọng số 30%
- + Tiểu luận cuối kỳ; Trọng số 50%

### Học phần bắt buộc 3

**Tên học phần: Cơ sở thiết kế thị giác**

**Subject name: The basics of visual design**

#### 1. Các yêu cầu của học phần:

Số tín chỉ: 4	Số tiết (Lý thuyết, Bài tập & thực hành, Tự học)					
Số tiết: 60		<b>LT</b>	<b>BT</b>	<b>TL</b>	<b>ĐA</b>	<b>BTL/TL</b>
		45	15		0	30
Đánh giá môn học:	<b>TT</b>	<b>Phương pháp đánh giá</b>			<b>Số lần</b>	<b>Trong số (%)</b>
	1	Chuyên cần				20
	2	Kiểm tra giữa môn học				
	3	Thực hành, thí nghiệm				
	4	Thuyết trình, thảo luận			1	30
	5	Tiểu luận cuối môn học			1	30
Thang điểm đánh giá	10/10					
Môn học tiên quyết	Không					
Môn học trước	Không					
Môn học song hành	Không					

Ghi chú: LT: lý thuyết, BT: bài tập, TL: thảo luận, ĐA: đồ án, BTL; bài tập lớn, TL: tiểu luận

#### 2. Phòng phụ trách giảng dạy:

Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự kiến giảng viên:

- PGS.TS Cung Dương Hằng

- TS Nguyễn Hồng Ngọc
- TS Đỗ Văn Dũng

### 3. Mô tả môn học:

Cơ sở thiết kế thị giác là môn học lồng ghép giữa lý thuyết và thực hành, nghiên cứu những vấn đề thị giác, các nguyên lý và yếu tố tạo hình thiết kế trên mặt phẳng, trên khối và trong không gian ba chiều. Hoạ sĩ thiết kế có thể vận dụng cơ sở lý thuyết thiết kế thị giác đó để khai thác, phục vụ cho công việc sáng tác thiết kế của mình.

### 4. Mục tiêu của môn học:

*Về kiến thức:* Hệ thống hoá và cung cấp kiến thức về những vấn đề thị giác, các hình thức biểu đạt và những hiệu quả thị giác của hình, màu, khối trong không gian thiết kế hai chiều và ba chiều. Học viên nắm vững được sự liên đới giữa các nội dung lý luận thuộc Cơ sở thiết kế thị giác (Nguyên lý thị giác, Cơ sở tạo hình mặt phẳng, Cơ sở tạo hình trên khối và không gian) để đi tới nhận thức thị giác, năng lực cảm thụ hình, màu, khối và năng lực sáng tạo cá nhân.

*Về kỹ năng:* Có kỹ năng sử dụng những kiến thức của môn học để phân tích, lập luận, đánh giá một thiết kế đạt được những tiêu chuẩn chung về thị giác, có khả năng vận dụng sáng tạo vào đồ án thiết kế cá nhân.

### 5. Nội dung môn học:

STT	Tên chương, bài	Tổng số tiết	Số tiết giảng	Số tiết thảo luận	Số tiết học viên tự nghiên cứu tài liệu và viết tiểu luận
1	Nguyên lý thị giác trong mối quan hệ với các môn học Cơ sở tạo hình	5	3	1	1
2	Những yếu tố cơ bản tác động đến nhận thức thị giác	5	3	1	1
3	Vai trò của các giác quan và nhận thức thị giác trong tạo hình	5	3	1	1
4.	Cấu trúc hình	10	6	2	2

5	Cấu trúc màu	5	3	1	1
6	Những quy luật bố cục và các hình thức biểu hiện hình, màu trên mặt phẳng	5	3	1	1
7	Cấu trúc khối	5	3	1	1
8	Cấu trúc không gian	5	3	1	1
	<b>Tổng cộng</b>	45	27	9	9

### **Nội dung chi tiết học phần:**

**Chương I. Nguyên lý thị giác trong mối quan hệ với môn học Cơ sở thiết kế thị giác**

**Chương II. Vai trò của các giác quan và nhận thức thị giác trong tạo hình**

1. Vai trò các giác quan
2. Chức năng của thị giác
3. Các đặc tính ưu việt của thị giác

**Chương III. Những yếu tố cơ bản tác động đến nhận thức thị giác**

1. Nhận thức khách quan
2. Nhận thức chủ quan

**Chương IV: Cấu trúc hình**

- 1.1. Các yếu tố tạo hình (điểm, đường nét, diện/hình phẳng)
- 1.2. Các yếu tố tác động đến nhận thức tâm lý thị giác về hình phẳng
- 1.3. Các dạng cấu trúc hình phẳng

**Chương V: Cấu trúc màu**

1. Những khái niệm cơ bản về màu sắc
2. Màu sắc và các yếu tố tác động đến nhận thức tâm lý thị giác
3. Nguyên lý cấu trúc màu sắc
4. Các phương pháp pha màu

**Chương VI: Những quy luật bố cục và các hình thức biểu hiện hình, màu trên mặt phẳng**

1. Những quy luật bố cục
2. Sơ đồ các quy luật liên quan đến cơ sở tạo hình trên mặt phẳng
3. Các nguyên tắc và hình thức bố cục cơ bản
4. Dãy biện chứng và các đặc tính của hình trong dãy biện chứng

5. Biểu hiện hình, màu trên mặt phẳng
6. Hình, màu với chất liệu bề mặt (ngôn ngữ, phong cách và kỹ thuật biểu hiện)
7. Khối ảo trên mặt phẳng
8. Các dạng thức không gian trên mặt phẳng (phân loại, ngôn ngữ và kỹ thuật biểu đạt)
9. Mô đun - cấu trúc mạng hình phẳng (khái niệm, nguyên tắc và kỹ thuật triển khai cấu trúc mạng hai chiều)

### **Chương VII: Cấu trúc khối**

1. Nhận thức về hình khối
2. Quan niệm về khối trong kiến trúc (Khối cơ bản, khối tự thân, khối biểu hiện)
3. Các yếu tố tác động đến nhận thức tâm lý thị giác về khối
4. Các dạng cấu tạo khối (nguyên tắc, các dạng thức và kỹ thuật triển khai cấu trúc mạng từ 2 chiều đến 3 chiều)
5. Những hiệu quả thị giác của khối trong không gian ba chiều.

### **Chương VIII: Cấu trúc không gian**

1. Nhận thức về cấu trúc cơ bản của không gian (Khái niệm; Không gian trong nghệ thuật tạo hình; Không gian trong kiến trúc; Không gian đô thị; Không gian design)
2. Cấu tạo của không gian bên trong (Hình thức cơ bản; Sự phân cắt, Sự tổ hợp, Quy tắc nghệ thuật của tổ hợp không gian bên trong)
3. Cấu tạo của không gian bên ngoài (Hình thức cấu tạo; Tuyến vận động; Sự liên kết những tổ hợp không gian; Những thủ pháp cấu tạo;

### **6. Tài liệu tham khảo**

#### ***Tài liệu tiếng Việt***

1. Vũ Duy Cừ (1996), *Nghệ thuật tổ chức không gian kiến trúc*, Nxb Xây dựng.
2. Nguyễn Ngọc Giả, Võ Đình Điệp (2002), *Cơ sở tạo hình kiến trúc*, Trường Đại học Kiến trúc Tp.Hồ Chí Minh, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
3. Nguyễn Hồng Hưng (2012), *Nguyên lý Design thị giác*, Nxb Đại học Quốc gia Tp.HCM.
4. Vương Hoàng Lực (2002), *Nguyên lý hội họa đen trắng*, Nxb Mỹ thuật, HN.
5. Nguyễn Luận (1983), *Design thị giác*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
6. Ocvirk-Stinson, Wigg, Bone, Cayton (2006), *Những nền tảng của Mỹ thuật - lý thuyết và thực hành*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.

7. Đặng Đức Quang (1999), *Cơ sở tạo hình kiến trúc*, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
8. Nguyễn Quân (1984), *Tiếng nói của hình và sắc*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
9. Nguyễn Quân (2005), *Con mắt nhìn cái đẹp*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
10. Lê Huy Văn, Trần Từ Thành (2002), *Giáo trình cơ sở tạo hình*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

***Tài liệu Tiếng Anh***

2. Graham Collier (2000), *Form, Space and Vision (Hình thể, Không gian và Cái nhìn)*, Prentice-Hall Publishers, Englewood Cliffs, New Jersey published.
3. Charles Wallschaleger, Cynthia Busic Snyder (1992), *Basic Visual Concepts and Principles for Artists, Architects and Designers (Những khái niệm và nguyên lý thị giác căn bản dành cho họa sĩ, kiến trúc sư và họa sĩ thiết kế)*. By WN.C. Brown Publishers, printed in the United States of America.

**7. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Tự học, đọc và dịch tài liệu trên cơ sở hướng dẫn, phân công.
- Chọn đề tài thuyết trình, thảo luận và viết thu hoạch phù hợp với đề tài luận án.

Các yêu cầu khác:

- + Chuyên cần: Trọng số 20%
- + Thuyết trình nhóm: Trọng số 30%
- + Tiểu luận/Bài tập cuối kỳ: Trọng số 50%

## Học phần bắt buộc 4

**Tên học phần: Tư duy thiết kế**

**Subject name: Design thinking**

### 1. Các yêu cầu của môn học;

Số tín chỉ: 2	Số tiết ( Lý thuyết, Bài tập & thực hành, Tự học)					
Số tiết: 30		LT	BT	TL	ĐA	BTL/TL
		20	10		0	0
Đánh giá môn học:	TT	Phương pháp đánh giá			Số lần	Trong số (%)
	1	Chuyên cần				20
	2	Kiểm tra giữa môn học				
	3	Thực hành, thí nghiệm				
	4	Thuyết trình, thảo luận			2	20
	5	Tiểu luận cuối môn học			1	70
Thang điểm đánh giá	10/10					
Môn học tiên quyết	Nguyên lý thị giác					
Môn học trước	Cơ sở tạo hình trên mặt phẳng					
Môn học song hành	Không					

Ghi chú; LT: lý thuyết, BT; bài tập, TL; thảo luận, ĐA: đề án, BTL: bài tập lớn, TL; tiểu luận

### 2. Phòng phụ trách giảng dạy:

Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự kiến giảng viên:

- PGS. TS Cung Dương Hằng
- TS Nguyễn Hồng Ngọc
- TS Đỗ Văn Dũng

### 3. Mô tả môn học:

Môn học cung cấp cho học viên những phương pháp tìm ý, phát triển ý tưởng trong design/thiết kế mỹ thuật. Môn học gồm 2 ĐVHT, trong đó 10 tiết lý thuyết về phương pháp sáng tạo design. Học viên tham gia thảo luận và thực hiện 01 tiểu luận cuối khóa.

### 4. Mục tiêu của môn học:



Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức chung về phương pháp luận sáng tạo, một số phương thức tìm ý, phát triển ý và giải quyết những vấn đề trong quá trình thiết kế.

*Về kiến thức:* Phương pháp tìm ý, phát triển ý tưởng và hiện thực hóa ý tưởng đồ án thiết kế mỹ thuật.

*Về kỹ năng:* Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tìm ý, phát triển ý tưởng. về thái độ; Thích thú sáng tạo và thể nghiệm những phương tiện thể hiện mới.

### 5. Nội dung môn học:

STT	Tên chương, bài	Tổng số tiết	Số tiết giảng	Số tiết thảo luận	Số tiết học viên tự nghiên cứu tài liệu và viết tiểu luận/ thực hiện đồ án
1	Cơ sở lý luận về sáng tạo	6	2	1	3
2	Sáng tạo và cách tân trong design	6	2	1	3
3	Giải pháp sáng tạo trong design	7	3	1	3
4	Liên kết và phát triển ý tưởng trong design	11	3	2	6
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30</b>	<b>10</b>	<b>5</b>	<b>15</b>

#### Nội dung chi tiết học phần:

##### **Bài 1: Cơ sở lý luận về sáng tạo**

- Khái niệm sáng tạo và tư duy sáng tạo
- Phương pháp luận sáng tạo

##### **Bài 2: Sáng tạo và cách tân trong design**

- Quy trình sáng tạo
- Cách tân - sáng tạo trong lĩnh vực design
- Nguyên lý sáng tạo và cách tân

##### **Bài 3: Giải pháp sáng tạo**

##### **Bài 4: Liên kết và phát triển ý tưởng trong design**

- Synektikos

- Kết hợp các hình thức tư duy

#### **6. Tài liệu tham khảo:**

1. Catricalà, Valentino (2015), Media Art, Toward a new Definition of Arts in the Age of Technology, Gli Ori, ISBN 978- 88-7336-564-8
2. Mark Tribe, Reena Jana (2007), New Media Art, Introduction, Rome: Taschen, ISBN 978-3-8228-2537-2
3. Maurizio Bolognini (2008), Postdigitale (in Italian), Rome; Carocci Editore, ISBN 978-88-430-4739-0
4. Stewart, c and Kowaltzke (1997), Media: New Ways and Meanings (second edition), JACARANDA, Milton, Queensland, Australia.
5. Vaughan, Tay (1993), Multimedia: Making It Work (first edition, ISBN 0-07- 881869-9), Osbome/McGraw-Hill, Berkeley

#### **7. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Tự học, đọc và dịch tài liệu trên cơ sở hướng dẫn, phân công.
- Chọn đề tài thuyết trình, thảo luận và viết thu hoạch phù hợp với đề tài luận án.

- Các yêu cầu khác:

+ Chuyên cần: Trọng số 10%

+ Thảo luận: Trọng số 20%

+ Tiểu luận: Trọng số 70%

## Học phần bắt buộc 5

Tên học phần: Mỹ thuật truyền thống Việt Nam

Subject name: Vietnam Traditional Fine Arts

### 1. Các yêu cầu của môn học:

Số tín chỉ: 3	Số tiết ( Lý thuyết, Bài tập & thực hành, Tự học)					
Số tiết: 45		LT	BT	TL	ĐA	BTL/TL
		30	0		0	15
Đánh giá môn học:	TT	Phương pháp đánh giá			Số lần	Trong số (%)
	1	Chuyên cần				0
	2	Kiểm tra giữa môn học				
	3	Thực hành, thí nghiệm				
	4	Thuyết trình, thảo luận			1	30
	5	Tiểu luận cuối môn học			1	50
Thang điểm đánh giá	10/10					
Môn học tiên quyết	Mỹ học					
Môn học trước	Lịch sử mỹ thuật					
Môn học song hành	Không					

Ghi chú; LT; lý thuyết, BT: bài tập, TL: thảo luận, ĐA: đồ án, BTL; bài tập lớn, TL: tiểu luận

### 2. Phòng phụ trách giảng dạy:

Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự kiến giảng viên:

- PGS.TS Nguyễn Văn Minh
- TS Nguyễn Hồng Ngọc
- TS Huỳnh Thị Thanh Trang
- TS Phạm Hữu Công
- PGS.TS Trang Thanh Hiền

### 3. Mô tả môn học:

Học phần có nội dung về lược sử các giai đoạn phát triển của mỹ thuật truyền thống. Tuy nhiên, để tránh lối học từng chương, học viên phải tự đọc sách để nắm vững những giai đoạn phát triển khác nhau của mỹ thuật truyền thống Việt. Giảng viên vừa có trách nhiệm hệ thống hóa những giai đoạn chính, vừa đi sâu phân tích để nâng cao kỹ năng cảm thụ và giải mã ý nghĩa các biểu

tượng mà cha ông để lại từ các giá trị di sản. Đây là môn học thuộc cấp độ nâng cao nghiên cứu sâu hơn về mỹ thuật đối với đối tượng học viên thuộc trình độ Cao học.

### **3.1. Đối với trình độ Cao học:**

Học phần có 2 đvht (15tiết LT, 30 tiết bài tập thực hành, thảo luận và viết tiểu luận), nhằm cung cấp cho học viên kiến thức để:

Đi sâu nghiên cứu Mỹ thuật truyền thống Việt Nam trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc qua các giai đoạn khác nhau, đồng thời trang bị cho học viên cao học năng lực cảm thụ sâu sắc hơn về hệ giá trị mỹ thuật truyền thống Việt, thông qua những dấu tích giá trị của di sản, tập tìm hiểu, giải mã các giá trị của biểu tượng trong di sản văn hóa của dân tộc.

Nhận diện những yếu tố kế thừa và phát triển khi các nền nghệ thuật giao thoa ảnh hưởng lẫn nhau, để tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa, nghệ thuật của tiền nhân trong quá trình sáng tạo và nghiên cứu nghệ thuật của mình.

### **4. Mục tiêu của môn học:**

Cung cấp cho học viên những giá trị tinh hoa của mỹ thuật truyền thống, để từ đó có thể chọn lọc vận dụng trong hoạt động sáng tạo.

*Về kiến thức:* Cung cấp cho học viên những hệ giá trị của mỹ thuật truyền thống. Qua đó, nhận diện rõ hơn về bản sắc dân tộc trong cơ tầng văn hóa bản địa và quá trình giao lưu, tiếp biến tinh hoa văn hóa nghệ thuật của các dân tộc, quốc gia, vùng, miền, các vùng ảnh hưởng...

*Về kỹ năng:* Có tư duy liên ngành, có kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết sâu sắc vào lĩnh vực thực hành sáng tạo mỹ thuật và mỹ thuật ứng dụng khi thiết kế mỹ thuật, chế tác sản phẩm...

### **5. Nội dung môn học:**

#### **6. Phân bổ thời gian học phần:**

STT	Tên chương, bài	Tổng số tiết	Số tiết giảng	Số tiết thảo	Số tiết học viên tự nghiên cứu tài liệu và viết tiểu luận
1	Nghệ thuật Điêu khắc và Mỹ thuật trang trí trong kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng của người Việt	15	5	4	6

2	Đề tài nghệ thuật chạm khắc Việt và giải mã ý nghĩa các biểu tượng trong nghệ thuật trang trí - điêu khắc truyền thống	15	5	4	6
3	Nghệ thuật tạo hình dân gian trong văn hóa Việt Nam	15	5	4	6
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>15</b>	<b>12</b>	<b>18</b>

**Nội dung môn học:**

**Chương 1: Mỹ thuật trang trí truyền thống trong tôn giáo tín ngưỡng của người Việt**

**1.1. Sự phát triển của hoa văn gắn liền với sự phát triển của cộng đồng người Việt qua các thời kỳ khác nhau (Tiền sử, Sơ sử, Phong kiến...)**

**1.2. Nghệ thuật điêu khắc khảo sát qua Đồ thờ nhân dạng**

- Diễn biến của các tượng thờ Phật giáo Việt
- Khái lược ý nghĩa của các tượng thờ Phật giáo
- Phong cách tạo hình tượng Phật giáo (Phong cách thời Lý TK XI -XII; Phong cách kế thừa thời Lý cuối TK XVI, đầu TK XVII; Phong cách chuyển tiếp cuối TK XVII đến TK XVIII; Phong cách cuối TK XVIII và XIX)
- Đồ thờ nhân dạng tại một số ngôi chùa đặc biệt
- Đồ thờ nhân dạng ở những quán chuyển hóa thành chùa
- Khái lược về Tượng nhà mồ
- Tượng thờ ở Văn miếu (Nho giáo)

**1.3. Nghệ thuật điêu khắc trang trí qua những đồ thờ phổ biến trong kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng cổ truyền**

- Bàn thờ (Nhang án bằng đá, gỗ...; Đồ thờ trên nhang án: bát hương, đèn thờ, ngai thờ...)
- Sập thờ
- Khám thờ (Bài vị)
- Những đồ thờ liên quan (Phước; Thủ xích; Thiên tượng; Đồ Bát bửu; Đồ chấp kích; Đồ lễ bộ; Lọng; Những linh vật mang tư cách đồ thờ; Kiệu thờ; Chuông thờ; Khánh bằng; Mõ; Trống thờ; Trụ thờ bằng đá...)

**Chương 2: Đề tài nghệ thuật chạm khắc Việt và giải mã ý nghĩa các biểu tượng trong nghệ thuật trang trí - điêu khắc truyền thống**

Đề tài gắn với lực lượng tự nhiên và mang tính triết học

Đề tài gắn với nhà Phật

Vài hình tượng gắn liền với Dịch học (Nho giáo)

Hình tượng gắn liền với lực lượng phát sáng

Hình tượng rỗng

Hình tượng Bát Bửu

Hình tượng Linh vật chạm trên di tích

Hình tượng cây, cỏ (Lá đề; Hoa dâm; Hoa sen; Hoa cúc; Hoa lan, Hoa mai, Hoa trúc; Hoa đào; Hoa mẫu đơn;)

Hình tượng con người trong trang trí ở TK XVI được thể hiện cả ở đình, chùa...

### **Chương 3: Nghệ thuật tạo hình dân gian trong văn hóa Việt Nam**

Đặc điểm (dân dã, hồn nhiên, phồn thực, lạc quan...)

Tranh dân gian Đông Hồ (đề tài, nội dung, chất liệu, phương thức thể hiện...) Tranh dân gian Hàng Trống (đề tài, nội dung, chất liệu, phương thức thể hiện...) Tranh Kim Hoàng (đề tài, nội dung, chất liệu, phương thức thể hiện...)

Tranh Làng Sinh (đề tài, nội dung, chất liệu, phương thức thể hiện...)

Tranh vẽ thủ công trên kính (son nèn, tráng gương...)

Tạo tác sản phẩm tạo hình dân gian truyền thống (nặn tò he, làm con giống, đồ gốm, đồ mỹ nghệ, mây tre đan, mặt nạ, thả diều, cuốn thư, bình phong, câu đối, thư pháp, bùa...)

#### **Nhận xét, đối sánh, kết luận**

#### **7. Tài liệu tham khảo:**

1. Trần Lâm Biền (1993), *Hình tượng con người trong nghệ thuật tạo hình truyền thống Việt*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
2. Trần Lâm Biền (2000), *Một con đường tiếp cận lịch sử*, Nxb Văn hóa Dân tộc.
3. Trần Lâm Biền (2007), *Giáo trình mỹ thuật cổ truyền Việt*, Viện văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, Hà Nội.
4. Trần Lâm Biền, Trịnh Sinh (2011), *Thế giới biểu tượng trong di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội*, Nxb Hà Nội.
5. Trần Lâm Biền (2011) (chủ biên), *Trang trí trong mỹ thuật truyền thống của người Việt*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
6. Bộ Văn hóa Thông tin (1975), *Nghệ thuật tạo hình Việt Nam*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.

7. Nguyễn Du Chi (2001), *Trên đường tìm về cái đẹp của cha ông*, Viện Mỹ thuật, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
8. Nguyễn Du Chi (2003), *Hoa văn Việt Nam*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
9. Đỗ Văn Khang (2001), *Nghệ thuật học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
10. Nhiều tác giả (1999), *Bàn về vấn đề Dân tộc và Hiện đại trong Kiến trúc Việt Nam*, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
11. Nhiều tác giả (1973), *Về tính dân tộc của nghệ thuật tạo hình*, Nxb Văn hóa
12. Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng (1989), *Mỹ thuật của người Việt*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
13. Nguyễn Ngọc Thu (2003), *Văn hóa thẩm mỹ và sự phát triển năng lực sáng tạo của con người*, Nxb Đại học Quốc gia, Tp.Hồ Chí Minh.
14. Chu Quang Trứ (2001), *Văn hóa Việt Nam nhìn từ mỹ thuật*, Nxb Mỹ thuật.
15. Trịnh Quang Vũ (2002), *Lược sử mỹ thuật Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
16. Trần Quốc Vượng (2000) (chủ biên), Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bền, Lâm Mỹ Dung, Trần Thúy Anh, *Cơ sở văn hóa Việt Nam* (tái bản), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

#### **8. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Tự học, đọc và nghiên cứu tài liệu.
- Chọn đề tài thuyết trình, thảo luận và viết thu hoạch

Các yêu cầu khác:

+ Chuyên cần: Trọng số 20%

+ Thuyết trình, thảo luận: Trọng số 30%

+ Tiểu luận cuối kỳ: Trọng số 50%

## Học phần tự chọn 1

Tên học phần: Văn hoá dân tộc học nghệ thuật

Subject name: Ethnology of Culture

### 1. Các yêu cầu của môn học:

Số tín chỉ: 3	Số tiết ( Lý thuyết, Bài tập & thực hành, Tự học)						
Số tiết: 45		LT	BT	TL	ĐA	BTL/TL	
		30	5	5		5	
Đánh giá môn học:	TT	Phương pháp đánh giá				Số lần	Trong số (%)
	1	Chuyên cần					10
	2	Kiểm tra giữa môn học					
	3	Thực hành, thí nghiệm					
	4	Thuyết trình, thảo luận				1	20
	5	Tiểu luận cuối môn học				1	70
Thang điểm đánh giá	10/10						
Môn học tiên quyết	Không						
Môn học trước	Không						
Môn học song hành	Không						

Ghi chú: LT: lý thuyết, BT: bài tập, TL; thảo luận, ĐA; đồ án, BTL: bài tập lớn, TL: tiểu luận

### 2. Phòng trách giảng dạy:

Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

- Dự kiến giảng viên:
- PGS.TS Nguyễn Văn Minh
  - TS Trương Phi Đức
  - PGS TS. Huỳnh Quốc Thắng
  - TS Trương Thu Trang

### 3. Mô tả môn học:

Gắn với một chương trình học tập chính khóa (60 tiết) bao gồm các chuyên đề nhận thức lý luận kết hợp liên hệ thực tế chủ yếu về các thành tố Văn hóa & Văn hóa dân tộc, từ góc nhìn chuyên ngành và liên ngành Văn hóa học và Dân tộc học, thực chất là Nhân học văn hóa/xã hội kết hợp với một số kiến thức



chuyên ngành khác (Triết học, Sử học, Xã hội học, Mỹ học, Nghệ thuật học ...), đặc biệt là với Mỹ thuật học...

#### 4. Mục tiêu của môn học:

Văn hoá dân tộc học là sản phẩm chủ quan của con người trong thực tế cuộc sống, góp phần tạo ra vốn di sản, truyền thống, bản sắc... cũng như đặc trưng văn hoá dân tộc, vùng miền, là những nhân tố quan trọng liên quan đến thực tế hoạt động xã hội, sáng tạo văn hoá, có ý nghĩa lớn đối với hoạt động văn hoá nghệ thuật trong giai đoạn toàn cầu hoá hiện nay.

Môn học giúp người học có thêm những luận điểm, luận cứ mang tính hệ thống chặt chẽ theo từng vấn đề của nội dung góp phần vào quá trình nâng tầm nhận thức, phương pháp khoa học, trước mắt là việc xác định đề tài, thực hiện luận văn, luận án của mình...

Nội dung môn học:

STT	Tên chương, bài	Tổng số tiết	Số tiết giảng	Số tiết thảo luận	Số tiết học viên tự nghiên cứu tài liệu và viết tiểu luận
1	Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và sự hình thành, phát triển Văn hoá học	5	5		
2	Văn hoá học và văn hoá dân tộc	8	5	1	2
3	Tính văn hoá trong quảng cáo	8	5	1	2
4	Lễ phục nhà nước, 1 số tiêu chí về nội dung, hình thức thiết kế	8	5	1	2
5	Bản sắc và giao tiếp văn hoá dân tộc (qua khảo sát một số hệ giá trị văn hoá tộc người vùng Nam bộ)	8	5	1	2
6	Những yếu tố cơ bản tạo nên sản phẩm thủ công mỹ nghệ lưu niệm đặc trưng trong du lịch	8	5	1	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>5</b>	<b>10</b>

#### Nội dung chi tiết

Bài 1: Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và sự hình thành, phát triển Văn hoá học

Bài 2: Văn hoá học và văn hoá dân tộc Bài 3: Tính văn hoá trong quảng cáo

Bài 4: Lễ phục nhà nước - một số tiêu chí về nội dung, hình thức thiết kế

Bài 5: Bản sắc và giao tiếp văn hoá dân tộc (qua khảo sát một số hệ giá trị văn hoá tộc người vùng Nam bộ)

Bài 6: Những yếu tố cơ bản tạo nên sản phẩm thủ công mỹ nghệ lưu niệm đặc trưng trong du lịch

## **6. Tài liệu tham khảo**

1. Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dớp (1991), *Văn hóa Chăm*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường (1990), *Văn hoá và cư dân đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. L. Cadriere (1955), *Croyances et Pratiques Religieuses des Vietnamiens-*, E.F.E.O., Paris.
4. G. Coulet (1929), *Cultes et religions de L'Indochine annamite*, Saigon, Ardin.
5. (1973), *Đại Nam nhất thống chí - Lục tỉnh Nam Việt* (Tập thượng: *Biên Hòa - Gia Định*, Tập hạ: *An Giang - Hà Tiên*), Tu Trai Nguyễn Tạo (dịch), Nhà văn hóa Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa tái bản, Sài Gòn.
6. Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn.
7. Mạc Đường (chủ biên) (1991), *Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn Duy Hinh (1996), *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, Nxb KHXH
9. Ngô Văn Lệ (1993), “Những đặc trưng của những quá trình tộc người ở các nước Đông Nam Á”, *Tạp san khoa học*, số 1.
10. Đinh Văn Liên (1984), *Giao lưu văn hóa của các dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*, Kỷ yếu *Mấy đặc điểm văn hóa đồng bằng sông Cửu Long* (Kỷ yếu), Viện Văn hóa (Bộ VH-TT), tr.65-80.
11. Tần Hồng Liên (1995), *Chùa Việt ở Nam bộ - một nét văn hóa độc đáo của Phật giáo Việt Nam*, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2, tr.11-12.
12. Huỳnh Lứa (Chủ biên) (1987), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam bộ*, Nxb Tp.HCM
13. Nguyễn Việt Nga (1994), *Thử bàn vài nét về mối quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa nghệ thuật*, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 3.

## **7. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Tự học, đọc và dịch tài liệu trên cơ sở hướng dẫn, phân công.

- Chọn đề tài thuyết trình, thảo luận và viết thu hoạch phù hợp với đề tài luận án.

Các yêu cầu khác:

+ Chuyên cần: Trọng số 10%

+ Thuyết trình nhóm: Trọng số 20%

+ Tiểu luận cuối kỳ: Trọng số 70%

## Học phần tự chọn 2

**Tên học phần: Xã hội học Nghệ thuật**

**Subject name: Sociology of Art**

1. Các yêu cầu của môn học:

Số tín chỉ: 3	Số tiết ( Lý thuyết, Bài tập & thực hành, Tự học)						
Số tiết: 45		<b>LT</b>	<b>BT</b>	<b>TL</b>	<b>ĐA</b>	<b>BTL/TL</b>	
		30	0	15	0	10	
Đánh giá môn học:	<b>TT</b>	<b>Phương pháp đánh giá</b>				<b>Số lần</b>	<b>Trong số (%)</b>
	1	Chuyên cần					20
	2	Kiểm tra giữa môn học					
	3	Thực hành, thí nghiệm					
	4	Thuyết trình, thảo luận					30
	5	Tiểu luận cuối môn học				1	50
Thang điểm đánh giá	10/10						
Môn học tiên quyết	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam Lịch sử Mỹ thuật thế giới Triết học						
Môn học trước	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam Lịch sử Mỹ thuật thế giới						
Môn học song hành	Không						

Ghi chú: LT: lý thuyết, BT: bài tập, TL: thảo luận, ĐA: đồ án, BTL: bài tập lớn, TL: tiểu luận

### 2. Phòng phụ trách giảng dạy:

Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự kiến giảng viên: - PGS.TS Nguyễn Văn Minh

- TS Nguyễn Minh Quang

- TS Đoàn Minh Ngọc

- PGS.TS Bùi Hoài Sơn

### 3. Mô tả môn học:

Đây là môn học bổ sung cho chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng, ở chương trình đào tạo Đại học, sinh viên chưa được học.

### 4. Mục tiêu của môn học:

Môn học cung cấp cho học viên cao học những kiến thức và kỹ năng cơ bản liên quan đến xã hội học nghệ thuật như hệ thống các khái niệm, lịch sử, những lý thuyết cơ bản và phương pháp nghiên cứu xã hội học nghệ thuật, và việc áp dụng vào những trường hợp nghệ thuật cụ thể ở Việt Nam.

*Về kiến thức:* Cung cấp cho người học những đặc trưng, khái niệm cơ bản của xã hội học nghệ thuật; những lý thuyết cơ bản trong nghiên cứu xã hội học nghệ thuật và phân tích những vấn đề của nghệ thuật Việt Nam từ cách tiếp cận xã hội học nghệ thuật.

*Về kỹ năng:* Có tư duy liên ngành, có kỹ năng sử dụng một số phương pháp xã hội học, phân tích các dữ liệu xã hội học để vận dụng vào nghiên cứu một hiện tượng, một thành tố của nghệ thuật nói chung và mỹ thuật nói riêng.

### 5. Nội dung môn học:

Phân tích những vấn đề của nghệ thuật Việt Nam từ cách tiếp cận xã hội học nghệ thuật.

STT	Tên chương, bài	Tổng số tiết	Số tiết giảng	Số tiết thảo luận	Số tiết học viên tự nghiên cứu tài liệu và viết tiểu luận
1	Lịch sử ra đời của xã hội học	9	4	2	3
2	Những khái niệm cơ bản trong xã hội học nghệ thuật	9	4	2	3
3	Một số lý thuyết cơ bản trong nghiên cứu xã hội học nghệ thuật	9	4	2	3
4	Một số vấn đề trong phương pháp nghiên cứu xã hội học nghệ thuật	9	4	2	3
5	Một số vấn đề nghệ thuật Việt Nam tiếp cận từ xã hội học nghệ thuật	9	4	2	3
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>20</b>	<b>10</b>	<b>15</b>

#### Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Lịch sử ra đời của xã hội học

- Ba tiền đề cơ bản cho sự ra đời của ngành khoa học xã hội học

- Những tiền đề cơ bản của xã hội học nghệ thuật

Chương 2: Những khái niệm cơ bản trong xã hội học nghệ thuật

- Khái niệm xã hội học
- Khái niệm xã hội hoá
- Khái niệm văn hoá
- Khái niệm nghệ thuật

Chương 3: Một số lý thuyết cơ bản trong nghiên cứu xã hội học nghệ thuật

- Lý thuyết cấu trúc - chức năng
- Lý thuyết hành động xã hội
- Lý thuyết tương tác biểu trưng
- Lý thuyết tiến hóa xã hội
- Lý thuyết vốn văn hóa của Bourdieu

Chương 4: Một số vấn đề trong phương pháp nghiên cứu xã hội học nghệ thuật

- So sánh phương pháp luận định lượng và định tính
- Những vấn đề liên quan đến các phương pháp cụ thể

Chương 5: Một số vấn đề nghệ thuật Việt Nam tiếp cận từ cách nhìn xã hội học nghệ thuật

- Sự ra đời của các loại hình nghệ thuật truyền thống ở Việt Nam như kết quả của quá trình vận động xã hội.

- Những vấn đề của các loại hình nghệ thuật ở Việt Nam (mỹ thuật, điện ảnh, kịch, âm nhạc,...) - giải thích từ quan điểm xã hội học nghệ thuật.

## 6. Tài liệu tham khảo:

1. Đoàn Văn Chúc (1997), *Xã hội học văn hóa*, Viện Văn hóa và Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
2. Bùi Quang Thắng (1997), *Xã hội học Nghệ thuật*, Nxb Văn hóa Thông tin, HN
3. Giddens (1999), *Lý thuyết*, Tạp chí Xã hội học, số 1/1999.
4. Donald Light, Suzanne Kelle-Craig Calhoun (1989), *Sociology*, Alfred A. Knopf. New York.
5. G. Ritzer (1992) *Contemporary Sociological Theory*, (Third Edition), Me Graw- Hill, Inc, New York.
6. Gunter Endruweit (1999) (chủ biên), *Các lý thuyết xã hội học đương đại*, Nxb Thế giới, Hà Nội,
7. (2002), *Introductory Sociology* (Tourth Edition), Palgrave Macmillan.

8. Joachim Matthes (1994), *Một số vấn đề lý luận và phương pháp nghiên cứu con người và xã hội*, Chương trình KHCN cấp Nhà nước, KX07, Hà Nội.
9. Lê Ngọc Hùng (2002), *Lịch sử và lý thuyết Xã hội học*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
10. Richard I. Schaefer, Robert p. Lamm (1998), *Sociology*, (Sixth Edition), The Mac Graw-Hill Companies, Inc.
11. Ruth A. Wallace, Alison Wolf (1999), *Contemporary Sociological Theory, Expanding the classical tradition (Fifth Edition)*, Prentice Hall, Upper Saddle River, New Jersey.
12. T.Kuhn (1970), *The Structure of Scientific Revolutions*, Chicago, University of Chicago Press.
13. Tô Duy Hợp (1996), *Đặc điểm tiếp cận hệ thống trong Xã hội học*, Tạp chí Xã hội học, số 4/1996.
14. Tô Duy Hợp (2001), *Lý thuyết hệ thống - nguyên lý và vận dụng*, Tạp chí Triết học, SỐ 9/2001.
15. Tô Duy Hợp (2004), *Nan đề và hóa giải nan đề từ hướng tiếp cận toàn thể của I. Kant đến toàn thể luận đương đại*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế tại Hà Nội: Triết học cổ điển Đức - những vấn đề nhận thức luận và đạo đức học, ngày 21-22/12/ 2004.
16. Tony Bilton, Kenvin Bonnett (1993), *Nhập môn Xã hội học*, Nxb KHXH, HN
17. Vũ Quang Hà, *Các lý thuyết Xã hội học*, Nxb ĐHQG Hà Nội, Tập I - 2001 và tập II - 2002.

## **7. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Tự học, đọc và dịch tài liệu trên cơ sở hướng dẫn, phân công.
- Chọn đề tài thuyết trình, thảo luận và viết thu hoạch phù hợp với đề tài luận án.

Các yêu cầu khác:

- + Chuyên cần: Trọng số 20%
- + Thuyết trình nhóm: Trọng số 30%
- + Tiểu luận cuối kỳ: Trọng số 50%

### Học phần tự chọn 3

**Tên học phần: Mỹ thuật học**

**Subject name: Aesthetics**

Các yêu cầu của môn học:

Số tín chỉ: 3	Số tiết ( Lý thuyết, Bài tập & thực hành, Tự học)						
Số tiết: 45		<b>LT</b>	<b>BT</b>	<b>TL</b>	<b>ĐA</b>	<b>BTL/TL</b>	
		30	0	5	0	10	
Đánh giá môn học:	<b>TT</b>	<b>Phương pháp đánh giá</b>				<b>Số lần</b>	<b>Trong số (%)</b>
	1	Chuyên cần					20
	2	Kiểm tra giữa môn học					
	3	Thực hành, thí nghiệm					
	4	Thuyết trình, thảo luận					30
	5	Tiểu luận cuối môn học				1	50
Thang điểm đánh giá	10/10						
Môn học tiên quyết	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam Lịch sử Mỹ thuật thế giới Triết học						
Môn học trước	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam Lịch sử Mỹ thuật thế giới						
Môn học song hành	Không						

Ghi chú: LT: lý thuyết, BT: bài tập, TL: thảo luận, ĐA: đồ án, BTL: bài tập lớn, TL: tiểu luận

#### 1. Phòng phụ trách giảng dạy:

Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự kiến giảng viên:

- PGS.TS Nguyễn Văn Minh
- TS Nguyễn Minh Quang
- TS Đoàn Minh Ngọc

#### 2. Mô tả môn học:

Đây là môn học có tính nền tảng, cơ bản dành cho người học ngành nghệ thuật nói chung và mỹ thuật nói riêng về các khái niệm nghệ thuật và mỹ thuật,



quan niệm về cái đẹp trong lịch sử nhân loại cũng như bản chất, vai trò và chức năng của mỹ thuật trong đời sống xã hội.

### **3. Mục tiêu của môn học:**

Môn học cung cấp cho học viên cao học những kiến thức lý luận tổng hợp có tính hệ thống về quan niệm thẩm mỹ, nguyên lý, cách tiếp cận thị giác và bản chất, chức năng vai trò thẩm mỹ trong đời sống xã hội. Trên cơ sở lý thuyết, học viên biết vận dụng kiến thức chuyên môn để nghiên cứu khoa học, giảng dạy mỹ thuật hay các ngành liên quan, xây dựng đề án, quản lý tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật và trong việc tạo ra sản phẩm mang tính thẩm mỹ phục vụ cộng đồng.

### **4. Nội dung học phần**

#### **Chương 1: Tổng quan về Nghệ thuật và Mỹ thuật**

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Quan niệm về cái đẹp trong nghệ thuật
- 1.3. Loại hình nghệ thuật và các đặc trưng của mỹ thuật

#### **Chương 2: Nguyên lý cảm thụ Mỹ thuật**

- 2.1. Con mắt và nghệ thuật thị giác
- 2.2. Các yếu tố thị giác

#### **Chương 3: Chức năng và vai trò của mỹ thuật trong đời sống xã hội**

- 3.1 Bản chất và chức năng xã hội của mỹ thuật
- 3.2 Vai trò của mỹ thuật trong đời sống xã hội

### **5. Yêu cầu và đòi hỏi của môn học**

Người học tham dự lớp đầy đủ, tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp, đọc bài trước ở nhà, thực hiện bài thuyết trình, bài tập nhóm và bài kết thúc học phần.

### **6. Phương pháp đánh giá học phần**

<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>Số lần</b>	<b>Trọng số %</b>
Thuyết trình chuyên đề	01 bài	25
Bài tập nhóm	2 bài	25
Thi giữa học phần		
Thi kết thúc học phần	01 bài	50
Tổng	4 bài	100

### **7. Tài liệu tham khảo:**

1. Alfred Gell (1988), *Technology and Magic (Kỹ thuật & ma thuật)*. Anthropology Today, Vol. 4, 1988. No.2 pp.6-9.
2. Alfred Gell (1998), *Art and Agency: An anthropological theory (Nghệ thuật & tác lực: Một lý thuyết nhân học)*, Oxford University Press
3. Đoàn Văn Chúc (1997), *Xã hội học văn hóa*, Viện Văn hóa và Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
4. Giddens (1999), *Lý thuyết*, Tạp chí Xã hội học, số 1/1999.
5. Donald Light, Suzanne Kelle-Craig Calhoun (1989), *Sociology*, Alfred A. Knopf. New York.
6. G. Ritzer (1992) *Contemporary Sociological Theory*, (Third Edition), Me Graw- Hill, Inc, New York.
7. (2002), *Introductory Sociology* (Fourth Edition), Palgrave Macmillan.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Tự học, đọc và dịch tài liệu trên cơ sở hướng dẫn, phân công.
- Chọn đề tài thuyết trình, thảo luận và viết thu hoạch phù hợp với đề tài luận văn.

Các yêu cầu khác:

- + Chuyên cần: Trọng số 20%
- + Thuyết trình nhóm: Trọng số 30%
- + Tiểu luận cuối kỳ; Trọng số 50%

## Học phần tự chọn 4

**Tên học phần: Nhân học nghệ thuật**

**Subject name: Artistic Anthropology**

### 1. Các yêu cầu của môn học:

Số tín chỉ: 3	Số tiết ( Lý thuyết, Bài tập & thực hành, Tự học)						
Số tiết: 45		LT	BT	TL	ĐA	BTL/TL	
		15	10	10	0	10	
Đánh giá môn học:	TT	Phương pháp đánh giá				Số lần	Trong số (%)
	1	Chuyên cần					10
	2	Kiểm tra giữa môn học					
	3	Thực hành, thí nghiệm					
	4	Thuyết trình, thảo luận				1	20
	5	Tiểu luận cuối môn học				1	70
Thang điểm đánh giá	10/10						
Môn học tiên quyết	Không						
Môn học trước	Không						
Môn học song hành	Không						

Ghi chú: LT: lý thuyết, BT: bài tập, TL: thảo luận, ĐA: đồ án, BTL; bài tập lớn, TL: tiểu luận

### 2. Phòng phụ trách giảng dạy:

Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự kiến giảng viên: - TS Nguyễn Minh Quang

- TS Đoàn Minh Ngọc

- PGS.TS Đinh Hồng Hải

- PGS.TS Nguyễn Thế Dũng

**3. Mô tả môn học:** Môn học cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về nghệ thuật, hiểu căn bản về hướng tiếp cận nghệ thuật học bằng phương pháp luận của nhân học nghệ thuật.

*Về kiến thức:* Nắm được các khái niệm về nghệ thuật, đặc trưng và bản chất của các ngành nghệ thuật trong đời sống xã hội. Hiểu được tầm quan trọng của nghệ thuật đối với đời sống con người. Biết kết nối, liên hệ các vấn đề có liên quan đến nghệ thuật & nhân văn từ góc nhìn nhân học nghệ thuật.

*Về kĩ năng:* Có thể nhận biết, phân loại các loại hình nghệ thuật trong mối liên hệ với người sáng tạo, người thụ hưởng và xã hội. Có kĩ năng phân tích, đánh giá, phê bình một sản phẩm nghệ thuật và vận dụng các kiến thức được học từ nhân học nghệ thuật để xử lý các vấn đề có liên quan đến nghệ thuật, con người và xã hội.

*Về thái độ:* Nghiêm túc và khoa học khi đánh giá các đối tượng của nghệ thuật và người sáng tạo, Trân trọng các giá trị của nghệ thuật và văn hóa, biết cách xử lý các vấn đề có liên quan bằng tri thức khoa học và nghệ thuật thông qua nhân học nghệ thuật.

*Mục tiêu khác:*

- Rèn luyện kĩ năng đọc tài liệu, tư duy so sánh, phê phán.
- Rèn luyện kĩ năng nghiên cứu khoa học độc lập, làm việc theo nhóm.
- Tiếp cận sâu một lĩnh vực nghiên cứu cụ thể.

## 5. Nội dung môn học:

STT	Tên chương, bài	Tổng số tiết	SỐ tiết giảng	SỐ tiết thảo luận	Số tiết học viên tự nghiên cứu tài liệu và viết tiểu luận
1	Nghệ thuật với đời sống con người	9	5	2	2
2	Các hướng tiếp cận nghiên cứu nghệ thuật	9	5	2	2
3	Một số lý thuyết nhân học nghệ thuật	11	5	3	3
4	Một số ứng dụng của nhân học nghệ thuật	16	10	3	3
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>25</b>	<b>10</b>	<b>10</b>

### Nội dung chi tiết môn học

#### Nội dung 1: NGHỆ THUẬT VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

##### Chương 1. Nghệ thuật trong đời sống con người

- 1.4. Các định nghĩa về nghệ thuật
- 1.5. Chức năng của nghệ thuật đối với đời sống con người
- 1.6. Hiệu ứng của nghệ thuật đối với đời sống con người

## **Chương 2. Các ngành nghệ thuật**

## **Chương 3. Vai trò của nghệ thuật với đời sống con người**

- 2.1. Vai trò giải trí
- 2.2. Vai trò văn hóa và xã hội
- 2.3. Vai trò giáo dục

## **Nội dung 2: CÁC HƯỚNG TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU NGHỆ THUẬT**

## **Chương 4. Lịch sử nghệ thuật**

- a. Lịch sử nghệ thuật thế giới
- b. Lịch sử nghệ thuật Việt Nam
- c. Nghiên cứu nghệ thuật dưới góc nhìn sử luận

## **Chương 5. Phê bình nghệ thuật**

- 1.1. Phê bình nghệ thuật là gì?
- 1.2. Mục tiêu của phê bình nghệ thuật
- 1.3. Phê bình nghệ thuật ở Việt Nam

## **Chương 6. Nghệ thuật và nhân văn**

- 6.1. Mối quan hệ giữa nghệ thuật với KHXH&NV
- 6.2. Nghệ thuật với khoa học và công nghệ
- 6.3. Nghệ thuật trong sự phát triển của đời sống xã hội

## **NỘI DUNG 3: MỘT SỐ LÝ THUYẾT NHÂN HỌC NGHỆ THUẬT**

## **Chương 7. Một số vấn đề lý thuyết trong nhân học nghệ thuật**

- 7.1. Một số đặc tính căn bản của nghệ thuật trong nhân học nghệ thuật
  - Tính biểu tượng
  - Tính ma thuật
  - Tính ước lệ
- 7.2 Các phương pháp nghiên cứu trong nhân học nghệ thuật
- 7.3. Nhân học nghệ thuật từ Fran Boas đến Alfred Gell

## **Chương 8. Lý thuyết nhân học nghệ thuật của Alfred Gell**

- 8.1. Nghệ thuật dưới góc nhìn của Gell
- 8.2. Kỹ thuật và ma thuật
- 8.3 Nghệ thuật và tác lực

## **Chương 9. Áp dụng lý thuyết nhân học nghệ thuật trong nhân học và trong KHXH&NV**

- 9.1. Nhân học nghệ thuật trong nhân học
- 9.2. Nhân học nghệ thuật với các ngành nghiên cứu nghệ thuật

9.3 Nhân học nghệ thuật với các vấn đề xã hội có liên quan đến nghệ thuật

#### **Nội dung 4: ỨNG DỤNG CỦA NHÂN HỌC NGHỆ THUẬT**

##### **Chương 10. ứng dụng của nhân học nghệ thuật trong đời sống xã hội**

10.1. Ứng dụng trong nghệ thuật của đại chúng

10.2. Ứng dụng trong nghệ thuật hàn lâm

10.3. Kết nối nghệ thuật với đời sống xã hội

##### **Chương 11. Xây dựng và phát triển xã hội nghệ thuật**

11.1. Nâng cao nhận thức nghệ thuật

11.2. Phát triển thị trường nghệ thuật

11.3. Phát triển giáo dục nghệ thuật

##### **Chương 12. Vai trò và vị trí của nhân học nghệ thuật**

12.1. Vai trò của một chuyên ngành cần thiết đối với nghệ thuật học

12.2. Vai trò của nhân học nghệ thuật đối với nhân học

12.3. Vai trò của nhân học nghệ thuật đối với KHXH&NV

#### **6. Học liệu**

##### **6.1. Giáo trình bắt buộc**

1. Alfred Gell (1988), *Technology and Magic (Kỹ thuật & ma thuật)*. Anthropology Today, Vol. 4, 1988. No.2 pp.6-9.
2. Alfred Gell (1998), *Art and Agency: An anthropological theory (Nghệ thuật & tác lực: Một lý thuyết nhân học)*, Oxford University Press.
3. Cagan.M. (2004), *Hình thái học nghệ thuật*, Nxb Hội Nhà văn.
4. Đinh Hồng Hải (2014), *Nghiên cứu biểu tượng: Một số hướng tiếp cận lý thuyết*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
5. Đinh Hồng Hải (2012), Từ “Kỹ thuật&Ma thuật” đến “Nghệ thuật & tác lực” qua góc nhìn của Alfred Gell, Tạp chí *Tia sáng* số 13, 2012, ISSN: 0868-3131.
6. Đinh Hồng Hải (2014), *Thị trường mỹ thuật Việt Nam trước thách thức hội nhập và phát triển*, Tạp chí Mỹ thuật và Nhiếp ảnh, Hà Nội, tr.20
7. Đỗ Văn Khang, Phạm Thế Hùng, Đỗ Thị Minh Thảo (2001), *Nghệ thuật học*. NxbĐHQG Hà Nội
8. Franz Boas (1955), *Primitive Art (Nghệ thuật nguyên thủy)*,Dove publication Inc., New York.

9. Howard Morphy & Morgan Perkins eds.(2006), *The Anthropology of Art: A Reader (So tay nhân học nghệ thuật)*, Blackwell Anthologies in Social and Cultural Anthropology.
10. Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân (2001), *Mỹ học đại cương*. Nxb. Giáo dục, Hà Nội

## **6.2. Tài liệu tham khảo**

1. E. Adamson Hoebel (2007), *Nhân chủng học: Khoa học về con người (Anthropology: The study of man)* (Biên dịch: Lê Sơn, Lê Trọng Nghĩa, Phạm Khương). Nxb tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh.
2. Đinh Hồng Hải (2012), *Các bộ trang trí điển hình* (Tập 1 trong bộ sách *Những biểu tượng đặc trưng trong văn hóa truyền thống Việt Nam*), Nxb Tri thức, Hà Nội
3. Đinh Hồng Hải, *Thực trạng thiếu cập nhật lý thuyết ở các trường đại học Việt Nam và vai trò của nghệ thuật học*. Hội thảo “Đào tạo trình độ Sau đại học các chuyên ngành Văn hóa Nghệ thuật” do trường Đại học sư phạm nghệ thuật trung ương tổ chức tại Hà Nội tháng 3/2015.
4. Đinh Hồng Hải (2014), “Tính biểu tượng trong nghệ thuật”, Tạp chí *Mỹ thuật ứng dụng số 1*, Hà Nội.
5. Đinh Hồng Hải (2013) “Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy lịch sử ở Việt Nam trong giai đoạn hội nhập khoa học và giáo dục thế giới: Tiếp cận mô hình biểu tượng và niên đại học”, Tạp chí *Nhân lực khoa học xã hội số 2*, 2013, ISSN; 0866-756X.
6. Vũ Minh Chi (2004), *Nhân học văn hóa: Con người với thiên nhiên, xã hội và thế giới siêu nhiên*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Tập bài giảng *Nghệ thuật và nhân văn* trong chương trình Nhiệm vụ chiến lược của ĐHQGHN đào tạo cử nhân trình độ quốc tế (ISP) tại Trường ĐH Kinh tế.

## **7. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Tự học, đọc và dịch tài liệu trên cơ sở hướng dẫn, phân công.
- Chọn đề tài thuyết trình, thảo luận và viết thu hoạch phù hợp với đề tài luận án.

Các yêu cầu khác:

- + Chuyên cần: Trọng số 10%
- + Thuyết trình nhóm: Trọng số 20%
- + Tiểu luận cuối kỳ: Trọng số 70%

## Học phần tự chọn 5

**Tên học phần: Quản lý dự án thiết kế**

**Subject name: Design Project Management**

### 1. Các yêu cầu của môn học:

Số tín chỉ: 3	<b>Số tiết ( Lý thuyết, Bài tập &amp; thực hành, Tự học)</b>						
Số tiết: 45		<b>LT</b>	<b>BT</b>	<b>TL</b>	<b>ĐA</b>	<b>BTL/TL</b>	
		15	15	5	0	10	
Đánh giá môn học:	<b>TT</b>	<b>Phương pháp đánh giá</b>				<b>Số lần</b>	<b>Trong số (%)</b>
	1	Chuyên cần					20
	2	Kiểm tra giữa môn học					
	3	Thực hành, thí nghiệm					
	4	Thuyết trình, thảo luận				2	30
	5	Tiểu luận cuối môn học				1	50
Thang điểm đánh giá	10/10						
Môn học tiên quyết	Không						
Môn học trước	Không						
Môn học song hành	Không						

Ghi chú: LT: lý thuyết, BT: bài tập, TL: thảo luận, ĐA: đồ án, BTL: bài tập lớn, TL: tiểu luận

### 2. Phòng phụ trách giảng dạy:

Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự kiến giảng viên:

- TS Nguyễn Hồng Ngọc
- TS Đỗ Văn Dũng

### 3. Mô tả môn học:

Môn học cung cấp các khái niệm, phương pháp quản lý tiến trình thực hiện những thiết kế phức tạp, cần đến nhiều giai đoạn trong một thời gian dài, liên quan đến nhiều nhóm công việc khác nhau, giúp cho việc thực hiện các nhiệm vụ được đồng bộ, thống nhất, kiểm soát được thời gian cũng như tiến độ.

### 4. Mục tiêu của môn học:



*Về kiến thức:* Cung cấp cho học viên hệ thống khái niệm và các phương pháp để quản lý tốt tiến trình cũng như kiểm soát được thời gian và chất lượng công việc.

*Về kỹ năng:* Xây dựng tính khoa học trong tổ chức công việc, rèn giũa tính kỷ luật và trách nhiệm trong việc thực hiện quá trình làm việc.

### 5. Nội dung môn học:

Giới thiệu các khái niệm và quy trình để xây dựng dự án, phân tích quá trình hình thành sản phẩm công nghiệp

STT	Tên chương, bài	Tổng số tiết	Số tiết giảng	Số tiết thảo luận	Số tiết học viên tự nghiên cứu tài liệu và viết tiểu luận
1	Giới thiệu chung về dự án	9	3	2	4
2	Tính chỉnh thể của dự án	9	3	2	4
3	Phạm vi hoạt động của dự án	9	3	2	4
4	Thời gian hoạt động và chi phí của dự án	9	3	2	4
5	Phối hợp thông tin và Chất lượng của dự án	9	3	2	4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>15</b>	<b>10</b>	<b>20</b>

#### Nội dung chi tiết học phần:

**Chương 1:** Giới thiệu chung về dự án

- Các lĩnh vực cơ bản của quản lý dự án
- Các kiến thức kỹ năng cần thiết trong một dự án

**Chương 2:** Tính chỉnh thể của dự án.

**Chương 3:** Phạm vi hoạt động của dự án

**Chương 4:** Thời gian hoạt động và chi phí của dự án

**Chương 5:** Phối hợp thông tin và Chất lượng của dự án của dự án.

### 6. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Phạm Thành Nam và Trương Chí Tiên (2007), *Giáo trình quản trị học đại cương*, Nxb Thống kê.

2. A guide to The Project management body of knowledge, Project Management institute, USA, 1996

**7. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Tự học, đọc và dịch tài liệu trên cơ sở hướng dẫn, phân công.
- Chọn đề tài thuyết trình, thảo luận và viết thu hoạch phù hợp với đề tài luận văn.

Các yêu cầu khác;

+ Chuyên cần: Trọng số 20%

+ Thuyết trình nhóm: Trọng số 30%

+ Tiểu luận cuối kỳ: Trọng số 50%

## PHẦN III: KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

### Học phần bắt buộc 1

**Tên học phần:** Cơ sở lý luận design

**Subject name:** Basic Reasoning Design

#### 1. Các yêu cầu của môn học;

Số tín chỉ: 3	Số tiết ( Lý thuyết, Bài tập & thực hành, Tự học)					
Số tiết: 45		<b>LT</b>	<b>BT</b>	<b>TL</b>	<b>ĐA</b>	<b>BTL/TL</b>
		25	10	10	0	20
Đánh giá môn học:	<b>TT</b>	<b>Phương pháp đánh giá</b>			<b>Số lần</b>	<b>Trong số (%)</b>
	1	Chuyên cần				20
	2	Kiểm tra giữa môn học				
	3	Thực hành, thí nghiệm				
	4	Thuyết trình, thảo luận			2	20
	5	Tiểu luận cuối môn học			1	70
Thang điểm đánh giá	10/10					
Môn học tiên quyết	Không					
Môn học trước	Không					
Môn học song hành	Không					

Ghi chú: LT: lý thuyết, BT: bài tập, TL: thảo luận, ĐA: đồ án, BTL: bài tập lớn, TL: tiểu luận

#### 2. Phòng phụ trách giảng dạy:

Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự kiến giảng viên:

- PGS.TS Cung Dương Hằng
- TS Nguyễn Hồng Ngọc
- TS Đỗ Văn Dũng

#### 3. Mô tả môn học:

Đây là môn học cung cấp hệ thống lý luận cơ bản cho hoạt động sáng tạo design/thiết kế mỹ thuật, hỗ trợ nhà thiết kế trong quá trình thực hiện công việc thiết kế cá nhân. Kết thúc môn học, học viên chủ động nghiên cứu, thực hiện 1 tiểu luận có nội dung sát với đồ án thiết kế và luận văn tốt nghiệp.

#### 4. Mục tiêu của môn học:

Môn học trang bị cho học viên hệ lý thuyết lý luận cơ bản về chuyên ngành design/ thiết kế mỹ thuật, là nền tảng cơ sở để học viên chủ động giải quyết những vấn đề trong quá trình thực hiện thiết kế, cũng như vận dụng những kiến thức đó vào việc tiếp cận nghiên cứu, viết bài về các vấn đề mang tính chất lý luận chuyên ngành.

*Về kiến thức:* Nắm vững hệ lý luận chuyên ngành.

*Về kỹ năng:* Khả năng phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá và đi sâu nghiên cứu lý luận chuyên ngành, kỹ năng làm việc độc lập.

*Về thái độ:* Chủ động, độc lập.

#### 5. Nội dung môn học:

Giới thiệu và phân tích quá trình hình thành sản phẩm công nghiệp và các phương pháp sáng tạo trong thiết kế sản phẩm.

STT	Tên chương, bài	Tổng số tiết	Số tiết giảng	Số tiết thảo luận	Số tiết học viên tự nghiên cứu tài liệu và viết tiểu luận
1	Hệ khái niệm về design/ thiết kế mỹ thuật	9	5	2	2
2	Quá trình hình thành sản phẩm công nghiệp.	9	5	2	2
3	Cơ sở phương pháp luận design	9	5	2	2
4	Các phương pháp sáng tạo căn bản	9	5	2	2
5	Một số minh họa về quá trình thiết kế sản phẩm.	9	5	2	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>25</b>	<b>10</b>	<b>10</b>

#### Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Lịch sử ra đời của phương pháp luận design

Chương 2: Quá trình hình thành sản phẩm công nghiệp

Chương 3: Cơ sở phương pháp luận design

Chương 4: Các phương pháp sáng tạo căn bản

Chương 5; Một số minh họa về quá trình thiết kế sản phẩm.

Chương 6: Một số vấn đề lý luận trong sáng tạo design

- Phân biệt các khái niệm: design, mỹ thuật ứng dụng, mỹ thuật công nghiệp, thiết kế mỹ thuật
- Vai trò và vị trí của design trong đời sống xã hội đương đại
- Vấn đề tiếp nối truyền thống với hiện đại trong design
- Sự ảnh hưởng của các trào lưu design hiện đại vào Việt Nam.
- Những nền tảng truyền thống: thủ công mỹ nghệ truyền thống (chất liệu, vật liệu, kỹ thuật truyền thống...)
- Vấn đề phong cách trong design
- Học tập và giảng dạy design.

#### **6. Tài liệu tham khảo:**

1. Frick (1982), *Phương pháp luận Design*, Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Halle.
2. Horst Oehlke (1985), *Giáo trình lớp năng cao trình độ*, Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội
3. Tạp chí Form + ZWECK 1985, 1986, 1987
4. A. Hueckle (1971), *Tạo dáng công nghiệp là bộ phận cơ bản của sự phát triển sản xuất hàng hóa*, Nxb Khoa học, Berlin.
5. Tập thể tác giả (1978), *Phương pháp thiết kế sản phẩm*, Viện nghiên cứu mỹ thuật công nghiệp Liên bang Nga (VINITTE), Mockva.

#### **7. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Tự học, đọc và dịch tài liệu trên cơ sở hướng dẫn, phân công.
- Chọn đề tài thuyết trình, thảo luận và viết thu hoạch phù hợp với đề tài luận văn tốt nghiệp.

Các yêu cầu khác:

- + Chuyên cần; Trọng số 20%
- + Thuyết trình nhóm: Trọng số 30%
- + Tiểu luận cuối kỳ: Trọng số 50%

## Học phần bắt buộc 2

Tên học phần: Đồ án thiết kế chuyên ngành

Subject name: Specialized design projects

### 1. Các yêu cầu của môn học:

Số tín chỉ: 3	Số tiết ( Lý thuyết, Bài tập & thực hành, Tự học)						
Số tiết: 45		LT	BT	TL	ĐA	BTL/TL	
		15	0	0	30		
Đánh giá môn học:	TT	Phương pháp đánh giá				Số lần	Trong số (%)
	1	Chuyên cần					10
	2	Kiểm tra giữa môn học					
	3	Thực hành, thí nghiệm					
	4	Thuyết trình, thảo luận					
	5	Tiểu luận cuối môn học				1	90
Thang điểm đánh giá	10/10						
Môn học tiên quyết	Lịch sử design Phát triển ý tưởng sáng tạo design Cơ sở lý luận design						
Môn học trước	Lịch sử design Phát triển ý tưởng sáng tạo design Cơ sở lý luận design						
Môn học song hành	Không						

Ghi chú: LT: lý thuyết, BT: bài tập, TL: thảo luận, ĐA: đồ án, BTL: bài tập lớn, TL: tiểu luận

### 2. Phòng phụ trách giảng dạy:

Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự kiến giảng viên:

- PGS. TS. Cung Dương Hằng
- TS Nguyễn Hồng Ngọc
- TS Đỗ Văn Dũng
- TS Nguyễn Đức Sơn
- TS Ngô Thị Thu Trang
- TS Nguyễn Thị Việt Hà

- TS Lê Trần Hậu Anh
- TS Dương Thị Kim Đức
- TS Nguyễn Thị Kim Hương
- PGS.TS Đỗ Lệnh Hùng Tú
- PGS. TS. Võ Thị Thu Thủy
- PGS.TS Nguyễn Lan Hương
- PGS.TS Nguyễn Văn Dương
- PGS.TS Đinh Hồng Hải
- TS. Ngô Minh Hùng
- TS. Nguyễn Thị Lan Hương
- TS Hồ Nam

### **3. Mô tả môn học:**

Môn học gồm 12 ĐVHT, trong đó có 4 ĐVHT lý thuyết liên quan trực tiếp đến nội dung thiết kế của đề án do học viên chủ động chọn lựa, còn lại là 8 ĐVHT bài tập thực hành để thực hiện đề án cá nhân, ưu tiên những nội dung và giải pháp thiết kế mang tính thực tiễn cao. Học phần được đánh giá bằng cách chấm điểm năng lực thực tế thể hiện cụ thể trên hệ thống sản phẩm thiết kế của đề án. Kết thúc học phần, những phần thiết kế tốt của đề án được GVHD chọn lựa, hỗ trợ học viên tiếp tục khai thác, hoàn thiện thêm ý tưởng để phát triển lên thành đề án tốt nghiệp chuyên ngành.

### **4. Mục tiêu của môn học:**

Thông qua việc thực hiện đề án dưới sự hướng dẫn của giảng viên, học viên trải nghiệm việc vận dụng những kiến thức, kỹ năng tổng hợp trong cả chương trình đào tạo vào việc tạo ra 1 hệ thống sản phẩm thiết kế cụ thể, đáp ứng được những yêu cầu đòi hỏi thực tế.

### **5. Nội dung môn học:**

Bao quát, tổng hợp và cụ thể hoá lại toàn bộ kiến thức kỹ năng của các học phần đã học trước đó bằng quá trình cọ sát với thực tế thực hiện hệ thống sản phẩm thiết kế.

### **6. Phương pháp đánh giá môn học:**

Chuyên cần: Trọng số 10%

Đề án: Trọng số 90%

## PHẦN IV: KIẾN THỨC TỰ CHỌN

### Học phần tự chọn 1

Tên học phần: Mỹ thuật môi trường đô thị

Subject name: Urban Environmental Art

#### 1. Các yêu cầu của môn học:

Số tín chỉ: 3	Số tiết ( Lý thuyết, Bài tập & thực hành, Tự học)						
Số tiết: 45		LT	BT	TL	ĐA	BTL/TL	
		25	0	10	0	10	
Đánh giá môn học:	TT	Phương pháp đánh giá				Số lần	Trong số (%)
	1	Chuyên cần					20
	2	Kiểm tra giữa môn học					
	3	Thực hành, thí nghiệm					
	4	Thuyết trình, thảo luận					30
	5	Tiểu luận cuối môn học				1	50
Thang điểm đánh giá	10/10						
Môn học tiên quyết	Lịch sử design Triết học						
Môn học trước	Lịch sử design						
Môn học song hành	Không						

Ghi chú: LT: lý thuyết, BT: bài tập, TL: thảo luận, ĐA: đồ án, BTL: bài tập lớn, TL: tiểu luận

#### 2. Phòng phụ trách giảng dạy:

Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự kiến giảng viên:

- PGS.TS Cung Dương Hằng
- TS Nguyễn Hồng Ngọc
- GS.TS Nguyễn Xuân Tiên
- TS Nguyễn Thị Lan Hương

#### 3. Mô tả môn học:

Đây là môn học bổ sung cho chương trình đào tạo mã ngành Mỹ thuật ứng dụng ở bậc học Thạc sĩ. Ở chương trình đào tạo Đại học, Thạc sĩ các chuyên ngành khác, sinh viên và học viên chưa được học môn học này.

#### 4. Mục tiêu của môn học:



Cung cấp cho học viên nắm được những khái niệm tổng quan về môi trường, mỹ thuật môi trường và thực trạng hiện nay của mỹ thuật môi trường đô thị Việt Nam, trên cơ sở đó vận dụng vào trong các hoạt động nghệ thuật, nghiên cứu, sáng tác của bản thân.

*Về kiến thức:* Cung cấp cho học viên những đặc trưng cơ bản về môi trường, mỹ thuật môi trường. Giúp học viên nắm rõ thực trạng, những mặt ưu, khuyết điểm của mỹ thuật môi trường Việt Nam hiện nay. Tạo cho học viên có những suy nghĩ và giải pháp tốt trong quá trình sáng tác và thực hiện các công trình nghệ thuật môi trường...

*Về kỹ năng:* Có khả năng tư duy liên ngành và vận dụng vào việc nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực mỹ thuật ứng dụng, một thành tố quan trọng trong không gian mỹ thuật môi trường đô thị.

### 5. Nội dung môn học:

Nội dung môn học đề cập khái quát về lĩnh vực mỹ thuật môi trường đô thị ở các tỉnh thành Việt Nam, tập trung ở các thành phố, thị xã lớn trực thuộc tỉnh, trung ương khu vực Nam bộ, nêu bật lên những mặt mạnh, tích cực và những mặt còn hạn chế ở lĩnh vực này nhằm đưa ra những giải pháp cụ thể, hướng tới việc nâng cao chất lượng thẩm mỹ trong không gian đô thị, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến các sản phẩm thiết kế Mỹ thuật ứng dụng.

STT	Tên chương, bài	Tổng số tiết	Số tiết giảng	Số tiết thảo luận	Số tiết học viên tự nghiên cứu tài liệu và viết tiểu luận
1	Tổng quan về mỹ thuật môi trường đô thị Việt Nam	9	5	2	2
2	Điêu khắc môi trường đô thị Việt Nam	9	5	2	2
3	Hội họa và sản phẩm mỹ thuật ứng dụng trong không gian đô thị Việt Nam	12	6	3	3
4	Thành tựu - hạn chế, xu hướng phát triển và giải pháp nâng cao chất lượng mỹ thuật môi trường đô thị Việt Nam	13	7	3	3
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>25</b>	<b>10</b>	<b>10</b>

## **Nội dung chi tiết học phần:**

### Chương 1: Tổng quan về mỹ thuật môi trường đô thị Việt Nam

- Điều kiện địa lý, kinh tế, văn hóa, xã hội Việt Nam
- Sự hình thành các đô thị Việt Nam
- Khái niệm môi trường, môi trường đô thị và mỹ thuật môi trường đô thị

### Chương 2: Điều khắc môi trường đô thị Việt nam

- Các công trình điêu khắc hoành tráng trong đô thị
- Điều khắc bài trí trong các công viên
- Điều khắc trang trí các công trình kiến trúc
- Điều khắc đặt trên các vỉa hè đường phố

### Chương 3: Hội họa và sản phẩm mỹ thuật ứng dụng trong không gian đô thị Việt Nam

- Tranh vẽ trong không gian công cộng của đô thị
- Bảng hiệu quảng cáo
- Các loại đèn trang trí, chiếu sáng đường phố
- Các thiết bị trò chơi ở công viên

### Chương 4: Thành tựu - hạn chế, xu hướng phát triển và giải pháp nâng cao chất lượng mỹ thuật môi trường đô thị Việt Nam

- Những thành tựu và hạn chế về mỹ thuật môi trường đô thị ở Việt Nam
- Xu hướng phát triển mỹ thuật môi trường đô thị Việt Nam trong thời kỳ mở cửa, hội nhập quốc tế.
- Giải pháp nâng cao chất lượng mỹ thuật môi trường đô thị Việt Nam.

## **6. Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Văn Dương (2009), Luận án Tiến sĩ *Mỹ thuật môi trường Hà Nội*, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam.
2. Nguyễn Xuân Tiên (2008), Luận án Tiến sĩ *Quá trình phát triển Điều khắc hoành tráng Việt Nam thế kỷ XX*, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam.
3. Nguyễn Xuân Tiên (2014), Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ "*Điều khắc trong môi trường văn hóa đô thị ở Nam Bộ*", Vụ khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.
4. Phạm Công Thành, Triệu Thúc Đan, Nguyễn Trân, Nguyễn Quân (1981), *Nghệ thuật hoành tráng*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
5. Lê Thước (2002), *Tính năng - phương pháp biểu hiện nghệ thuật tạo hình và hợp thể kiến trúc* (tài liệu bài giảng Mỹ thuật học).
6. Nguyễn Trân (1994), *Giáo trình Lịch sử Mỹ thuật thế giới*, Nxb Mỹ thuật, HN.

7. Nguyễn Trân (2005), *Các thể loại và loại hình mỹ thuật*, Nxb Mỹ thuật, HN.
8. Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội - Viện Mỹ thuật (2005), *Mỹ thuật Việt Nam hiện đại*, Nxb Văn hóa phẩm Bộ VHTT.
9. Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội - Viện Mỹ thuật (2006), *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Điêu khắc ngoài trời Việt Nam hiện đại*, Nhà xuất bản Mỹ thuật, Hà Nội
10. Georges Duby and Jean-Luc Daval (2006), *Sculpture From the Renaissance to the Present Day*, Printed in China.
11. Laura Brooks (1997), *Monuments Masterpieces of Architecture*, This book was designed and produced by Todtri Productions Limited, New York.
12. Robb M.D and Garrison J.J (1953), *Art in the Western World*, Printed in the United States of America.
13. Rolf Toman (Edited) - Achim Bednorz (Photos) (2007), *Baroque Architecture Sculpture Painting*, Printed in China.
14. Xubin (2005), *American city sculpture*, ISBN 7-5381-4567-2.

#### **7. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Tự học, đọc và dịch tài liệu trên cơ sở hướng dẫn, phân công.
- Chọn đề tài thuyết trình, thảo luận và viết thu hoạch phù hợp với đề tài luận án.

Các yêu cầu khác:

- + Chuyên cần: Trọng số 20%
- + Thuyết trình nhóm: Trọng số 30%
- + Tiểu luận cuối kỳ; Trọng số 50%

## Học phần tự chọn 2

Tên học phần: Công nghệ - chất liệu

Subject name: Materials - Technology in design

### 1. Các yêu cầu của môn học:

Số tín chỉ: 3	Số tiết ( Lý thuyết, Bài tập & thực hành, Tự học)						
Số tiết: 45		LT	BT	TL	ĐA	BTL/TL	
		15	20	10	0	10	
Đánh giá môn học:	TT	Phương pháp đánh giá				Số lần	Trong số (%)
	1	Chuyên cần					20
	2	Kiểm tra giữa môn học					
	3	Thực hành, thí nghiệm					
	4	Thuyết trình, thảo luận				2	30
	5	Tiểu luận cuối môn học				1	70
Thang điểm đánh giá	10/10						
Môn học tiên quyết	Không						
Môn học trước	Không						
Môn học song hành	Không						

Ghi chú: LT: lý thuyết, BT: bài tập, TL: thảo luận, ĐA: đồ án, BTL: bài tập lớn, TL: tiểu luận

### 2. Phòng phụ trách giảng dạy:

Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự kiến giảng viên:

- PGS.TS Cung Dương Hằng
- TS Nguyễn Hồng Ngọc
- TS Đỗ Văn Dũng
- TS Lê Trần Hậu Anh
- TS Nguyễn Đức Sơn

### 3. Mô tả môn học:

Môn học cung cấp các khái niệm, lý thuyết liên quan đến việc sử dụng công nghệ, vật liệu trong lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng.

#### 4. Mục tiêu của môn học:

*Về kiến thức:* Cung cấp cho học viên hệ thống khái niệm và các phương pháp để vận dụng các vật liệu nhằm tạo được hiệu quả thẩm mỹ tốt, phù hợp với công năng. Nắm được các xu hướng vật liệu trong chuyên ngành.

*Về kỹ năng:* Sử dụng thành thạo chất liệu để tạo nên hiệu quả thẩm mỹ cho sản phẩm.

#### 5. Nội dung môn học:

Giới thiệu các khái niệm vật liệu và quy trình hình thành vật liệu, một số đặc tính lý hóa, vận dụng phối hợp các chất liệu để tạo được hiệu quả cuối cùng

STT	Tên chương, bài	Tổng số tiết	Số tiết giảng	Số tiết thảo luận	Số tiết học viên tự nghiên cứu tài liệu và viết tiểu luận
1	Lịch sử ra đời của vật liệu, phân loại các loại vật liệu, tìm hiểu đặc tính kỹ thuật của vật liệu	9	3	2	4
2	Xu hướng sử dụng của vật liệu trong các ngành thiết kế.	9	3	2	4
3	Quy trình chế tác một số vật liệu thông dụng.	9	3	2	4
4	Phối hợp vật liệu để tạo nên hiệu quả thẩm mỹ.	9	3	2	4
5	Vận dụng vật liệu trong các sản phẩm công nghiệp.	9	3	2	4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>15</b>	<b>10</b>	<b>20</b>

#### Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Lịch sử ra đời của vật liệu

Chương 2: Xu hướng sử dụng của vật liệu trong các ngành thiết kế.

Chương 3: Quy trình chế tác một số vật liệu thông dụng.

Chương 4: Phối hợp vật liệu để tạo nên hiệu quả thẩm mỹ.

Chương 5: Vận dụng vật liệu trong các sản phẩm công nghiệp.

## **6. Tài liệu tham khảo:**

Mike Ashby and Kara Johnson (2014), Materials and Design, Elsevier.

## **7. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Tự học, đọc và dịch tài liệu trên cơ sở hướng dẫn, phân công.
- Chọn đề tài thuyết trình, thảo luận và viết thu hoạch phù hợp với đề tài luận văn.

Các yêu cầu khác:

- + Chuyên cần; Trọng số 20%
- + Thuyết trình nhóm: Trọng số 30%
- + Tiểu luận cuối kỳ: Trọng số 50%

### Học phần tự chọn 3

**Tên học phần: Các loại hình nghệ thuật thị giác mới**

**Subject name: The Visual Art Form New**

1. Các yêu cầu của môn học:

Số tín chỉ: 2-3	Số tiết ( Lý thuyết, Bài tập & thực hành, Tự học)						
Số tiết: 30		<b>LT</b>	<b>BT</b>	<b>TL</b>	<b>ĐA</b>	<b>BTL/TL</b>	
		15	0	6	0	9	
Đánh giá môn học:	<b>TT</b>	<b>Phương pháp đánh giá</b>				<b>Số lần</b>	<b>Trong số (%)</b>
	1	Chuyên cần					20
	2	Kiểm tra giữa môn học					
	3	Thực hành, thí nghiệm					
	4	Thuyết trình, thảo luận					30
	5	Tiểu luận cuối môn học				1	50
Thang điểm đánh giá	10/10						
Môn học tiên quyết	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam Lịch sử Mỹ thuật thế giới Triết học						
Môn học trước	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam Lịch sử Mỹ thuật thế giới Xã hội học nghệ thuật						
Môn học song hành	Không						

Ghi chú: LT: lý thuyết, BT; bài tập, TL: thảo luận, ĐA: đồ án, BTL; bài tập lớn, TL: tiểu luận

### 2. Phòng phụ trách giảng dạy:

Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự kiến giảng viên:

- PGS.TS Nguyễn Văn Minh
- PGS.TS Cung Dương Hằng
- TS Nguyễn Hồng Ngọc
- TS Nguyễn Đức Sơn
- TS Lê Trần Hậu Anh

### 3. Mô tả môn học:

Các loại hình nghệ thuật thị giác mới là một môn học chưa từng có trong chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng. Nội dung môn học giúp các học viên mở rộng kiến thức liên ngành, hỗ trợ hoạt động sáng tác và nghiên cứu chuyên ngành giai đoạn hiện nay.

### 4. Mục tiêu của môn học:

Cung cấp cho học viên nắm được tổng quan chung về nghệ thuật mới, các loại hình nghệ thuật thị giác mới, và sự tiếp biến loại hình nghệ thuật thị giác mới ở Việt Nam. Trên cơ sở đó người học có thể vận dụng vào trong các hoạt động nghệ thuật, nghiên cứu, sáng tác của bản thân.

*Về kiến thức:* Cung cấp cho học viên cao học những kiến thức cơ bản tổng quan chung về nghệ thuật mới, các loại hình nghệ thuật thị giác mới, và sự tiếp biến loại hình nghệ thuật thị giác mới ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

*Về kỹ năng:* Có khả năng tư duy liên ngành và vận dụng vào việc nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực mới của nghệ thuật thị giác.

### 5. Nội dung môn học:

Trình bày tổng quan chung về nghệ thuật mới, các loại hình nghệ thuật thị giác mới và sự tiếp biến loại hình nghệ thuật thị giác mới ở Việt Nam, trong bối cảnh chung của khu vực và thế giới.

STT	Tên chương, bài	Tổng số tiết	Số tiết giảng	Số tiết thảo luận	Số tiết học viên tự nghiên cứu tài liệu và viết tiểu luận
1	Tổng quan về nghệ thuật mới	10	5	2	3
2	Các loại hình nghệ thuật thị giác mới	10	5	2	3
3	Sự tiếp biến loại hình nghệ thuật thị giác mới ở Việt Nam	10	5	2	3
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30</b>	<b>15</b>	<b>6</b>	<b>9</b>

#### Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Tổng quan về nghệ thuật mới



- Khái niệm chung
  - Lịch sử hình thành
- Chương 2: Các loại hình nghệ thuật thị giác mới
- Nghệ thuật sắp đặt (Installation Art)
  - Nghệ thuật trình diễn (Performing Arts)
  - Video nghệ thuật (Video Art)
  - Kinetic Art (Nghệ thuật Diễn động) (1950's-1960's)
  - Pop Art (1961-1968)
  - Op Art (1964-1967)
  - Minimalism (nghệ thuật Tối giản) (1966-1970)
  - Nghệ thuật Khái niệm hay Nhận thức (Conceptual Art) (1960's and 70's)
  - Body Art, Environment, Installation, Mail Art
  - Nghệ thuật Truyền thông đa phương tiện (Multimedia Art)...

### Chương 3: Sự tiếp biến loại hình nghệ thuật thị giác mới ở Việt Nam

- Quan niệm chung của xã hội và giới chuyên môn về loại hình nghệ thuật thị giác mới
- Các tác phẩm, tác giả tiêu biểu
- Xu hướng phát triển trong tương lai

### **6. Tài liệu tham khảo:**

1. Trịnh Thị Vân Anh (2006), *Kỹ thuật Đồ họa*, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Hà Nội.
2. Andreas Schmenk, Amo Wetjen - Cao Thụy, Cao Bình (2000) dịch, *Multimedia và thế giới ảo*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Bộ Văn hóa Thông tin (1993), *Giáo trình lịch sử Mỹ thuật Thế giới*, Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội.
4. GON (2007), “Đồ họa trong thế giới ảo”, *Tạp chí Game Việt Nam*, 9/2007, tr.35, [www.gamevn.com](http://www.gamevn.com).
5. Nguyễn Quang Hoan (2007), *Nhập môn trí tuệ nhân tạo*, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Hà Nội.
6. Nguyễn Phi Hoanh (1993), *Văn minh nhân loại - Mỹ thuật và nghệ sĩ*, Nxb Tổng hợp Hồ Chí Minh.
7. Đỗ Văn Khang (2004), *Nghệ thuật học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Laurie Schneider Adams (Trần Văn Huân dịch) (2005), *Khám phá thế giới mỹ thuật*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
9. Lê Thành Lộc (1998), *Từ điển mỹ thuật*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
10. Mai Thanh Long - Nguyễn Thanh Tùng (2007), *Ngành Mỹ thuật đa phương tiện*, Nxb Kim Đồng.

11. Michael Levey (Huỳnh Văn Thanh dịch) (2008), *Lịch sử nghệ thuật phương Tây*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
12. Michael Kämpen O'rRiley (Phan Quang Định biên dịch) (2005), *Những nền Mỹ thuật ngoài phương Tây*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
13. Thanh Nhã (dịch) (2002), “Đôi điều về nghệ thuật sắp đặt”, *Tạp chí Mỹ thuật*, số 56.
14. Nhiều tác giả (1995), *Nghệ thuật châu Á - Quy pháp tạo hình và phong cách*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
15. Ocvirk, Stinson, Wigg, Bone, Cayton (2006), *Những nền tảng của mỹ thuật*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
16. Ocvirk, Stinson, Wigg, Bone, Cayton (2006), *Những nền tảng của mỹ thuật*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
17. P.Fride, R.Carasat, I.Marcade (Lê Thanh Lộc dịch) (2009), *Các phong trào hội họa*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
18. Richard Appignanesi, Chris Gattat (Trần Tiến Cao Đăng dịch) (2006), *Nhập môn chủ nghĩa Hậu hiện đại*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
19. Rita Gilbert (1992), *Living with art*, Alfred A.Knopf, Inc, New York.
20. S.Stavrianos (Đông Lâm dịch) (2006), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Lao Động, Tp.Hồ Chí Minh.
21. Phan Cẩm Thượng (2008), *Nghệ thuật ngày thường*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
22. Tiệp Nhân - Vệ Hải (chủ biên) (2004), Trần Kiệt Hùng - Nguyễn Hồng Trang (dịch), *Từ điển Mỹ thuật hội họa thế giới*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
23. *Toàn cảnh Công nghệ thông tin Việt Nam* (2007), Hội tin học Tp.Hồ Chí Minh.
24. Đỗ Trung Tuấn (2001), *Giới thiệu về Đa phương tiện (Introduction to Multimedia)*, Trung tâm Thông tin Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội.
25. Nguyễn Như Văn (2011), “*Nghệ thuật công cộng nhìn từ chiếc thùng rác ở Paris*”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 321, tháng 7 năm 2011.
26. Nguyễn Như Văn (2011), “*Nghệ thuật công cộng nhìn từ chiếc thùng rác ở Paris*”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 321, tháng 7 năm 2011.
27. Viện Mỹ thuật (2007), *Nghệ thuật Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Đại học Mỹ thuật Việt Nam.
28. Trịnh Thị Xuân (2007), *Đồ họa vi tính*, Trung tâm Tin học và Ngoại ngữ Trí Đức.
29. A.Micheal Noll (1967), *The digital computer as a creative medium*
30. Garrison Roots (2002), *Designing the world's best public art*, Image Publishing.

31. Guy Julier (2003), *The culture of Design*, European Journal of Cultural Studies Publishing.
32. Wendy Beckett (1996), *Lịch sử Hội họa*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
33. <http://vi.wikipedia.org/wiki>
34. <http://fantipogallery.chepvangchanh.com>
35. <http://www.hn-ams.org>
36. <http://huc.edu.vn/vi>
37. <http://www.diendankientruc.com>

#### **7. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Tự học, đọc và dịch tài liệu trên cơ sở hướng dẫn, phân công.
- Chọn đề tài thuyết trình, thảo luận và viết thu hoạch phù hợp với đề tài luận án.

Các yêu cầu khác:

- + Chuyên cần: Trọng số 20%
- + Thuyết trình nhóm: Trọng số 30%
- + Tiểu luận cuối kỳ: Trọng số 50%

## Học phần tự chọn 4

**Tên học phần: Thiết kế đồ họa đa phương tiện**

**Subject name: Designing Multimedia**

### 1. Các yêu cầu của môn học:

Số tín chỉ: 3	Số tiết ( Lý thuyết, Bài tập & thực hành, Tự học)						
Số tiết: 45		LT	BT	TL	ĐA	BTL/TL	
		25	5	5	1	10	
Đánh giá môn học:	TT	Phương pháp đánh giá				Số lần	Trong số (%)
	1	Chuyên cần					20
	2	Kiểm tra giữa môn học					
	3	Thực hành, thí nghiệm					
	4	Thuyết trình, thảo luận					30
	5	Tiểu luận cuối môn học				1	50
Thang điểm đánh giá	10/10						
Môn học tiên quyết	Không						
Môn học trước	Không						
Môn học song hành	Không						

Ghi chú: LT: lý thuyết, BT: bài tập, TL: thảo luận, ĐA: đồ án, BTL; bài tập lớn, TL: tiểu luận

### 2. Phòng phụ trách giảng dạy:

Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự kiến giảng viên:

- TS Nguyễn Hồng Ngọc
- TS Đỗ Văn Dũng
- TS Nguyễn Đức Sơn

### 3. Mô tả môn học:

Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức mở rộng về thiết kế đồ họa trong kỷ nguyên kỹ thuật số. Tích hợp các yếu tố thiết kế truyền thống với thiết kế đa phương tiện. Môn học gồm 3 ĐVHT, trong đó 15 tiết lý thuyết về cơ sở thiết kế đồ họa truyền thông đa phương tiện, 60 tiết thực hiện đồ án.

### 4. Mục tiêu của môn học:

Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao về cơ sở thiết kế đồ họa đa phương tiện. Thông qua đó, học viên áp dụng và triển khai được một đồ án đồ họa truyền thông đa phương tiện trên cơ sở của sự tích hợp hình ảnh, phim, âm thanh... trong một sản phẩm đồ họa truyền thông đa phương tiện

*Về kiến thức:* Nguyên lý thiết kế đồ họa truyền thông đa phương tiện. về kỹ năng: Kỹ năng kết hợp các nguyên lý thiết kế đồ họa ứng dụng và nguyên lý thiết kế mỹ thuật truyền thông đa phương tiện.

*Về thái độ:* Đánh giá đúng tầm quan trọng của nghệ thuật truyền thông đa phương tiện trong mối quan hệ với thiết kế đồ họa MTCN.

### 5. Nội dung môn học:

STT	Tên chương, bài	Tổng Số tiết	Số tiết giảng	Số tiết thảo luận	Số tiết học viên tự nghiên cứu tài liệu và viết tiểu luận thực hiện đồ án
1	Tổng quan lịch sử phát triển của nghệ thuật truyền thông đa phương tiện	5	5		
2	Nguyên lý thiết kế đa phương tiện	5	5		
3	Tích hợp đa phương tiện	17	10	2	5
4	Thiết kế đồ họa truyền thông đa phương tiện	18	10	3	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>5</b>	<b>10</b>

#### Nội dung chi tiết học phần:

#### **Bài 1: Tổng quan lịch sử phát triển của nghệ thuật truyền thông đa phương tiện**

- Lịch sử mỹ thuật ứng dụng và thiết kế đồ họa ứng dụng
- Nghệ thuật truyền thông đa phương tiện trong kỷ nguyên kỹ thuật số

#### **Bài 2: Nguyên lý thiết kế đa phương tiện**

- Thiết kế đồ họa động
- Thiết kế truyền thông tương tác

#### **Bài 3: Tích hợp đa phương tiện**

- Hình ảnh kỹ thuật số
- Phim kỹ thuật số
- Âm thanh kỹ thuật số
- Công nghệ tích hợp

#### **Bài 4. Thiết kế đồ họa truyền thông đa phương tiện**

- Học viên tự chọn đề tài thực hành thiết kế và thảo luận hoặc thuyết trình
- Thể loại: thiết kế đồ họa động (trong đó, kết hợp đồ họa, chữ, video, audio...)

#### **6. Tài liệu tham khảo:**

1. Justin Cone (2013), The History of Motion Graphics, Motionographer.com.
2. Lord, Peter, Sibley, Brian (1998), Creating 3-D animation; The Aardman Book of Filmmaking, New York: Harry N. Abrams. ISBN 0-8109-1996-6.
3. Maltin, Leonard (2006), Leonard Maltin's Movie and Video Guide (2007 ed.), New York: Plume, ISBN 9780452287563.
4. Michael Betancourt (2012), The Origins of Motion Graphics, Cinegraphic.
5. Michael Betancourt, Saul Bass (2011), Animating Modernist Design, Cinegraphic.
6. Sibley, Brian (2000), Chicken Run: Hatching the Movie, New York: Abrams, ISBN 0-8109-4124-4.

#### **7. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Tự học, đọc và dịch tài liệu trên cơ sở hướng dẫn, phân công.
- Chọn đề tài thuyết trình, thảo luận và viết thu hoạch phù hợp với đề tài luận án.

Các yêu cầu khác:

- + Chuyên cần: Trọng số 20%
- + Thuyết trình nhóm: Trọng số 30%
- + Tiểu luận cuối kỳ: Trọng số 50%

## Học phần tự chọn 4

**Tên học phần: Thiết kế bền vững**

**Subject name: Sustainable Design**

### 1. Các yêu cầu của môn học:

Số tín chỉ: 3	<b>Số tiết ( Lý thuyết, Bài tập &amp; thực hành, Tự học)</b>						
Số tiết: 45		<b>LT</b>	<b>BT</b>	<b>TL</b>	<b>ĐA</b>	<b>BTL/TL</b>	
		25	5	5	1	10	
Đánh giá môn học:	<b>TT</b>	<b>Phương pháp đánh giá</b>				<b>Số lần</b>	<b>Trong số (%)</b>
	1	Chuyên cần					20
	2	Kiểm tra giữa môn học					
	3	Thực hành, thí nghiệm					
	4	Thuyết trình, thảo luận					30
	5	Tiểu luận cuối môn học				1	50
Thang điểm đánh giá	10/10						
Môn học tiên quyết	Không						
Môn học trước	Không						
Môn học song hành	Không						

Ghi chú: LT: lý thuyết, BT: bài tập, TL: thảo luận, ĐA: đồ án, BTL; bài tập lớn, TL: tiểu luận

### 2. Phòng phụ trách giảng dạy:

Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự kiến giảng viên:

- PGS.TS Cung Dương Hằng
- TS Nguyễn Hồng Ngọc
- TS Đỗ Văn Dũng
- TS Nguyễn Đức Sơn

### 3. Mô tả môn học:

Môn học gồm các nội dung sau:

Chương 1: Tổng quan về môi trường

Chương 2: Thiết kế xanh - Hướng tiếp cận của thiết kế bền vững

Chương 3: Các yếu tố hình thành xu hướng thiết kế bền vững

Chương 4: Sáng tạo trong thiết kế bền vững

Sau mỗi chương học viên sẽ có câu hỏi thảo luận trên lớp, và đọc tài liệu trước ở nhà nhằm chuẩn bị kiến thức cho các buổi học sau.

#### 4. Mục tiêu của môn học:

Mục tiêu của môn học nhằm giúp các học viên, được trang bị các kiến thức cơ bản và nâng cao, về các nguyên tắc của thiết kế bền vững, từ góc nhìn hệ thống môi trường biến đổi, có ảnh hưởng trong thiết kế, điều kiện kinh tế, sức khỏe con người. Nắm vững các lý thuyết nền tảng về phát triển bền vững trong lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng. Từ đó, người học vận dụng những kiến thức, nguyên tắc cùng với các giải pháp đề ra, xây dựng các dự án nghiên cứu, thực nghiệm các mô phỏng để tạo ra các thiết kế có giá trị bền vững.

#### 5. Nội dung môn học:

STT	Tên chương, bài	Tổng Số tiết	Số tiết giảng	Số tiết thảo luận	Số tiết học viên tự nghiên cứu tài liệu và viết tiểu luận thực hiện đồ án
1	Tổng quan về môi trường	5	5		
2	Thiết kế xanh - Hướng tiếp cận của thiết kế bền vững	5	5		
3	Các yếu tố hình thành xu hướng thiết kế bền vững	17	10	2	5
4	Sáng tạo trong thiết kế bền vững	18	10	3	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>5</b>	<b>10</b>

#### *Nội dung chi tiết môn học:*

##### **Chương 1: Tổng quan về môi trường**

Các khái niệm

Môi trường và biến đổi khí hậu

Những hoạt động vì môi trường, cộng đồng.

##### **Chương 2: Thiết kế xanh - Hướng tiếp cận của thiết kế bền vững**

Sự ra đời của công trình xanh - kiến trúc xanh



Tư duy mới trong thiết kế ứng dụng  
Phương pháp tiếp cận thiết kế mang tính bền vững  
Xu hướng và chiến lược của tính bền vững.

### **Chương 3: Các yếu tố hình thành xu hướng thiết kế bền vững**

Môi trường sống, khí hậu, nguồn năng lượng  
Vật liệu và nguồn nguyên liệu (tái chế, tái sử dụng, quản lý chất thải, vật liệu địa phương...)  
Quan điểm về kinh tế  
Tiêu chuẩn đánh giá và tiêu chuẩn qui định trong thiết kế (LEED, LBC...)

### **Chương 4: Sáng tạo trong thiết kế bền vững**

Giới thiệu và phân tích các thiết kế làm ảnh hưởng môi trường  
Những giải pháp sáng tạo vì môi trường ứng dụng công nghệ trong thiết kế  
Tư duy sáng tạo sản phẩm/ tác phẩm/ không gian mang tính bền vững.

#### ***Yêu cầu và đòi hỏi của môn học***

Học viên có mặt ít nhất 90% tại các buổi học lý thuyết. Đối với các buổi làm bài tập nhóm (làm việc nhóm, thuyết trình) yêu cầu có mặt 100%.

Học viên sẽ được cung cấp tài liệu lý thuyết của môn học theo từng chủ đề của từng tuần/ chương. Các tài liệu đọc thêm (sách), báo cáo nghiên cứu sẽ cung cấp cho học viên để hỗ trợ kiến thức cho việc thực hiện báo cáo tiểu luận và thuyết trình nhóm.

Bài thuyết trình nhóm sẽ do một nhóm học viên thực hiện với các chủ đề đã trao đổi và chọn lựa trong phần case study. Mỗi nhóm gồm bao nhiêu học viên sẽ do giảng viên qui định. Khảo sát, thuyết trình và trả lời câu hỏi.

Điểm tổng kết phải đạt từ 5,0.

Kế hoạch tư vấn môn học

Học viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trong giờ giải lao tại lớp hoặc một ngày nào đó trong tuần (theo lịch đã thống nhất giữa giảng viên với học viên). Nếu những giờ trên không thuận tiện, học viên có thể liên lạc qua điện thoại hoặc email của giảng viên.

Trang thiết bị cần cho việc dạy và học môn học

Micro, máy vi tính, máy chiếu, bảng, phấn/ bút viết bảng, mạng internet

### **6. Tài liệu tham khảo:**

1. Sharon B. Jaffe, Rob Fleming, Mark Karlen, Saglinda H. Roberts, Sustainable
2. Design Basics, Wiley 2020.
3. Joanna Boehnert, Design, Ecology, Politics, Bloomsbery 2018
4. Kennv Kinugasa-Tsui, Co-Working space Design, Images 2018.

5. Phạm Đức Nguyên, Kiến trúc sinh khí hậu, Thiết kế sinh khí hậu trong kiến trúc Việt Nam, nhà xuất bản Xây dựng 2012.

### **7. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Tự học, đọc và dịch tài liệu trên cơ sở hướng dẫn, phân công.
- Chọn đề tài thuyết trình, thảo luận và viết thu hoạch phù hợp với đề tài luận án.

Các yêu cầu khác:

- + Chuyên cần: Trọng số 20%
- + Thuyết trình nhóm: Trọng số 30%
- + Tiểu luận cuối kỳ: Trọng số 50%

### **4.3. Dự kiến kế hoạch đào tạo**

- Năm 2020-2021: Xây dựng Đề án đăng ký đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật ứng dụng, Mã số: 62 21 04 10

- Năm 2021-2022: Tổ chức thi tuyển khóa 1, dự kiến số lượng tuyển: 15-20 học viên.

- Năm 2022 - 2023: Tổ chức thi tuyển khóa 2, dự kiến số lượng tuyển: 20 học viên.

- Năm 2023 - 2024: Tổ chức thi tuyển khóa 3, dự kiến số lượng tuyển: 20 học viên.

- Năm 2024- 2025: Tổ chức thi tuyển khóa 4, dự kiến số lượng tuyển: 25 học viên.

- Năm 2025 - 2026: Tổ chức thi tuyển khóa 5, dự kiến số lượng tuyển: 30 học viên.

## KẾT LUẬN

Thực hiện chủ trương đào tạo theo nhu cầu xã hội, nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành mỹ thuật cho các trường nghệ thuật tại các tỉnh phía Nam và xuất phát từ thực tiễn, khả năng về đội ngũ, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo của Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Việc đề nghị mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong khu vực. Với những điều kiện hiện có và theo lộ trình xây dựng, phát triển giai đoạn 2020-2030, Nhà trường trọng tâm đầu tư để tổ chức đào tạo *Thạc sĩ ngành Nghệ thuật* với chuyên ngành *Mỹ thuật ứng dụng - Mã số 60 21 04 01*, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, quyết tâm đảm bảo hiệu quả và chất lượng đào tạo đối với các ngành đăng ký mở.

Căn cứ điều kiện, quy trình, hồ sơ đăng ký mở mã ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng Đề án đăng ký mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng từ năm học 2020-2021.

Đề nghị Vụ Giáo dục đại học - Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét.

Xin trân trọng cảm ơn!

**HIỆU TRƯỞNG**

*Nơi nhận:*

- Vụ GDDH - Bộ GD&ĐT;
- Vụ Đào tạo - Bộ VHTT&DL;
- Lưu VT, TV, Khoa SDH.

**PGS.TS Nguyễn Văn Minh**